

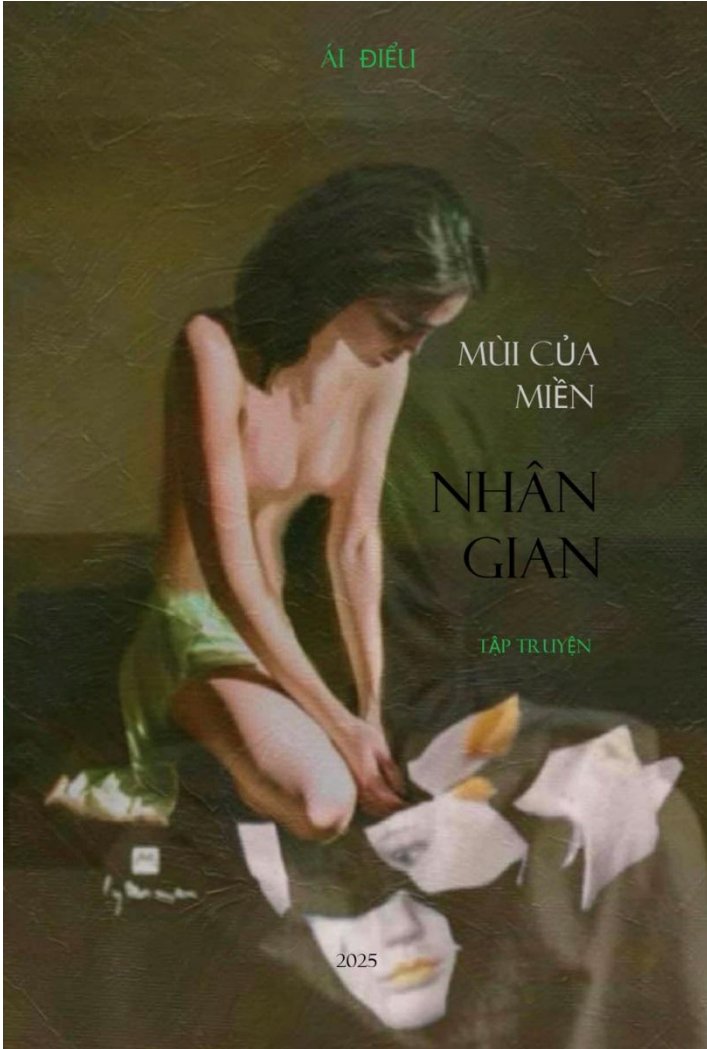
ÁI ĐIỀU

MÙI CỦA
MIỀN

NHÂN
GIAN

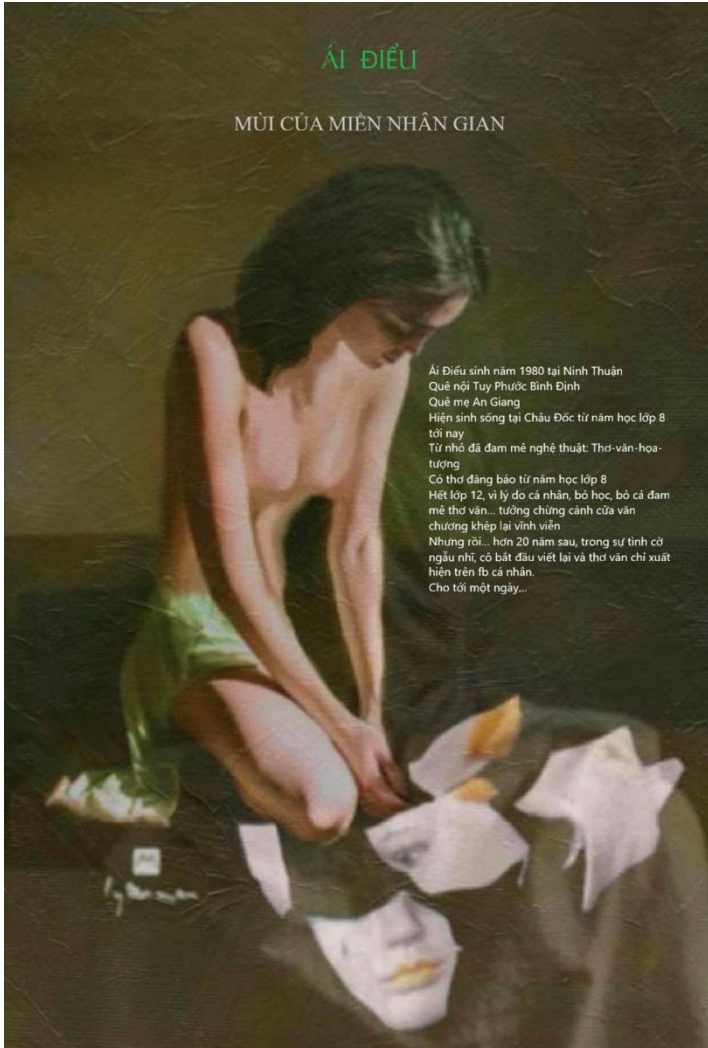
TẬP TRUYỆN

2025



ÁI ĐIỀU

MÙI CỦA MIỀN NHÂN GIAN



Ái Điếu sinh năm 1980 tại Ninh Thuận
Quê nội Tuy Phước Bình Định
Quê mẹ An Giang
Hiện sinh sống tại Châu Đốc từ năm học lớp 8
tới nay
Từ nhỏ đã đam mê nghệ thuật: Thơ-văn-hoa-tượng
Có thơ đăng báo từ năm học lớp 8
Hết lớp 12, vì lý do cá nhân, bỏ học, bỏ cả đam
mê thơ văn... tưởng chừng cánh cửa văn
chương khép lại vĩnh viễn
Nhưng rồi... hơn 20 năm sau, trong sự tĩnh cơ
ngẫu nhi, cô bắt đầu viết lại và thơ văn chỉ xuất
hiện trên fb cá nhân.
Cho tới một ngày...

ÁI ĐIỀU

MÙI CỦA MIỀN
NHÂN GIAN

tập truyện

2025

*Với ấn bản điện tử của tập truyện này, độc giả có thể đọc trực tiếp bất cứ truyện nào trong Mục Lục bằng cách bấm thẳng vào tên truyện muốn đọc.

Mục lục

NGƯỜI KHÔNG CÓ DẤU CHÂN	1
BỐN ĐOẠN NGẮN VỀ MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ	12
MỘ PHẦN CỦA NHỮNG NGỌN LỬA NHỎ	18
17 ĐOẠN KHÚC CỦA QUÁN CAFE ĐEN	23
LỮ KHÁCH	76
NƠI ĐÁT LÀNH CHIM ĐẬU.....	82
VIỄN TƯỞNG	89
HÀM TRÚ ẨN CHO NGƯỜI VÀ CHỮ'	96
QUÁN CHÁO LÚ	104
CHUYỆN LẠ (2).....	114
NGƯỜI VÀ NGƯỜI VÀ NHỮNG NGƯỜI.....	124
CON MẮT TRỜI DẠT	135
MÙI CỦA MIỀN NHÂN GIAN	140

VONG SỐNG.....	146
CÔI BÔNG LAI	154
CHUYỆN LẠ	162
MÔI TRÌNH KỸ NỮ	164
SIÊU NHÂN.....	175
BAY TRÊN BỐN MƯƠI LĂM NGỌN GIÓ BẮC.....	181
GA XÉP.....	187
PHỤ LỤC	194
Trần Doãn Nho: Vài cảm nghĩ về truyện ngắn của một cây bút mới: Ái Điều	195
Nguyễn Lệ Uyên: ÁI ĐIỀU, Cõi lạ văn chương.....	203

*Ấn Bản Điện Tử do Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện
2025*

Không có lời sấm ký dẫn dụ trước, ngẫu nhiên tôi tập rập chữ, viết lại – sau hơn hai mươi năm chưa từng có ý nghĩ mình sẽ viết. Và, bất ngờ tôi được giải thưởng.

Những người tóc trắng – trong cái ga xếp hoang tàn này, với lòng nhân ái – lặng lẽ chúc mừng tôi.

Chắc chắn không phải trao cho tôi sự vinh danh, mà như nắm tay an ủi tôi gắng giữ chút lương tri còn lại trong cuộc nhiều nhưong.

*

Có lẽ, tôi chưa phải là người viết văn. Tôi thấy gì quanh nơi tôi sống, tôi suy nghĩ và kể lại thôi.

Tôi kể lại tiếng thó dài của những người phụ nữ đang hoá thân thành loài bò sát, nằm giữa để mưu sinh trong đô thị phồn hoa.

Tôi kể lại hình ảnh của những người đã đổ mồ hôi, nước mắt, và cả máu đang tìm lại dấu chân của chính mình trên quê hương ngày càng xa lạ.

Tôi kể lại nỗi khát khao của người đi tìm lại gương mặt thật của chính mình, của mọi người trong cái ga xếp mà loài người phải đeo mặt nạ để tồn tại.

Tôi kể lại nỗi cô đơn của những người đi lạc trong chính căn nhà của họ. Xa lạ trong vòng tay người

thân mến. Họ không tìm được lối thoát, vì có lẽ họ cảm nhận ở nơi đâu họ cũng có cảm giác lạc lõng này...

Cứ như vậy, tôi viết. Cho đến tận lúc này, tôi vẫn lưỡng lự khi đăng bài lên FB. Vì, tôi vẫn cho là mình viết không xứng đáng để được đọc.

Rồi có những nhà văn tài hoa thân mật bày tôi cách chấm câu, sửa giùm lỗi chính tả.

Rồi có những người làm văn học, nghệ thuật cho cảm nghĩ tương đắc với điều tôi viết.

Và xúc động nhất, là tôi được những người lính già đầu bạc, những â gái già làng chơi, chú chạy xe ôm, anh bỏ mồi café, những người lưu thân nơi đất khách... thích điều tôi kể lại.

Phải chăng, dù đeo mặt nạ, thì những tiếng thở dài, những giọt nước mắt đều giống nhau kia mà.

Thú thật, có nhiều lúc tôi muốn ngừng viết.

Bằng đôi mắt vương cát trần gian của mình, tôi nhìn nỗi niềm của những thân phận khổ nạn chung quanh. Rồi viết.

Tôi thật sự đau lòng, mệt mỏi.

Cũng có lúc tôi tự hỏi mình: Viết vì cái gì? Có phải vì chút danh cho mình không? Có cần thiết cho mọi người hay chỉ là sự phù phiếm?

Ước sao, đến một ngày nào, mọi người được sống trong một thế giới an lạc, chân thật, công bằng, bác ái.

*

Lúc đó, tôi sẽ ngưng viết, xoá FB. Dẫn bày trẻ nhỏ ra bờ sông, nhìn mây trắng, hát bài đồng dao.

Ái Diệu

**(Phát biểu nhận Giải Văn – Giải Văn Việt lần
thứ Mười Một)**

NGƯỜI KHÔNG CÓ DẤU CHÂN

Sanh ra, ông Dư đã mang một điều rất lạ là khi đi, chạy, đứng-bằng đôi chân trần-ông đều không để lại dấu chân.

Không ai chú ý, biết sự dị thường này; kể cả ông. Vì con người thời nay mang giày, dép. Dụng ý ban đầu giày dép là để bảo vệ chân, sau đó vì nghi thức và làm dáng.

Đôi khi có đi chân trần nhưng người ta không bao giờ nhìn xuống hoặc quay đầu nhìn lại coi mình có để lại dấu chân không?

Mà dấu chân khô khan, chai sần chỉ cần một cơn gió đã thổi bay. Dấu chân dẫm ướt mồ hôi, máu bom đạn, cát bụi phong trần cũng lau khô mất dấu tích thôi mà.

Ông Dư có dáng người không cao cũng không thấp. Khuôn mặt không xấu xí nhưng cũng không đẹp. Kiểu mặt mà người tiếp xúc khó nhớ, khó mô tả vì không có điểm gì đặc trưng.

Lúc nhỏ còn đi học, ông Dư học lực trung bình, không giỏi, không dở. Đủ để lên lớp, thi đậu vào một trường trung cấp.

Ông biết đàn, biết hát nhưng không truyền cảm lắm. Như mọi người đàn ông khác, ông có làm thơ. Sau

thời học sinh, đi làm việc, ông quên lãng không nhớ đến thơ, nhạc nữa.

Ông không có tình yêu lãng mạn, dữ dội như trong phim.

Thấy ông lớn tuổi mà còn độc thân, mấy bà trong hội phụ nữ huyện gán ghép cho ông một chị quá lứa không chồng.

Trước đó chị này cũng không chú ý đến ông. Sau, tạm chấp nhận vì ông không có tật xấu. Không rượu, không thuốc, không gái gú. Nấu món gì ông cũng ăn, không chê cũng không khen. Thật tình, chị này cũng không thể có chọn lựa khác.

Trong việc làm, ông không về sớm, cũng không đến trễ. Ông làm tạm được chức trách được giao.

Ông về hưu với chức phó phòng cấp huyện. Không có sai phạm cũng không thành tích gì nổi bật.

Từ ngày về hưu, thỉnh thoảng rảnh rỗi ông có ra ngồi uống cà phê sáng ở quán vỉa hè gần nhà. Ông lặng yên, không trò chuyện, bàn luận thời sự với người ngồi cùng bàn. Cũng không nhìn lên phụ nữ trẻ đẹp, gọi cảm.

Mọi người không ai nhớ, biết có ông sống trong cùng khu phố.

Năm đó, ông Dư về thăm quê hương ở miền Trung.

Buổi chiều trời không còn nắng, ông ngồi ở thềm nhà từ đường nhìn mông lung ra sân.

Có đưa trẻ trai khoảng chừng bảy tám tuổi mặc bộ đồ trắng từ ngoài cổng đi vào, khoanh tay cúi đầu chào ông. Nó ôm một bó nhang, xấp giấy vàng bạc,

tiền âm phủ và một con diều nhỏ. Chân không mang giày dép.

Nó lễ phép nói: dạ, ông con bảo con dẫn đường cho ông đi thăm mà ông bà cố.

Ông xoa đầu, nựng thằng nhỏ rồi đi theo nó.

Đến nơi, ông Du thấp nhang, đốt giấy. Gió thổi nhẹ những mảnh tàn tro bay cao trong mùi hương lửa.

Ông vái lạy mà không biết khấn gì. Tần ngần giây lát ông chậm rãi đi về.

Thằng nhỏ lon ton chạy trước. Nó thả diều. Con diều trắng, bay cao trong bầu trời xám.

Ông Du xúc cảm theo tiếng cười vô tư của thằng bé.

Ông nhìn những dấu chân trần nhỏ nhắn in trên con đường phù sa ẩm nước.

Ông chợt nhớ là đã quá lâu ông không “Đầu đội trời, chân đạp đất”. Ông cởi giày ra, tiếp tục đi theo hướng con diều.

Ông Du thích thú khi dẫm chân trên mặt đường cát ẩm. Ông hít sâu ngọn gió nhẹ buổi chiều.

Trời, đất và ông Du như hoà chung một thể. Chưa bao giờ ông có được cảm giác khoan khoái này.

Ông Du nhìn xuống chân mình. Ông giật mình rồi quay lại, nhìn đoạn đường mình đã đi qua.

Lạ thật, không có dấu chân ông trên cát. Dấu chân thằng nhỏ vẫn còn đó.

Ông bước thêm vài bước nữa. Quan sát kỹ, vẫn không có dấu chân ông.

Trời đã tối. Ông Du không còn thấy được đứa trẻ con.

Ông nhìn lên màn đen của đêm, có hai vật thể trắng tinh khôi chập chờn ẩn hiện. Là thằng nhỏ và con điều trắng hay hai ngôi sao?

Tối hôm đó ông Dư ở một mình tại nhà tù đường. Ông thắc mắc suy nghĩ về việc không có dấu chân. Chỉ một lúc sau, ông tự trấn an: mình sống đến tuổi này cũng được rồi. Một đời không sướng cũng không khổ. Không có dấu chân cũng đâu có ảnh hưởng gì.

Tánh ông Dư có điểm hay là nhanh chóng cho qua những điều khó nghĩ.

Đêm đó ông Dư cũng ngủ ngon.

Sáng hôm sau, nhiều người đến để tiễn ông đi về.

Ông quỵn luyến, nói lời cảm ơn rồi nhìn quanh tìm kiếm.

Ông hỏi người anh họ: dạ, hôm qua có cháu trai cỡ bảy, tám tuổi dẫn đường cho em ra thăm mà ông bà. Thằng nhỏ dễ thương lắm, nó đâu rồi.

Người anh họ lộ vẻ ngạc nhiên nói: dòng họ mình và cả xóm này đâu có trẻ nhỏ tuổi đó. Những người tuổi trẻ còn sức khỏe không ở quê nữa. Họ đi kiếm sống ở thành phố, vào Sài Gòn, qua Mỹ, Úc, Thái, Cam...hết rồi.

Lũ nó không chịu kiếm vợ, có chồng. Đứa nào có gia đình lại không chịu đẻ. Nếu có con, nẫu cũng đất dúi nhau đi.

Xứ này chỉ còn người già, người bệnh tật thôi em. Không có đứa trẻ nào đâu.

Ông Dur bàng hoàng giây lát rồi từ giã mọi người.

Ba tháng sau khi về thăm quê hương ông Dur mất. Đêm đó, ông ngủ say rồi lặng lẽ đi luôn. Đám tang ông không sơ sài cũng không long trọng. Không nhiều người đến viếng vì về hưu lâu rồi mà xóm làng ít người biết ông. Người dự tang lễ không nhắc nhớ đến ông, do không có kỷ niệm gì với ông.

Ông ở hội người cao tuổi đọc điều văn có đoạn ca ngợi ông Dur có nhiều công lao to lớn khi còn công tác. Là ngọn cờ của người cao tuổi hưu trí. Thế hệ sau nên theo dấu chân ông mà đi...

Bà trong hội phụ nữ trầm nghĩ: lão này lấy ý trong điều văn cho lãnh tụ nào đó chứ lão Dur đâu có như vậy. Chừng vài ngày sau chắc không ai nhớ đến ông đâu.

Lời ngoài truyện

Các bạn đọc quý mến của tôi có khi nào xem thử mình có dấu chân hay không?

SÁM KÝ

“... tháng Bảy năm Ất Tỵ có thiên hôn, địa ám. Mưa to gió lớn, sấm sét kinh hoàng bảy ngày, bảy đêm. Ngày mất mặt trời, đêm vắng mặt trăng. Gà không gáy, chó không sủa.

Lũ nạ quý, đám cô hồn ngự trị khắp dương gian, hãm hại người lương thiện.

Kẻ ác nhơn, người hiền hậu tựa vàng thau lẫn lộn khó phân biệt được.

Người đức hạnh biến đổi thành kẻ sa đọa như bị ma da bắt.

.....

Ai nhận được sấm ký này nhớ sao chép ra nhiều bản, lan truyền cho bá tánh biết để làm điều lành, lánh việc dữ, hòng tai qua nạn khỏi.

Bà Ba Hồng bán thịt heo ở chợ sao chép một trăm bản được trúng số độc đắc... Ông Lê Tuấn chủ tiệm cầm đồ vút bỏ vào chỗ dơ bị té gãy chân...”

1.

Con Liễu đọc mà bỏ bớt nhiều đoạn cho bà Ngọc nghe lời sấm ký chép trên giấy vở học trò.

Bà Ngọc nói: mắt mũi cô không thấy được. Con nhớ cà-phê cô ít sữa thôi nghen.

Ông Chiến nói: thời này đâu có rảnh chép tay, phôtô cho nhanh. Cái vụ sấm ký này xưa rồi, bậy bạ, ai mà tin.

Bà Huệ nói: có kiêng có lành. Xưa rồi mà nghiệm ra y như thời nay.

Tiếng nói của họ chập chờn trong mưa gió và âm điệu Bô-Lê-Rô rầu rĩ.

Mưa lớn từ ba giờ khuya. Sấm chớp vang rền, dữ dội hơn phim chiến tranh.

Đến bảy giờ sáng mưa giảm dần mà trời còn u tối.

Bất chấp nắng mưa, bàn cà-phê của nhóm lớn tuổi, bạn từ thời trung học, vẫn có người ngồi. Đàn bà nhiều hơn đàn ông.

Lâu lâu lại vắng một vài người. Bệnh nặng, theo con đi xa hay đã chết. Dù gì họ cũng trên bảy mươi rồi.

Bà Huệ nói: mưa lớn quá mà Huệ cũng đi. Ngủ không được, dậy từ ba giờ khuya, ngồi chờ sáng để đến đây.

Ông Chiến nói: bữa nào không đi thấy khó chịu. Y như là ghiền. Mà không phải ghiền cà-phê.

Bà Bảy nói: ghiền gì nói rõ ra cha nội.

Ông Chiến nhe răng cười, cố ý khoe hàm răng sứ trắng toát mới trồng.

Ông Việt Kiều San đến ngồi gần bà Ngọc. Hai người có có chút tình như mây khói thuở học trò, hơn bốn mươi năm mới gặp lại.

Ông hỏi nhỏ: Sao, tình hình gia đình bà yên chưa? Tui ở xa mà có nghe kể.

Bà Ngọc yên lặng, nước mắt bà chớm chảy ra.

Bà Huệ trả lời thay bạn: hai thằng con trai của bà ghiền ma túy, đi cai nhiều lần không bỏ. Ông chồng lại đột quy, nằm liệt hơn một năm rồi.

Thời thế gì lạ, như có ma quỷ. Đang làm ăn ngon lành tự nhiên sa vào cá độ, ma túy. Cái phố chợ này mười đứa trai tráng cũng dính hết bầy.

Bà Bảy tiếp lời: Cha mẹ phải bán nhà, mắc nợ. Mà đâu phải trả một lần là xong, ma túy, cá độ như ma ám khó mà dứt bỏ, nợ đời cứ kéo dài đến khi tán gia, bại sản.

Bà Huệ nói: con Ngọc chịu đựng giỏi thiệt đó ông San. Sáng nào nó cũng cà-phê với bè bạn. Mỗi tuần ba đêm đi hát-cho-nhau-nghe, giao lưu khiêu vũ nữa đó. Ai không biết, tưởng nó đang sung sướng.

Bà Ngọc nói: cũng phải có lúc lãng quên để sống. Ai bày gì cũng làm mà hết cách rồi. Bây giờ chỉ còn biết cầu trời cho hai đứa con thoát khỏi nghiệp chướng.

Bà Huệ nói: ở quê mình, nhìn bè ngoài khó biết ai mắc nợ. Máy thứ ăn chơi văn nghệ giải sầu ở xứ này rẻ thôi ông San. Cà-phê mười lăm ngàn. Năm mươi ngàn có chỗ hát, nhảy, bao luôn nước uống.

Bà Bảy hỏi: bên Mỹ có sướng vậy không?

Ông San nói: có cái sướng, có cái khổ tùy hoàn cảnh riêng.

Chờ cho mọi người ngó chỗ khác, ông San xếp nhỏ tờ một trăm đô, lén nhét vào tay bà Ngọc, nói: cầm chút đỉnh này cho tui vui.

Bà Ngọc xúc động: thôi ông, vợ chồng tui có lương hưu giáo viên cũng đáp đối được qua ngày.

Ông Chiến nhìn thấy, nói: bạn bè cho cứ nhận. Đời vô thường buông bỏ hết đi, an nhiên mà sống. Bà

Ngọc thấy tui không? Chí trai đã gãy gánh, vẫn ngẩng cao đầu cười ngạo nghễ.

Bà Bảy thọc lét: ngẩng cao đầu được không? Nổ quá cha nội.

Cả bàn nghe câu tục, cùng cười như còn tuổi học trò. Bà Ngọc cũng cười.

Con Liễu đem ly líp-tông cho ông Chiến. Ông lén khèo nhẹ vào tay nó, nói: cung lấy cho hộp khăn giấy.

Con Liễu nói: dạ. Mà trong đầu nó nghĩ: rồi, có chuyện rồi.

Đúng như nó đoán. Khi về đến chỗ pha chế, nó nhận tin nhắn của ông Chiến: bốn giờ chiều nay đến Hoa Lan nghen cung.

Nó trả lời: ba giờ ba mươi nghen. E mắc đi làm. A đến đó rồi nhắn cho e số phòng. E đến liền.

Ông Chiến bấm nhanh: ok.

2.

Trưa nay con Liễu không ngủ. Nó ráng chép thêm nhiều tờ sấm ký. Cầu trời phù hộ cho chồng nó sống sót trở về hoặc cho nó trúng số độc đắc.

Nó có một đứa con hai tuổi, ở với nhà chồng. Chồng đi biển, nghề rập ghe. Đi xa lắm, tận Mã Lai. Thường lệ sáu tháng mới về nhà. Nhưng gần hai năm rồi vẫn chưa về. Bị bắt cóc bán cho ghe nước ngoài hay đã chết? Chưa ai xác định được.

Sáng, con Liễu chạy bàn cho quán cà-phê. Chiều tối làm cho quán nhậu. Vậy mà không đủ nuôi con và ba má chồng già, bệnh.

Ma đưa lối, quỷ dẫn đường, nó lén bán thân để kiếm thêm. Nó lừa mấy ông không biết gốc tích của nó, đã có vợ, có sĩ diện, làm khách hàng. Họ giữ bí mật của họ và nó. Ít người thôi, vài ba ngày nó nhảy dù một chuyến.

Nhắm mắt đưa chân mà sống chớ biết làm gì đây? Con Liễu thờ dài rồi bỗng thẳng con đang ngủ qua phòng má chồng, nói: bữa nay con đi làm sớm một chút.

Má chồng nó nhìn bằng ánh mắt hoài nghi. Thâm tâm bà thấy vừa lo vừa tội nghiệp cho đứa con dâu. Dù gì nó cũng còn trẻ, chồng coi như mất tích mà vẫn bươn chải nuôi con và nuôi luôn ba má chồng.

Trong khi chờ tin nhắn của ông Chiến, con Liễu ráng viết thêm mấy dòng sấm ký "... Lũ ngựa quý, đấm cô hồn ngự trị khắp dương gian, hãm hại người lương thiện..."

3.

Cũng nhanh thôi, hơn ba mươi phút thì xong việc. Ông Chiến vội vã mặc đồ, nói: anh đi trước, cũng chờ anh đi khỏi rồi mới đi nghen.

Con Liễu nói: dạ.

Ông khách nào cũng như nhau, hết con ham thích đều muốn đi nhanh để khỏi bị thấy mình ăn chơi.

Con Liễu còn trần truồng thì có tiếng báo tin nhắn.

Tin nhắn của anh Chinh, con ông Chiến: a nhớ e quá, năm giờ mình gặp nhau nghen e.

Con Liễu bấm máy: dạ, gần năm giờ nghen. A đến Hoa Lan. Số P 205. E đặt trước chờ a.

Nó trầm nghĩ: cha nào con nấy. Thiên hạ đồn anh Chinh này cá độ, xì ke, gái gú đều chơi tuốt. Ông Chiến đã bán căn nhà mặt phố cứu nợ cho con.

Con Liễu vào phòng tắm xả nước cho trôi hết mùi người nhơ nhớp cơ thể. Lúc mới vào nghề nó tắm thiệt lâu mà vẫn còn muốn ỏi vì ám ảnh cái mùi của khách, dù các ông thường xịt nước hoa cẩn thận khi đi ăn chơi.

Bây giờ nó cũng quen dần.

Tắm xong, con Liễu không mặc áo quần. Như vậy cho đỡ mất thời gian, vì nó còn suất làm chiều ở quán nhậu.

Anh Chinh chưa đến. Trong khi chờ đợi, con Liễu lấy sấm ký ra viết tiếp:

“...Kẻ ác nhờn, người hiền hậu như vàng thau lẫn lộn khó phân biệt được.

Người đức hạnh biến đổi thành kẻ sa đọa như bị ma da bắt...”

Con Liễu viết chậm, nắn nót cho dễ đọc.

Đang viết, con Liễu chợt nhớ đến thời thiếu nữ, còn đi học. Người ta nói nó dễ thương, học giỏi. Thời ấy đã xa lắc, xa lơ nên lâu nay nó quên.

Bây giờ nhờ chép sấm ký nó nhớ lại.

BỐN ĐOẠN NGẮN VỀ MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

1.

Người xà ích đội cái mũ bèo nhèo che kín mặt. Xe chở một bà cụ già. Bà giống y như cụ phù thủy trong truyện cổ tích. Bà nhai trầu. Nước trầu chảy leo ra khoé miệng. Bà đưa hai ngón tay quệt. Tay và môi bà dính màu đỏ máu bầm.

Chiếc xe ngựa bánh gỗ cũ mọt mõi, chậm chạp lăn vô tận trong cõi vô minh. Qua những đoạn đường đá núi, những cơn cát gió bay, những vũng sinh lầy trơn trượt, những vực thẳm nằm giữa trời và biển.

Con ngựa già mắt có tám che, chỉ nhìn thấy phía trước. Đêm đen đặc, nó cũng chỉ mơ hồ một chút ánh sáng. Nó chạy không theo nó mà theo sự điều khiển của những đòn đau từ lão xà ích.

Lão xà ích quất roi lên đầu ngựa, quất vào trời đen, như người làm xiếc thú. Lão hét to những âm thanh sân si cuồng nộ, không phải tiếng người.

Ngôi nhà dưới chân núi là nơi có người đang chuyển dạ.

Người chồng, cụt một chân, leo lên mái nhà rút tranh ném vung lên trời. Ông chấp tay, ngược mặt khấn cầu.

Xe ngừng trước sân. Con ngựa hí vang, đưa hai vó lên chân trời xám xịt.

Bà mẹ đỡ đẻ xuống xe. Bà rút ra một cái lưới liềm, mài xoèn xoẹt trên cái cối đá. Lửa toé ra những ngôi sao nhỏ.

Bà đi vào nhà. Đóng kín cửa.

Lão xà ích quăng một mớ cỏ khô cho con ngựa.

Con ngựa cúi đầu gặm cỏ. Bốn vó vẫn làm những động tác như lúc chạy.

Sau đó rất lâu, lúc trời rạng sáng, có tiếng khóc của trẻ con vang vọng.

Bà mẹ đỡ đẻ mở cửa, xuất hiện. Tay bà cầm một bọc đầy máu.

Từ mái tranh người chồng vội leo xuống. Ông chồng nạng, khập khễnh đến trước bà mẹ.

Bà nói: con gái.

Lão xà ích nói: điềm báo hết chiến tranh. Để con gái đẻ sinh ra nhiều con người, bù lại số đã chết.

Người cha xách cái bọc, từ tay bà mẹ, ra đầu ngõ.

Máu nhỏ giọt thành những ngôi sao loang lổ trên con đường cát.

Ông chôn bọc nhau thai bên vệ đường. Còn cuống rún ông xỏ dây treo ở một góc mái tranh.

Con ngựa già đưa cao hai vó trước lên mặt trời vừa ló dạng. Nó hí vang điệu chiến thắng, chào từ giả một con người mới ra đời.

2.

Đứa con gái sơ sinh bú sữa mẹ không đủ. Nó uống nước gạo lúa mới pha muối. Rồi ăn củ khoai, con cá sông, con dông cát, rau tạp tàng.

Nó xanh mát bên cây chuối bờ ao, hiền lành mà nhanh nhẹn rượt bắt con thỏ rừng.

Người cha dùng cây nạng gỗ vẽ những chữ lớn trên nền cát sông, dạy chữ.

Người mẹ bày đĩa con gái nấu cơm, kho cá, luộc rau.

Nó vẽ con chim, trái chuối, con bướm bằng than trên nền đất.

Nó thả hồn theo tiếng nhạc của sóng biển, của gió rú, của tiếng chim đêm.

Nó lặn hụp lưới cá, làm bẫy bắt dông.

Ngực đứa con gái nhú hột đậu, bằng trái cau rồi bằng trái cam.

Ngày nọ nó hỏi mẹ: con không có vết thương sao người con ra máu?

Người mẹ trầm ngâm giây lát rồi nói: con người phải chảy máu, mồ hôi, nước mắt và đau đớn mới biết yêu thương con người.

Làng đã có nhiều đàn ông. Họ về từ chiến tranh, từ cõi chết. Người làng không phân biệt chiến tuyến. Tất cả đều là con của làng.

Có người mất tay, chân. Có người câm, điếc. Có người mất trí. Có người u uất, lạc lõng trong bình yên.

Những người lính thực thụ không muốn kể lại những chiến công.

Chỉ có người không còn lương tri mới hân hoan thành tích sát nhân của mình.

Đưa con gái lau mồ hôi, máu và nổi đau cho những người lính bị thương tật.

Có một người mất tay và không còn nhớ mình là người.

Có lúc ông hét lớn, dữ tợn như muốn sát hại những người ông thấy. Có lúc ông ẵm náu trong góc tối. Không ăn, không nói nhiều ngày.

Đưa con gái nhẹ nhàng ôm, xoa dịu khi ông hung tợn. Nắm tay, vuốt tóc, níu ông về với kiếp người.

Đêm đó, người thương binh chột nói tiếng người: chồn này còn bầu trời, còn trăng, còn dòng sông không? Và người nữa, có còn loài người không?

Người con gái mừng muốn trào nước mắt.

Nàng đưa ông ra bãi sông đêm trăng. Nàng nắm bàn tay còn sót lại của ông đặt lên bầu vú của nàng.

Người thương binh sau thời gian dài không còn nhớ mình là người, chột nhớ đến mẹ ông.

Ông gục đầu vào bầu vú nàng. Trở lại miền nhân gian.

Làng yên lành một thời gian dài.

Những đêm trăng, người đàn bà, người thương binh cùng đưa con trai ra bãi cát ven sông thả diều

Gió đưa người đàn bà xoắn tóc dài bay lên bầu trời mông mênh, huyền nhiệm.

Đưa con trai nắm sợi dây giữ người đàn bà ở lại mặt đất.

3.

Qua nhiều năm sau. Ít ai còn nhớ chiến tranh.

Những ngôi nhà cao tầng đã được dựng lên. Dòng sông, đêm trăng, cồn cát đã mất.

Con cá, con đông, cây bắp, hạt lúa không còn đất sống.

Người cũng bỏ làng mà đi. Làng lại vắng như lúc còn binh đao loạn lạc.

Người thương binh trở lại bệnh nặng. Ông làm bầm nói một mình: người đi đâu hết rồi? Dòng sông, bầu trời đâu rồi? Ông hoang mang, mất trí một thời gian rồi chết.

Người đàn bà nhận giấy báo di dời chỗ ở. Làng được quy hoạch cho những công trình du lịch.

Làng đã xoá tên, đột tử.

4.

Người đàn bà thuê một căn hộ trên tầng thứ chín của chung cư.

Bà sống một mình. Đứa con trai đã đi đến một xứ sở khác lâu rồi.

Ngày lại ngày, đêm nối đêm bà ngồi nhìn mây trời qua cửa sổ tầng thứ chín.

Một đêm trăng sáng có mưa phùn, gió lộng. Bà lấy cánh điều của đứa con tung cao lên bầu trời trăng, qua khung cửa sổ.

Con điều bay lên cao. Có cơn gió vô tình thổi nó dạt vào đường dây điện cao thế.

Người đàn bà thấy triệu triệu vì sao sáng lên trong đêm trăng.

Bà vẫn giữ chặt sợi dây điều.

Cánh điều trắng gục xuống cháy treo trên trụ pháp trường.

Chiếc xe ngựa cũ kỹ ngày nào lướt trong mây trắng bông bành, dừng ở cửa sổ tầng chín.

Bánh xe gỗ chậm rãi quay đều.

MỘ PHẦN CỦA NHỮNG NGỌN LỬA NHỎ

1.

Năm tôi học lớp Mười Một thầy Ngự dạy Văn làm chủ nhiệm. Thầy cận thị nặng, đeo cái kính tròn trắng, gọng đen. Thời đó rất ít người mang kính.

Thầy cho chúng tôi biết bút danh của thầy là Hải Đăng. Thầy nói thêm là thầy có thơ đăng trên báo tỉnh.

Mấy con bạn quỷ quái nói mắt thầy nhỏ xíu, lò dò như mắt con cá sụn; đâu có giống ngọn đèn biển.

Chúng nó còn xâm xì: thầy ở một mình nhưng chắc đã có vợ ở ngoài đó.

2.

Má tôi nói tôi là gái mà có tánh đàn ông; cộc lốc không dịu dàng, đăm thắm.

Dông trong cát, cá dưới sông, rau củ trên phù sa nuôi tuổi mười tám của tôi phồng phao, hoạt bát như Cô Gái Vót Chông tây nguyên. Con Hương thường đánh vào đít tôi rồi hát bậy: ai nhanh tay bóp vào mông em.

Tôi có máu văn nghệ, thích đủ thứ. Thơ, văn, hoạ, nhạc... tôi đều mê chơi tới bến.

Nhờ thùng sách ông nội giấu trong thời đốt sách mà tôi không lạ những tác giả miền Nam cũ.

Nhờ giờ vắng ở trường tôi học, biết những tác giả miền Bắc.

Nhất là nhờ chất giọng thủ đô mê hồn của thầy Ngu trong giờ Văn.

Thầy cuốn tôi dăng cao theo tâm trạng của Katia, Dasa, Rotsin...trên Con Đường Đau Khổ. Thần tượng Paven Coocsaghin qua Thép Đã Tôi Thế Đây rực sáng ngọn lửa soi đường cho tôi.

Ăn cơm độn, mặc áo vá là chuyện tầm thường; chúng tôi không nghĩ đến. Chúng tôi vui sống trong hào quang của lý tưởng cao cả.

Mọi người bình đẳng, giống nhau trong sự thiếu thốn vật chất. Nhiều đứa bạn còn tự hào về cái nghèo của gia đình mình.

Con người có hạnh phúc bằng ảo tưởng. Sau này, khi sống gần với những người nghiện tôi thấy họ sáng khoái khi có ảo giác nhờ chất kích thích. Tuổi trẻ chúng tôi cũng có niềm vui sống qua ảo ảnh của một thế giới bình đẳng, hạnh phúc trong tương lai.

Tôi như ngọn cỏ khô, cháy lên những ngọn lửa ước mơ. Như đoá hoa hoang dã hé nụ đợi chờ.

Đến bây giờ, tôi vẫn thấy đó là những ngày tháng êm đẹp nhất đời mình.

3.

Tôi làm lớp phó nên thầy chủ nhiệm thường gặp riêng. Nhiều lần thầy đến nhà để giao, bàn việc lớp.

Một buổi tối, trong thời gian chờ giấy báo nhập học của trường Cao Đẳng Sư Phạm thì thầy Ngu đến nhà.

Thầy hỏi: có ba má ở nhà không? Tôi đáp: dạ, ba má em đi lên kinh tế mới, chắc chiều mai mới về.

Thầy nói: thầy ghé nhà từ biệt ba má và em. Mai thầy về quê, chừng hai tháng mới về trường lại.

Thầy nói thêm: lúc đó em đi học xa rồi.

Tôi nói: dạ, em học gần nhà thôi, trường Cao Đẳng Sư Phạm tỉnh đó thầy.

Mùa hè đã qua mà trời vẫn oi bức. Điện chỉ có vào ban đêm nhưng cũng thất thường. Đêm có, đêm không. Có khi đang sáng rồi mất điện. Đêm nay chắc là không có điện.

Thầy ngồi yên trong bóng tối, không nói. Tôi cũng không biết nói gì, đến bàn thờ thắp cây nhang.

Chập lâu, thầy nói, giọng khác với thường ngày: thầy sẽ sớm trở lại ngôi trường, trở lại căn nhà này thôi. Thầy không thể sống khi xa nơi đầm ấm này. Và ... nhất là thầy không thể thiếu em.

Tôi không bắt ngờ sự tỏ rõ tình cảm của thầy Ngu.

Tôi nói: dạ.

Rồi yên lặng.

Đêm đen quá, điểm sáng duy nhất trong phòng là đóm lửa của cây nhang thắp trên bàn thờ tổ tiên.

Tôi không thấy được mặt thầy.

Thầy đốt thuốc. Ánh lửa của que diêm bùng cháy soi rõ khuôn mặt. Chỉ một lúc diêm tắt, đóm lửa nhỏ của diều thuốc không đủ để thấy gì.

Thầy đến ngồi cạnh tôi, nói: “Tình yêu của anh trao cho em không thể diễn tả bằng lời. Em là ngọn lửa trong tim anh, ánh sáng trong đêm tối, và hy vọng khi gặp khó khăn. Anh muốn ở bên em mãi mãi.”(*)

Que diêm lại tàn. Thày Ngự đốt que khác. Thày đưa ngọn lửa yếu ớt sát mặt tôi. Thày nói: anh muốn ngồi nhìn mãi khuôn mặt của em.

Tôi khẽ nghiêng đầu né ánh mắt của thày đang nhìn mắt tôi.

Thày đốt tiếp diêm và thì thầm vào tai tôi: “Khi anh nhìn thấy em cả thế giới như dừng lại. Anh không thể kiềm chế cảm xúc nữa. Anh muốn yêu em. Và cũng muốn em yêu anh.”(*)

Rồi từng que, từng que thày Ngự đốt hết hộp diêm.

Không thể nào có ánh sáng trong đêm nữa. Lúc đó tôi cảm giác được bàn tay của thày tìm tay tôi, tìm bờ vai trần của tôi.

Tôi nghe rất rõ hơi thở của thày.

Sáng sớm hôm sau, khi tôi thức dậy, thày đã đi rồi.

Chuyến xe ngựa xuống thị trấn lúc trời chưa sáng.

Tôi có nghe tiếng mỗi mệ, đều đặn của vó ngựa.

Nhưng tôi không dậy, không tiễn thày.

Tôi có cảm giác nhẹ nhàng, thư thái. Tôi nhặt những mẫu thuốc hút, những que diêm đã cháy đen, tàn tro của những ngọn lửa đựng vào chiếc hộp diêm.

Tôi đóng lại, bỏ vào một cái hộp nhựa, gói kỹ lưỡng thêm một lớp bao nylon và cất trong ngăn hông của tủ thờ.

Những ngọn lửa nhỏ, chỉ còn tro tàn, vĩnh viễn nằm trong lăng mộ.

Mùa hè cuối cùng của tuổi trẻ tôi đã đi qua như vậy đó.

4.

Chuyến xe ngựa cuối cùng của buổi chiều đầu thu oi bức đưa tôi trở về nhà nội.

Vẫn là chiếc xe ngày cũ. Vẫn là những bước chạy mệt mỏi, chậm đều. Lão xà ích nhìn tôi một lúc rồi nói: chắc cũng hơn mười năm cháu mới về lại quê nhà.

Tôi nói: dạ. Rồi ngẩn ngơ nhìn những ngọn gió nổi tiếp thổi cát bay mịt mù.

Bà cô già nắm tay đất tôi và thằng Cầm-con tôi- vào căn phòng ngày xưa. Cô nói: con thấp nhang cho ông bà, người khuất mặt biết con đã trở về. Cô nói tiếp: khi con đi, cô cất giữ những kỷ niệm của con trong tủ thờ.

Tôi mở tủ. Máy cuốn vở ghi chép, có một cuốn lớp ba, cái huy hiệu Đoàn. Và chiếc hộp đựng tàn tro của những que diêm đêm ấy.

Tôi mở vở ra coi. Những dòng chữ xấu xí, ngờ nghệch mà sao tôi thương quá.

Tôi đưa cho thằng Cầm. Nó nói: má viết xấu quá. Rồi hỏi: cái hộp diêm đựng đồ chơi của má hồi nhỏ à?

Tôi nói: đó là ký ức của má lúc còn trẻ. Vui mà con. Đừng oán trách quá khứ, nhưng cũng đừng sai lầm lần thứ hai.

Tôi dẫn thằng Cầm ra con rạch sau nhà. Nước từ rạch sẽ chảy vào sông, ra biển.

Tôi thả cái hộp diêm đựng tàn tro những ngọn lửa nhỏ của tuổi trẻ tôi xuống nước.

() Đoạn văn này không phải của tôi.*

17 ĐOẢN KHÚC CỦA QUÁN CAFE ĐEN

MỘT

Khoảng 9 giờ sáng các con bé tụ lại ở quán. Bọn chúng dậy trễ. Nhiều đưa đi khách lúc khuya. Chúng coi quán như trụ sở làm ăn của chúng...

... Con Yên -18 tuổi, nhỏ nhất hội, quậy cũng nhất - giật lấy điện thoại của tôi la to: “Ê! Tụi mày coi chị Điều có cái hình dị hợm nè!”

Con Liên nhìn rồi trề môi: “Vẽ hồng giống người mà bà Điều thích là sao?”

Bà Bé Tư- cỡ 45 tuổi, già nhất - xem, nói: “Ăn thua là hình có ý nghĩa ...”

Con Liễu đáp lời: “ Ý gì, má nói. Đám này ngu không hiểu?”

Bà Bé Tư trầm ngâm: “tao nghĩ là thằng vẽ tranh muốn nói mấy con đĩ như tụi mình bán cái... (tục) mà vẫn mắc cỡ, che mặt.

Con Điều, mày có chữ nghĩa giảng đi!

Tôi nói: “Chị hiểu rồi đó, là bán nhục thể mà vẫn giữ nhân cách...”

Con bé Diệu nheo mắt: “Xí! Cho em xin, đĩ mà nhân cách cái con mẹ gì. Đặt chuyện xà lạp, ông ghi cái nhan đề là “Cởi Ra Cho Mát”, hồng thấy sao?”

Có tiếng chuông điện thoại. Con Trang buồn buồn: “Chị cất giùm ly cà phê em uống nửa chừng. Mẹ, hứng gì mà hứng sớm!”

Tôi cẩn thận để ly cà phê của nó vào tủ lạnh. Hy vọng, đây là chuyến đi khách cuối cùng của đời nó.

Mai, nó về quê, xa lắm, tận xẻo Đước, để cưới chồng.

Tôi nhìn theo bé Trang chạy xe băng qua con lộ.

Nó đi chiếc xe trắng, mặc bộ đồ trắng chạy chậm chậm trong ánh nắng rực lửa của trưa hè... như một thiên sứ...

HAI

MỘT NGÀY BÌNH THƯỜNG VÀ BÌNH YÊN (*).

Tôi đọc thơ Việt, xem phim Tàu, nghe nhạc Tây trên Iphone.

Con Trang gửi ảnh cưới. Mặc váy xoè màu trắng kiểu hoàng gia. Nhìn hình, khó biết nó đã làm đi hơn 10 năm.

Bé Diệu khoe em gái sắp thi Đại Học Y Khoa. Nó quên rằng nó phải đi khách nhiều hơn trong mấy năm em nó đi học. Và không được có chồng trong thời gian này.

Một ngày bình thường và bình yên.

Người thi sĩ bảy mươi tuổi làm thơ tình mượt mà, y chang lúc ông mười tám .

Chị Bé Tư hút liên tiếp điều thuốc thứ ba. Mấy ngày nay chị bị khách chê. Hai mươi lăm năm làm đi sao chị chưa bỏ nghề?

Một ngày bình thường và bình yên.

Người thi sĩ già vẫn làm thơ tình như tuổi còn mười tám.

Mấy con nhỏ tiếp tục đi khách.

Tôi tiếp tục đọc thơ. Thả dấu like, dấu tim, thả icon cười ha ha.

Tôi ăn ngon, ngủ ngon, còn sống, còn thờ, thỉnh thoảng có làm tình khi tôi thích.

Ngày mai, ngày kia...tôi mong bình thường và bình yên như ngày hôm nay.

Vậy cũng được.

() câu thường dùng của fb Diệu Lê*

BA

Chiều chạng vạng.

Miền Tây vẫn yên tĩnh.

Một người đàn bà trọng tuổi dắt một người đàn bà nhỏ tuổi, vào quán cafe toàn những người đàn bà không chồng.

Chị Bé Tư nói: má Út Thêm ở Sóc Trăng dẫn con Mười Hai ra Nha Trang bán trình xong, về đó.

Chị nói tỉnh bơ như là bán củ khoai, rô cá.

Được nhiều? Chị hỏi.

Má Út Thêm nói: dà, họ đưa tui 5 triệu, còn giá bao nhiêu thì tui không biết, cơm nước, xe cộ rồi còn cỡ 4 triệu.

Nợ nần nhiều quá, nhắm mắt làm liều thôi. Mà không bán thì nó cũng chữa hoang, càng khổ thêm.

Con Linh cảm khái: mấy ông khách Tàu mua trình để lấy hên đó mà.

Bé Diệu lý sự: chữ trình xưa đáng giá ngàn vàng mà nay còn chưa tới một chỉ.

Má Út Thêm nói: Bé Tư nè, tui gọi con nhỏ cho em, em chỉ nó cách mần ăn. Tui phải về trong đêm nay, ba sắp nhỏ bị tai biến đang nằm nhà thương, tui đang nợ tiền viện phí.

Chị Bé Tư mau mắn: Ừa, chị về cho kịp xe, để con nhỏ tui lo, tháng đầu tui bao tiền ăn, tiền nhà.

Con Mười Hai mặc bộ váy màu đỏ thắm, đeo cặp bông tai nhựa màu đỏ, tóc gắn bông nhựa cũng màu đỏ.

Trang phục cầu hên, người ta bắt mặc mà nó chưa kịp thay.

Nhìn bộ dạng nó mừng tượng như một cốt đồng. Xác còn mà không có hồn.

Mắt nó nhìn vào cõi mông lung nào đó, ráo hoảnh, không xúc động khi mẹ nó đi ra mé lộ đón xe.

Bé Yên hí hửng chạy vào quán. Nó nói to: trúng mánh, trúng mánh...rồi phẫn khích kẻ: Tui “đi” với ông Việt Kiều, xong việc ông đưa tờ 100 đô nói: em dễ thương quá, típ em.

Tui thất kinh, ông hí hà hí hục thở ra tai luôn mà mần tiếp sao được.

Tui nói: thôi anh, tiếp nữa không nổi đâu anh.
Ông cười hiền khô nói: Típ là cho em thêm đó.
Cả đám cười ngật nghẽo .
Bé Hường nói: Á đừ, cha này sộp, bo cho mày gấp năm giá!
Con Yên mời: sớm mai cả đám không chông ra quán bún mắm Bà Hai Ủ ghen, tui bao!
Bầy đàn bà cười vang nói: ô kê! ô kê! típ típ!
Tụi nhỏ hồn nhiên như đám nữ sinh trong giờ ra chơi.
Giờ ra chơi của trường đời.
Con Mười Hai cũng nhếch miệng cười không ra tiếng.
Phải chi nó khóc được.
Nước mắt cần thiết hơn nụ cười để trôi đi đắng cay của cuộc đời.
Đêm xuống rồi.
Mai, trời lại sáng .
Miền Tây vẫn yên tĩnh.

BÓN

Bé Diệu báo tin em gái nó đậu đại học Y. Cả đám nhảy lên mừng y như bữa Kim Thanh bắt được cú phạt đền của Mỹ.
Bé Diệu có vẻ không phấn khởi nhiều, nói: nó thi rớt thì dễ thờ cho tui hơn; đậu rồi tiền đâu mà học 5-6 năm?

Con Liên trề môi ra kiêu hiều biết: lo gì mây, chuyện đến đâu lo đến đó. Nó đậu rồi, phải học thôi. Hồng lẽ mày muốn nó làm gái như mày?

Bé Diệu lý sự: đô Y khó lắm, học phải siêu đó; tui nghĩ là nhà nước nên đừng lấy tiền học mấy đứa đậu Y.

Bé Linh nói: mấy đứa đậu Y là nhân tài, nên nuôi tui nhỏ. Mà thu tiền học nhiều, ra trường tui nó chắt chém bịnh nhân để kiếm lại thôi. Không nhân đức với tui nó sao mà thành bác sĩ nó biết thương người bịnh.

Chị Bé Tư lên tiếng: xì! Chuyện nhà nước để mấy ông lo. Tao tính như zày nè: tui mình chơi cái quê (hụi) tháng, mỗi phần 3 triệu, đứa nào ngon chơi 2 phần. Hàng tháng con Bé Diệu trả 3 triệu, ai cần thì nhận, không lời lãi gì đó.

Cả đám đồng thanh: OK , OK !

Tôi nói: chị Bé Tư nghĩ cách hay. Bé Diệu nói ba má ở quê xem vay ở chính sách cho người học đại học, đi làm trả dần.

Bé Diệu như thấy bớt bẻ tắc: dà, em sẽ nói để ba má vay.

Nó như muốn chảy nước mắt: nhờ chị em tui mới vui chút.

Chị Bé Tư nghiêm chỉnh: ăn thua là mày, tui tao chỉ cứu ngặt không giúp nghèo được.

Rồi chị tiếp tục sắp việc: con Diệu, có chữ nghĩa, mở sổ thu quê. Còn bây giờ tui mình ít nhiều gì cũng thương luôn cho Bé Dàng; Đ M! Em của đĩ mà học cũng giỏi a!

Cả bọn nhao nhao OK! Ok! rồi đưa tiền cho con Diệu.

Con Diệu chảy nước mắt mà miệng cười vì câu nói bậy của chị Bé Tư.

Chị Bé Tư ngon trớn xô thêm: Dù, phải chi có ông Việt Kiều nào bóc tao qua Mỹ, tao ráng cày, hàng tháng cho con Dàng 500 đô.

Chị dạy con Diệu: trong 6-7 năm tới mày phải mần gấp 2 lần. Không được yêu, không được có chồng. Có thằng nào yêu mày mà để cho mày đi khách? Nó sẽ bắt mày bỏ nghề, ung nó; rồi mày có cút mà lo cho con Dàng.

Cả bọn không cười vì câu nói của chị Bé Tư.

Tất cả yên lặng, câm nín.

Con Diệu trầm giọng: tui cũng không ham hố gì cái nghề này. Tui định làm chừng vài ba năm kiếm mớ tiền về quê, mở cái quán cafe như chị Điệu, rồi có chồng, đẻ con. Ngờ đâu con Dàng học giỏi quá. Tui phải ráng mần thêm, chắc cũng phải 10 năm nữa.

Con Yến nhận cuộc gọi đi khách, nó uống vội ly cà phê, đứng lên phá tan không khí ngột thở: lý sự mẹ gì, làm, kiếm lúa, được ngày nào mừng ngày đó. Không có tiền mới chết. Không yêu, không chồng đâu có chết.

Tui mình chết, sướng cái thân; mà đám nhỏ ở quê tiền đâu đi học...đủ thứ chuyện khác nữa.

Con nhỏ này nói không sai, cuộc sống không bình yên nhưng vẫn bình thường. Có chết ai đâu.

Mà nếu có ai chết cũng bình thường thôi mà.

NĂM

Chị Bé Tư rủ tôi đi chợ. Quán cafe giao cho đám nhỏ coi dùm.

Vào chợ, cảm giác đơn độc tự nhiên biến mất.

Má Tám Cá gọi: Điều, Điều cá tươi còn giã nè, mua giùm chị đi em!

Chú Bảy Đồ Lót gọi: Con Điều hôm nay đẹp thiệt, sắp có chồng chưa? Quẹo lựa quần xì cho chồng luôn, hai chục ngàn một cái, ba cái năm chục ngàn

...

Thím Sáu Hò mời chị Bé Tư mua mắm cá linh, bà Tư Điều kéo tay mời mua chè bưởi...

Chị Bé Tư nói: hôm qua tao sắm đủ rồi, chỉ sót vài thứ. Chị ghé mua hai bị bánh bò đường thốt nốt, tiện thể mua mướp hương ở cạnh đó.

Thím Ba Dư nói: ba chục ngàn. Chị Bé Tư đưa tiền. Thím Ba nói: tao nói thách để mày trả, mà mày không trả tao lấy hai mươi lăm ngàn thôi, cho đúng giá. Thím Ba còn cho thêm ít hành ngò, vài trái ớt...

Ông giữ xe Năm Cụt để chị Bé Tư dắt xe ra, không cần thẻ giữ, còn nói: xe nhão sên rồi, nhớ thay, đi cho ngon nghe Tư cưng ...

Có những lúc tuyệt vọng, thấy mình như không có thực tôi thường đi vào chợ quê. Và, không hiểu tại sao, từ cái chôn “thị phi” này, tôi thấy mình còn sống, còn gắn bó với cõi người.

*

Chị Bé Tư ở trong dãy nhà trọ xóm Gành. Đang mùa nước nổi, có đoạn xe ngập đến nửa bánh.

Tụi nhỏ đã có mặt ở đây. Có đứa đang nấu nướng, có đứa đang lau chùi ngoài hàng ba (hành lang).

Chị Bé Tư bảo: Mùoi Hai ơi, mày gọi mấy đứa ở quán cafe đóng cửa, qua hết, ăn trưa ở đây.

...

Chị Bé Tư mở tủ lấy một bức ảnh đen trắng, cũ kỹ.

Chị cầm vạt áo lau rồi đặt lên nóc tủ quần áo.

Chị nói: ba tao hy sinh ở Cam. Chị trầm ngâm: má tao đụng ba tao đêm tiền ông nhập ngũ. Tao thôi nói thì ông mất.

Tao năm tuổi, má gọi tao cho bà ngoại, rồi lấy chồng khác, trẻ quá mà. Nhà nội lưu lạc nơi nào tao cũng không biết.

Tao không cúng ba thì ai cúng, ai còn nhớ ông? Chị đốt cây nhang vái vái.

Con Nga nói: ông ngoại tui chết trận Củ Chi. Con Hương nói: ông nội tui hy sinh tận ngoài Huế luôn.

Con Liên nói: bác tui tử trận Xuân Lộc. Con Linh nói..., con Hậu nói...

Đứa nào cũng thấp nhang vái ba chị Bé Tư và tưởng nhớ về người thân của riêng từng đứa.

Chị Bé Tư nói: lỡ mai tao chết thì có ai cúng ba tao?

Bé Liên xía ngang: bà Bé Tư chết ai cúng sao không lo?

Không ai cười.

Khói nhang quyện đưa lời khấn nguyện lặng lẽ bay ra ngoài khung cửa, tan trong khoảng mênh mông giữa đất và trời.

SÁU

Chiều nay mưa tầm tã. Cả đám gái ế hàng đang ngóng khách gọi đi.

Tôi ngồi xem phim “Bên Không Chông”.

Phía sau chiến tranh là những người đàn bà chờ đợi. Đợi chờ vô vọng, nhưng không tuyệt vọng.

Còn bây giờ, những người đàn bà này, sanh ra khi không còn chiến tranh, đang mong ước điều gì?

Chị Bé Tư rít liên tiếp ba hơi thuốc, ra vẻ suy tư rồi nói: con Mười Hai đã vô nghề gần hai tháng rồi, có nhớ tao bày biểu gì không?

Con nhỏ Mười Hai lễ phép: dạ má! con nhớ mà.

Chị Bé Tư hỏi: nhớ gì, nói nghe thử coi.

Bé Mười Hai đọc như học trò trả bài: dạ! Không được ăn cắp, lừa gạt khách. Không được xì ke, bài bạc, xài phí, dành dụm tiền gửi về nhà ...

Chị Bé Tư khen: ngon đó, nói hay nhưng có làm được không? Nhớ cho kỹ là không được yêu, không cho ai yêu.

Bé Diệu chen vào: không được dính bầu, phá mang tội, giữ lại sao mà mãn ăn.

Con Linh trề môi nói: cái vụ không yêu vậy mà khó lắm đó. Yêu cũng cần như ăn, như ngủ.

Hồi lâu rồi có một thằng ship bơ yêu tui, tui cũng động lòng. Mèn ơi! ra khỏi nhà là thấy nó, làm sao đi khách. Tui phải bỏ xứ Phan Thiết về đây đó.

Chị Bé Tư dựa lời: yêu ỉếc gì bây, lo học một nghề để sau này giải nghệ sống đàng hoàng, mặc sức mà

yêu. Lúc rảnh vô mấy tiệm Spa phụ làm không công, học lóm; hay là học chị Điều cách bán cafe ... Bé Diệu lầm bầm: có sớm cũng trên mười năm nữa mới thoát được chôn này.

Những người đàn bà nín thính, câm lặng nhìn mưa. Không có chiến tranh, sao cái quán cafe này y như cái bến không chòng. Cũng chờ, cũng đợi, mà không đợi tình yêu, không chờ hạnh phúc. Không có quyền nghĩ đến điều cần thiết tối thiểu cho kiếp làm người. Con Liên phá tan phút yên lặng, ra về đàn chị chất vấn: Mười Hai! Theo mày nên chọn khách trẻ hay già?

Bé Mười Hai nói: chọn khách già, mấy ông càng già càng ít quây. Mấy ông ăn chơi lén, nhất thấy bà, hiền khô, dô phòng có ông run, nựng tui như nựng cháu. Có ông không cho tui cởi đồ, hun lên trán tui như muốn khóc...

Chị Bé Tư cắt ngang: kệ người ta, việc mình, mình cứ mần ăn. Mà nè, gặp khách nghi là lưu manh, muốn trấn lột mình thì làm sao?

Bé Mười Hai chưa trả lời, con Liên liến láu đáp: vô phòng phải làm cho khách cởi đồ trước. Nó ở trường thường không động thủ. Trong xách tay mình phải phòng thân cây kéo nhỏ.

Bé Nga thắc mắc: sao không đem dao cho ngon?

Con Liên tỏ vẻ thông thái mày muốn có mìn vịn à. Khám người mày có dao bị cho là chuẩn bị phạm tội; cây kéo, mày cãi là để cắt vải.

Bé Nga hỏi: lỡ như tui trần truồng rồi mà nó uy hiếp thì sao?

Con Liên rành rọt: Nó ở trường, tự nhiên mắc cỡ không chạy ra ngoài phòng. Còn mày, còn mẹ gì mà xấu hổ, cứ tồng ngồng chạy ra phòng la lên cho người ta cứu.

Chị Bé Tư đưa ngón tay cái lên, khoái chí: Ố de! Ố de! Giỏi! Giỏi! Cứ ở trường tồng ngồng như loài vật mà chạy thoát nguy.

Chị cười sặc sụa. Cả đám cười theo.

Tiếng cười đồng thanh, kéo dài giữa cơn mưa, như tiếng gào của bầy thú hoang.

Bầy thú còn giữ trái tim loài người.

BẢY

Bé Trang gọi hình quán cafe của nó mới mở hơn hai tháng. Còn có hình vợ chồng nó đi chùa, làm từ thiện. Nó nói tuần sau sẽ cùng chồng về lại quán cafe này thăm bè bạn cũ.

Chị Bé Tư dàn dựng: đừng để thằng chồng con bé Trang biết nó với tụi mình làm dĩ nghen.

Khi đó, tụi mày giả đồ đóng tuồng. Con Liên, con Linh vai chạy bàn cà phê. Mấy đứa kia vai khách, mà giới thiệu có nghề ngỗng đảng hoàng: con Diêu là chủ tiệm tóc, con Liên chủ quán xôi xiêm, bánh đúc, Nga bán trái cây...

Con Trang nó xạo với nhà chồng là nó buôn thuốc lá qua biên giới. Tụi mày nhớ, cho nó khỏi bê mảnh.

Con Diêu lý sự: má Tư khỏi lo, tụi này diễn y chang Lệ Thủy, Minh Vương... ngày nào mà chả diễn tuồng cho khách thích.

Chị Bé Tư rít thuốc, phán: đời mà, ai cũng đóng tuồng hết. Diễn khéo, lừa được thiên hạ thì thành vua, thành tướng; diễn dở lộ mặt ăn cắp, tội phạm.

Rồi chị tâm sự: nghe nó dắt chòng theo, tao mừng. Nó mà đi một mình là tao ngại nó quay về cái nghề nhor nhóp này.

Đồng tiền như con quỷ cám dỗ; biết bao người bằng cấp cao, chức vụ lớn còn bị luy vì tiền, hưởng chi tui mình.

Chị chửi thề: Đ. Má! Tao cũng bỏ nghề hai lần. Rồi mần không đủ nuôi gia đình, rồi nghiệp chướng bắt tao phải trở lại. Chắc bám theo tới khi thân tàn ma dại đó tụi bây. Mấy đứa mày phải ráng học một cái nghề lương thiện, may ra ...

Chị Bé Tư liên tiếp rít thuốc, ém khói, thổi thành nhiều vòng tròn, như những vòng thòng lọng vô hình siết nghẹn phận người khôn khổ. Vòng vây thoát ra được là lúc đã tàn đời.

Con Liên nhìn mông lung ra đường lộ mưa bay. Chợt nó nói: a! Ai như con Mươi Hai và má nó.

Chập sau, con Mươi Hai, chị Út Thêm vào quán, đi theo là một phụ nữ cỡ 25- 26 tuổi.

Chị Út Thêm là người dẫn con mình - con Mươi Hai - đi bán trình, rồi gởi cho chị Bé Tư dút dất hành nghề vài tháng nay.

Con Linh bung trà đá ra mời mấy má con họ.

Chị Út Thêm cúi mặt không nhìn lên, nói: dà, con này tên Sáu Lan, chị dâu của con Mười Hai.

Chị ngập ngừng rồi tiếp tục: chồng nó bị án tù 8 năm. Đi đòi nợ mượn, chém người ta.

Tụi nó có hai mặt con. Lâu nay tui cũng đùm bọc cháu nội, con dâu. Mà ba con Mười Hai bị tăng - xông nằm một chỗ rồi. Con Sáu Lan làm mượn không đủ nuôi con, thăm nuôi chồng.

Cực chẳng đã, nợ nần lút cổ, tui dẫn con dâu lên đây cho nó đi mần nghề như con Mười Hai, chừng nào chồng nó gần về tính tiếp.

Chị Bé Tư vỗ bàn cái rầm đứng dậy nói to: ông trời ơi! Xuống đây mà coi mẹ chồng dất nàng dâu đi làm đi.

Chị Út Thêm bung mặt khóc, con Mười Hai cũng khóc.

Con Sáu Lan không khóc, nó trợ hai con mắt thất thần nhìn trần trần lên bầu trời u tối.

Mưa mới ngớt, mà chắc sắp mưa lại.

TÁM

Con Liên ngồi xụ mặt. Con Linh tò mò: sao vậy? Mất tiền hay yêu thằng nào?

Con Liên nói: cày đổ mồ hôi trán, rán mồ hôi l... rồi như quăng tiền xuống sông, xuống biển.

Nó giải bày: tiền đi mà ở quê xài như tiền chùa. Hai thằng anh trời đánh, mấy năm nay tui cho tiền đi học

nghe sửa xe; éo thẳng nào nên hồn nên vía. Thêm cái trò cá độ banh, nợ giang hồ.

Chị Bé Tư hỏi: bộ má mày không dạy tui nó sao?

Con Liên kể lể: ba tui mất sớm, nhà như không có cột. Má tui hả? bà cũng đâu có vừa gì. Năm mười mấy tuổi rồi còn mê trai. Lúc nghèo chịu khổ, ở vậy nuôi con; bây giờ mê thằng cha Tám Đàn ca tài tử, chắc tốn bộn tiền.

Chị Bé Tư khuyên giải: mày đừng rầu rĩ, con người mà, lúc khổ chỉ nghĩ đến no cái bụng, bụng no lại thèm thứ kia.

Mày cứ nhắm mắt lại mà sống, ông trời đâu phụ lòng mày.

Con Linh xía chuyện: ông trời mù mắt rồi má Tư. Bé Liên đau một, tui đau xấp mười, mấy người thấy bao năm rồi tui đâu có về quê.

Bé Diệu tò mò: ờ, tui thấy bà hồng có về thăm nhà. Sao dzậy?

Con Linh kể: quê tui ở thâu Vĩnh Châu - Sóc Trăng, nhà sáu anh em. Khổ, má tui bệnh dài dài, lúc còn nhỏ mình ba tui cán ráng cũng tạm no. Thiệt tình, không có ông chắc anh em tui trôi sông, lạc chợ.

Chị Bé Tư chen ngang: mày vẫn tắt đi, ở đây đâu có ai sung sướng.

Con Linh kể tiếp: thấy cả nhà khổ quá tui mới mần cái nghề này. Mà sợ chòm xóm khinh chê, sợ ba tui đánh, tui phải trốn lên thành phố cho không gặp người quen.

Con Nga bình luận: chuyện đó tui tui cũng như bà thôi.

Con Linh nhỏ giọng lại, như không muốn nói, như muốn giấu: Tui mân được ba năm, nhịn nhục gỏi tiền về nhà cũng khá nhiều.

Rồi đêm đó có thằng cò đi gọi, nói tui đến số phòng ... khách sạn ... có mỗi du lịch chờ ở đó.

Tui lật đật đến nơi, vào phòng.

Đèn chưa tắt, trong bóng tối mờ mờ tui thấy ông khách đang nằm trên giường, chắc đang say.

Tui để ông nằm yên, nhẹ bước vào phòng tắm, tắm thơm tho để mân ăn với ông cho ngon lành.

Tắm xong, tui trần truồng quần cái khăn che sơ sài, hấp dẫn. Rồi ra giường bật đèn lên, khách thường thích mân chuyện đó trong ánh sáng.

Ông khách ở trần, nằm úp mặt vô vách, lưng quay ra ngoài.

Úi má ơi! Trên lưng ông có xăm dòng chữ to tướng: BẢY LÓC, ANH YÊU EM.

Bảy Lóc là tên má tui. Ba tui xăm dòng chữ này lúc ông của má tui.

Ông khách- ba tui- đã ngồi dậy. Tui mất hồn vía, quỳ xuống đất lạy như té sao: ba tha tội cho con ... tha tội cho con, đừng méc với má. Tui nhắm mắt lạy như cái máy, lạy lạy ... lạy ba tui hay là lạy ông trời, lạy cuộc đời này?

Rồi tui tông cửa chạy ra khỏi phòng. Trần truồng mà chạy, chạy không hồn, cứ chạy vào bóng tối, y như muốn tan biến trong màu đen của đêm.

CHÍN

Mấy bữa gần đây, trời còn chưa sáng, chừng 4 giờ hơn, đã thấy con nhỏ lạ đó đến uống cà phê.

Đúng lạ, giờ này chỉ có dân lao động, buôn bán... đến thôi. Đám gái trẻ cũng phải hơn 8 giờ mới dậy.

Lạ nữa, vì con nhỏ đẹp, lại ăn mặc sang, không lố lăng.

Nó nói: cô cho con 2 phin cà phê, không đường.

Lạ lạ nữa, nó nói giọng Bắc. Cái giọng Bắc của người sinh ở miền Nam.

Tôi mê giọng nói đó từ lúc còn nhỏ.

Tôi mở sonata Devil's Trill của Tartini. Rồi tôi nỏ da gà vì thấy con nhỏ đang phiêu theo điệu nhạc.

Lạ thật, ở tuổi này, ở nơi đây, hiếm có ai thích nghe loại nhạc đó.

Nó chờ ai mà kêu hai phin cà phê đen? Không! Nó dồn hai ly lại, không bỏ đường, nhấp một ngụm rồi rít một hơi thuốc dài, nả khói.

Như mọi ngày, hơn 8 giờ sáng tụi nhỏ mới đến quán. Chúng là những con cò, đợi khách gọi đến nhà trọ, khách sạn trong đêm.

Tụi nhỏ ngồi bên trong, ở khu pha chế, cách phòng chính một vách ngăn.

Con Linh ra đầu, hỏi chị Bé Tư: má có thấy con nhỏ kia không?

Chị Bé Tư xăng xái: tao có nghe thiên hạ nói con nhỏ này từ Đà Lạt xuống, nó đẹp thật, sang thật, bụi đời kiêu này uống quá.

Con Linh nhỏ giọng: tháng trước, tui thấy nó cặp với lão Cương Trọc vô khách sạn bên Long Xuyên.

Con Liên xía chuyện: dính với tay đầu sỏ đòi nợ mướn đó là tiêu tưng đòi con nhỏ. Coi chừng lão xài ớn xong bán cho mấy sòng bài bên Miên .

Chị Bé Tư tỏ vẻ hiểu biết: tao nghe nói ba nó làm chức to lắm mà bị tù vì vụ đất đai gì đó; mẹ nó có bồ, nó tức khí bỏ nhà đi bụi.

Con Mười Hai như nhớ lại phận mình, nói: tui tưởng nghèo như tui mình mới lâm kiếp khổ, ai dè con nhà chức quyền, đại gia cũng sa cơ.

Con Liên ra vẻ thông thái: cha mẹ phạm tội ở tù là đúng, rồi con cái họ thiếu người nuôi dưỡng cũng sẽ trở thành tội nhân trong tương lai thôi.

Chị Bé Tư bung ca trà đá ra châm cho con nhỏ, để tò mò xem kỹ mặt nó.

Chị trở vô, nói nhỏ với tụi: chết mẹ, nó dính hàng đá, cặp mắt sâu hoắm, quầng thâm. Cái kiêu không ngủ được, uống cà phê đô cao này nữa, ghiền hung rồi.

Cỡ 9 giờ lần lượt có điện thoại gọi mấy con nhỏ đi. Ban ngày là khách mỗi ruột trốn vợ đi chơi, ban đêm là khách nơi xa đến.

Chỉ còn tui và chị Bé Tư ở phòng trong. Lớn tuổi rồi chị mắt mỗi thường xuyên, chỉ trông vào cò gọi đêm khuya cho khách thập phương.

Con nhỏ lạ chậm rãi đến bàn chị Bé Tư. Nó cúi đầu thiết lễ phép, nói: dạ thưa cô... có gì cô chỉ chỗ cho con làm. Con cảm ơn cô nhiều.

Chị Bé Tư nghèn nghẹn hỏi: con biết cô làm nghề gì mà xin làm.

Con nhỏ lí nhí đáp như nữ sinh không học bài bị cô giáo tra: dạ thưa cô con biết, cô giúp con, con cũng hết biết phải làm gì.

Chị Bé Tư nhìn nó. Mắt nó mơ hồ không chút xúc động, mà mắt chị như đã gấn lệt.

Chị khóc cho đời chị chưa đủ sao mà còn khóc cho người xa lạ?

Quán vắng khách, khúc vĩ cầm “Tiếng vọng của quỹ dữ” vẫn còn đó. Lúc ray rứt, lúc mệt mỏi -rã rời, lúc dồn dập - cuồng nộ như phận người ở chốn này.

MƯỜI

Chị Bé Tư nói nhỏ với tôi: con Ngọc, cái con Đà Lạt đó, nó không chơi xì ke được ba ngày rồi, không tiền thì lấy đâu mà chơi. Hên là nó chưa lạm, mà hàng đá hình như dễ bỏ hơn hàng trắng.

Tôi nói: bà ráng giúp nó, con nhỏ này không thể sống bằng cái nghề của bà.

Chị Bé Tư bung ly cà phê ra bàn, ngồi gần con Ngọc. Chị hút liền mấy hơi thuốc, rồi nói: Ngọc nè, chị em ở đây chia mỗi cho con. Sòng phẳng, con trả công lại chừng 50 ngàn thôi, coi như tiền nước.

Con Ngọc nhìn chị, như muốn hỏi gì.

Chị Bé Tư đoán ý, nhanh nhẩu: giá một lần bằng...10 tô phở .

Như ở chỗ này tô phở, tô hủ tiếu giá 25-35 ngàn, con gấp 10 lần lên rồi cộng thêm 1 giờ tiền nhà nghĩ bình dân, cũng 50 ngàn nữa.

Con Ngọc nói: dạ, con từng ăn tô phở 1 triệu ở Landmark, Sài Gòn; có tô 3 triệu mà con chưa ăn đó cô.

Con Linh ra vẻ sành đời: giá tụi mình, ở chỗ đó, cũng phải tính gấp 10 lần. Máy cha đã ăn tô phở 3 triệu thì màn một phát 30 triệu họ coi là chuyện nhỏ.

Bé Diệu góp chuyện: xứ này nghèo, phở giá bèo thì mình cũng giá bèo. Lầy nhiều, khách đâu dám xài.

Chị Bé Tư suy tư: phở có nhiều loại: phở vỉa hè, phở quán bình dân, phở có máy lạnh, phở dát vàng... Á Đù! Gái cũng như phở, nhiều đẳng cấp: gái đứng đường, gái xe số, gái xe tay ga, gái xe con, rồi hoa hậu, người mẫu, chân dài, chân ngắn nữa.

Bé Yên nói như có phát hiện mới: hèn chi thiên hạ nói tụi mình là phở.

Cả bọn cười to. Bé Ngọc nhếch môi gượng gạo cười theo. Nó vẫn lạc lõng giữa đám gái này.

Chị Bé Tư đặt câu hỏi: đám nghèo như tụi mình, quên cả thân xác; ước muốn kiếm tiền cho đời được sướng; sao nhà con Ngọc có quá nhiều tiền mà vẫn tan nát?

Không ai trả lời.

Tôi nghĩ vu vơ: mơ ước của Bé Linh, Bé Liên, Bé Nga... và ngay cả của Bé Diệu tuy xa vời nhưng có thật. Là món tiền gửi về cho ba má hay nuôi em đi học.

Còn, có lẽ giấc mơ của Ngọc là gia đình có bố, có mẹ của quá khứ. Hy vọng khó thành quá, sẽ là niềm tuyệt vọng thôi.

Đời mà, ước muốn này qua đi sẽ có ước muốn khác đến. Hy vọng có thể chỉ là ảo vọng.

Nhưng không niềm tin, không có ước mơ thì sự sống còn thua cái chết.

Mà dù có gì, cũng phải sống. Có giấc mơ khác đi Ngọc, ước muốn điều gì dễ thực hiện thôi. Để khỏi tuyệt vọng. Để sống.

Tôi muốn nói suy nghĩ mông lung của mình với Ngọc. Nhưng không nói.

Tôi hiểu gì nổi cõi đời nghiệt ngã này mà lên tiếng.

MƯỜI MỘT

Sáng nay chị Bé Tư diện bộ váy Maxi 2 dây bèo hở vai, ngực.

Chị đẹp thiệt, tuổi 45 chỉ làm mất vẻ mềm mại nhưng những nét khêu gợi vẫn còn. Da ngăm, môi dày hấp dẫn, mắt to đen, hình như có chút lai người Miên.

Tôi khen: có gì vui mà bà diện ngon lành quá?

Bé Yến nói: má Tư đẹp nhất quán cà-phê này đó.

Chị Bé Tư thích thú: còn mướt hả? Già rồi, không ngon chỉ có nước đứng đường.

Con Linh góp chuyện: già gì mà già, bà Năm Hường 60 tuổi còn kiếm khách được đó má.

Chị Bé Tư nói: ờ, tao mần nghề lúc 18, bây giờ 45; đúng là nghề này khác hồi xưa, hồi đó chỉ chừng 40 là không làm được nữa. Khách chơi 70 trở lên bây giờ nhiều, có ông 80 cũng còn mần ăn được, tiến bộ thiệt.

Con Liên trề môi ra vẻ thông thạo: nhờ tiến bộ, đi lên; mấy ổng xài thuốc, chớ tuổi đó mà không có thuốc thì có mà đi xuống nhanh.

Con Huỳnh tham gia: nghe nói mấy năm trước có ông 80 tuổi, ham hổ quất 2 viên; tử trận trên bụng ngựa cái. Sợ quá!

Bé Nga nói: mèn ơi! Bữa đó có thằng còn trẻ mà xài thuốc, nó mần dai nhách, tui lạy nó mới tha.

Bé Yên nói chen: có nhiều bác già, ăn chơi vẫn còn giữ đức. Tui gặp ông khách tuổi cỡ ông ngoại tui. Ông cho tui ít tiền rồi thay đũa khác, lớn tuổi. Trẻ quá, mấy ông già lại ngại.

Chị Bé Tư thêm chuyện: có lần tao gặp thằng nhỏ, chừng 17 tuổi. Á đù! Chắc coi phim séc quá nên rượng đực sớm. Tao từ chối vì thấy kỳ kỳ.

Chị kể thêm: thằng nhỏ nói nó cua con nhỏ 15 tuổi, tốn nhiều tiền, mà con nhỏ chưa chịu đi nhà nghỉ. Nó còn nói chỉ tốn mấy trăm ngàn cũng xả được, chớ theo con nhỏ tốn bộn, chả xơ múi gì được.

Con Linh góp ý: tiến bộ thiệt đó má. Cách đây chừng 10 năm, mần nghề này, học lớp 6 như tui là cao; bây giờ toàn lớp 9, 12. Có đứa nói tiếng Mỹ như gõ cây.

Chị Bé Tư ái ngại nhìn con Ngọc.

Con Ngọc bình thản nói: dạ, con học năm 3 đại học cũng bước chân vào nghề làm đĩ đây.

Chị Bé Tư bình luận: ăn chơi ngày càng tiến bộ đi lên bằng Mỹ, bằng Tàu. Cái gì cũng lên. Cọng rau, củ khoai, nhà, đất đều lên như điều. Á đù! Nghe nói giờ miếng đất chôn, cái mả, cái hòm tệ nhất cũng 30 triệu. Má nó! Rủi mai tao chết, tiền đâu mà chôn?

Con Liên trề môi nói: má lo gì chời! Không ai để cái thây thúí nằm đó đâu.

Mấy tháng nay đám gái gọi trong quán cafe này ế khách. Họ tụ tập nói chuyện nọ xọ chuyện kia cả ngày.

Con Linh nhận xét: đi lên, tiến bộ gì đâu! Thứ gì cũng lên, chỉ có tui mình đi xuống, mất giá. Hồi tui mới làm kiếm một phát là có tiền mua được 20 tô hủ tít, bây giờ chỉ được 10.

Con Diệu nãy giờ yên lặng, lên tiếng:

Giá đĩ 3 năm rồi không lên mà bây giờ ế nữa chớ, hồi đó một ngày 4-5 khách gọi, tui chịu hết thầu phải từ chối bớt.

Mấy tháng rồi ế mem, các cha mần ăn thất bại hết tiền ăn chơi. Kiểu này kéo dài chắc tui cạn tiền gọi về quê.

Con Yến nói theo: công ty, hãng xưởng ở Bình Dương, Sài Gòn thải người về quá chừng. Nhiều đứá thất nghiệp nhào dô mần nghề này.

Chị Bé Tư thông cảm: đĩ thì tăng mà khách thì giảm. Nhiều đứá công nhân cũng phải tìm cách sống chớ. Đâu phải tại tui nó, mà tại chuyện gì lớn hơn, tao

không hiểu được. Thôi cầm cự qua ngày, chắc sang năm khá hơn.

Bé Mười Hai tham dự: tới đâu hay tới đó. Giờ ai nói gì dzui dzui đi, phải dzui mới sống tiếp. Quên mẹ chuyện mần ăn không được đi.

Chị Bé Tư cười: tao kể chuyện dzui nghen, chuyện tiến bộ khoa học nghiêm chỉnh, mà sợ bà Điều chê là tục tũ.

Tôi nói: bà kể đi, nói bóng gió thôi đó.

Chị Bé Tư hít liền mấy hơi thuốc, cười cười kể: năm ngoái, tao làm gái bao cho ông Việt kiều, tuổi xấp xỉ 70. Ông trót quót, chả mần ăn được; lại có bệnh cao huyết áp nên không dám uống thuốc cường dương.

Nghe ai bày, ông ra tiệm thuốc Tây mua chai thuốc xịt cho nó có chỗ đứng đàn ông. Chỉ cần hành động ngon lành 5 phút là ô kê.

Trưa đó ông mần liền, hiệu nghiệm lắm. Hồi xưa làm gì có thần dược như bây giờ để cứu đám đàn ông già cả, đúng là khoa học tiên bộ thiệt.

Đến chừng 10 phút, trên đã chán, dưới không chịu về hưu, tao vẫn chịu được mà ông thở dốc rồi.

Má ơi! Hết cơn thái lai, đến hồi bã cực. Thằng chả xoay sở đủ kiểu, cả tiếng đồng hồ mà cái nợ đời vẫn không trở lại bình thường.

Tao mệt, ông càng quá mệt. Tao biểu ông nằm yên, cầm chai thuốc, mặc quần áo, chạy ra tiệm thuốc mắng vốn.

Con chủ tiệm cười sặc com nói: xịt một hơi nhẹ thôi, ai biểu ham hó tưới lên. Chừng nào bay hơi, hết

thuốc, thì nó hết tác dụng. Bây giờ, bà dì rửa sạch là xong.

Tao lật đật bay về làm theo lời nó. Vừa rửa cho lão, vừa cười. Lão nhơn tình mệt quá mà cũng cười theo. Thiệt là vui.

Nghe chị Bé Tư kể xong cả đám con gái cười té nghiêng, té ngửa.

Năm mới, tôi kể một chuyện vui, mà viết xong tôi nhận thấy mình hay lập lại cái kiểu kết thúc truyện bằng một tiếng cười chung. Thiệt là nhàm.

Thực tế, tôi chưa thấy những người đàn bà này cùng nhau khóc. Họ chỉ cùng nhau cười.

Có thể là họ chỉ khóc thầm, hoặc đã không còn nước mắt.

Những tiếng cười qua các câu chuyện dung tục, tào lao lại là liều thuốc tâm lý, giúp họ tạm quên sự chán ngán cuộc sống.

Quá khứ nghèo đói, hiện tại bần dơ, tương lai vực tối. Những người đàn bà này chỉ còn biết cười để hoá giải bi đát của cuộc đời.

Vì họ đâu có đủ khả năng để tự dối gạt chính mình.

Nụ cười đau như dùng kim khâu vá vết nứt của khối ung thư. Tạm thời xoa dịu, kéo dài thời gian huỷ diệt sự sống.

Đến khi nào? Và bằng cách gì để họ có cuộc đời đáng sống?

MƯỜI HAI

CỐI NHÂN GIAN

Dân gian có câu “Đừng nghe cave kể chuyện, đừng tin con nghiên trình bày”.

Ngọc là cave, lại mới cai nghiên, nó kể câu chuyện này. Thật, hư lẫn lộn.

Cũng có thể Ngọc đã đọc ở đâu đó. Trong di chứng mộng du của ma túy, nó hoang tưởng và hoá thân vào câu chuyện.

Chiều tối hôm ấy có điện thoại của thằng cò gọi, nó bảo Ngọc ra trước đường, có xe đón.

Không phải là xe ôm, mà một chiếc bốn bánh đang đợi.

Ngọc mở cửa xe, lòng có chút nghi ngại, hỏi: dạ, mấy người? Đông thì em gọi thêm.

Ngọc nhìn người đang lái xe. Trục giác cho thấy không phải là đám giang hồ, vũ phu.

Người đàn ông không nhìn lại, giọng ông ta nhẹ nhàng, thân thiện: không sao đâu, đừng lo lắng nhiều.

Ngọc lên xe từ cửa sau. Người đàn ông nói: xin lỗi, tôi cũng già rồi, cứ gọi tôi bằng chú. Cháu có thể từ chối nếu thấy bất tiện. Rồi tôi sẽ nói cho cháu nghe việc tôi cần cháu làm.

Ngọc có cảm giác an tâm nhưng vẫn nghi ngại. Nhiều ông khách già hơn ông ngoài nó, vẫn thích

được gọi bằng anh mà. Ông này lạ lùng quá, điều gì sẽ đến?

Ngọc nói: dạ, đương nhiên là ông đã biết em làm gì. Nêu là việc ngoài “chuyên môn” của em, em không làm được đó.

Ông khách điềm đạm: cháu yên tâm, nếu cháu không đồng ý tôi vẫn trả tiền cho cháu. Còn làm gì, tôi sẽ nói sau.

Xe đi qua nhiều đoạn đường, ra khỏi thị trấn, đến trước cửa một biệt thự.

Ngôi nhà nằm sâu trong vùng cây, thật thơ mộng nhưng tạo cho Ngọc cảm giác bất an. Nó e sợ những điều kinh dị sẽ xảy ra.

Ông khách như đoán được ý nghĩ của nó. Ông nói: ngoài trời gió lạnh, cháu vào trong cho ấm.

Ông ta dẫn Ngọc vào một gian phòng bài trí trang nhã. Giọng ông thân ái, như trong gia đình: cháu ngồi nghỉ một chút, tôi cũng đói rồi, để tôi làm ít món ăn.

Giây lát sau, Ngọc đã nghe mùi thức ăn. Nó không còn lo lắng, chỉ thắc mắc không biết ông khách này sẽ biểu mình làm chuyện gì. Khó hiểu quá.

Ngọc dạn dĩ nói: chú, chú có cần con giúp gì không? Ông khách bưng ra khay thức ăn. Đơn giản, nhưng sang trọng: hai đĩa mỳ Ý, một đĩa thịt nguội khai vị. Có cả một chai vang.

Ông ta rót rượu, nói: tôi quá quen với việc bếp núc. Rượu khai vị, nhẹ thôi, cháu uống cho ấm và ăn tự nhiên, cũng đã tối rồi.

Món ăn làm kiểu Tây, ngon. Ông khách tiếp đãi lịch sự, thân thiện. Ngọc cảm thấy an tâm.

Một lúc sau, khi thấy Ngọc đã xong bữa, ông khách nói: bây giờ, mời cháu đi gặp con trai chú. Nó ở phòng trong.

Ông ta mở cửa. Căn phòng rất rộng, có cả giường ngủ, bàn làm việc, như một phòng lớn của khách sạn.

Trên bàn ăn, Ngọc thấy một cái bánh sinh nhật. Nén đã thắp, sáng lung linh.

Ông khách gọi: Đức ơi! Mở nhạc đi, bạn đến mừng sinh nhật con đây.

Từ phòng trong, có chiếc xe lăn chậm rãi chạy ra.

Ngọc mím môi ngăn tiếng kêu hoảng sợ của mình.

Trên chiếc xe lăn là một người không tay, không chân.

Ông khách nhẹ nhàng đặt tay lên vai Ngọc, trấn an: nó là người. Người, rất người như mọi người.

Ông kê: vợ tôi, sau khi sinh nó được tròn tháng đã bỏ đi. Chính xác là 25 năm rồi. Tôi ở vậy nuôi thằng bé.

Đức- tên thằng bé- sinh ra đã không có tứ chi. Tay, chân nó teo lại chỉ còn một mẩu nhỏ. Nhờ tập luyện nhiều, Đức dùng mẩu thịt nhỏ đó đủ để điều khiển xe lăn, máy vi tính và các thiết bị trong phòng.

Đức bị phế tật thân xác, nhưng trí óc nó bình thường. Nó hiểu được đời sống nhờ công nghệ thông tin. Tôi cũng thường chở cháu đi ra ngoài nhìn người, nhìn cảnh vật.

Ông ngừng câu chuyện: mà thôi, chúng ta hãy mừng 25 năm làm người của Đức.

Ngọc thầm nghĩ: mừng! Có thể mừng cho cái sự sống người không ra người không? Ngọc lại liên tưởng đến Stephen Hawking. Và nó mong phép lạ đến cho hai cha con tội nghiệp này.

Ông khách nắm tay Ngọc, đẩy chiếc xe lăn đến trước bàn ăn.

Đèn, nến huyền ảo trong tiếng nhạc mừng sinh nhật.

Ông khách cất tiếng hát: Happy birthday to you.

Ngọc hát theo. Đức, cái thân hình không tay, không chân cũng hát: Happy birthday to you. Happy birthday to you..

Giọng Đức ngọng nghịu, như vọng về từ một cõi oan khiên nào đó.

Những giọt nước mắt đã lăn trên mặt người cha.

Ngọc cũng rung rung cay mắt.

Một lúc sau, như đợi một khoảng lặng trong giai điệu ma mị, người cha nói riêng với Ngọc: tôi thật lòng cảm ơn cháu. Tôi có đề nghị này muốn nói, mà... khiêm nhã. Cháu có thể từ chối.

Ngọc thông cảm: dạ, chú cứ nói.

Người cha khẽ khàng nói tiếp: dù thân xác không đầy đủ, không ra người. Nhưng Đức có lý trí, có tâm hồn như Người. Và, tất nhiên, nó cũng có ham muốn tình dục như mọi người.

Trong tồn sinh của đời mình ai cũng có khổ đau, có hoan lạc. Đức đã gánh chịu sự bất hạnh quá nặng của kiếp người từ khi mới chào đời.

Người cha ghen ngào tiếp tục ý tưởng:

Cháu à, nhân ngày sinh của Đức, chú muốn cho con chú món quà tặng của tạo hoá... đó là khoái cảm lạc thú giữa nam và nữ.

Chú muốn con giúp Đức được làm người, được như mọi người.

Chắc con đã hiểu. Con có thể từ chối. Chú không trách con đâu.

Ngọc sững sờ. Nó yên lặng, như không còn trong cõi nhân gian này.

Rồi nó nghĩ: tôi, tôi chỉ là một con đĩ, xã hội không xem là người, lại được giúp một người sống cho trọn chữ con-người sao?

Có lẽ ai cũng sẽ tò mò muốn biết kết cuộc câu chuyện. Mà con Ngọc ngưng, không kể nữa. Cũng không có đưa nào biểu nó kể tiếp.

(viết theo lời kể của Ngọc)

MƯỜI BA

TIỆC TẮT NIÊN CỦA LOÀI BÒ SẮT

Ba Mươi Tết năm nào tôi cũng chỉ mở tiệm đến 10 giờ sáng, có bán cũng ít khách. Dù có gì đi nữa, mọi người cũng muốn trở về nhà mình, trở về với nguồn cội, với những quá vãng, với tâm linh.

Trưa nay tôi cúng tất niên, mời đám đàn bà không chồng dự.

Đến 9 giờ, quán không còn khách; đám gái gần như đến đủ. Đứa nào cũng diện đồ đẹp, trang điểm hơn mọi ngày.

Chị Bé Tư nói: đến 10 giờ có khách gọi tao cũng từ chối; mần dĩ cả năm cũng phải có ít ngày làm người, ăn Tết chớ.

Tôi mở nhạc Xuân, cho có không khí nhộn nhịp, hứng khởi.

Con Liên, con Linh gõ muống xuống bàn phiêu theo điệu nhạc.

Con Diệu trầm ngâm: ngày Ba Mươi chắc không có cha nào đi chơi đâu, mấy chả cũng về vui với vợ con.

Con Hậu nói cay đắng: chắc phải qua Mừng Hai mới có khách. Mừng Một họ cũ, không gặp thứ dơ dáy như tụi mình, sợ xui cả năm.

Chị Bé Tư muốn hỏi con Ngọc sao nó không về Đà Lạt. Chắc chắn đây là lần đầu nó ăn Tết xa nhà. Chị ngại khêu dậy nỗi buồn của nó.

Ngờ đâu Ngọc lại hỏi ngược: ủa! Sao ai cũng ở lại, không về nhà ăn Tết? Tui không về là đúng, vì tui còn cha mẹ mà coi như không. Ở đây, còn có chị, có em.

Con Liên trề môi nói: tui nhớ nhà lắm, muốn về, mà lại không về. Tui sợ những con mắt người quen nhìn tui.

Con Linh diễn giải: thì tụi mình cũng nói xạo là đi mần mướn, ô-sin, ở đợ, mần công nhân gì đó. Ai mà tin, công nhân sao dư tiền gởi về nuôi gia đình. Họ

biết hết nhưng không nói ra. Có người ganh tị nói xấu sau lưng: nó làm đi chớ làm gì.

Bé Hường góp chuyện: ừ, có bà hàng xóm qua nhà nói: con mân chỗ nào trên đó mà ngon dữ, con dẫn con gái đi lên đó mân hen. Biết mình làm gì, ganh tị mà muốn cho con theo nghề mình. Cũng cảnh khổ với nhau thôi mà.

Chị Bé Tư nhắc: cũng gần 11 giờ trưa rồi, mấy đứa xúm lại bày biện bàn ghế, bung đồ cúng lên giúp chị Điều.

Con Mười Hai và Sáu Lan- chị dâu nó- mở cửa vào quán. Con Mười Hai vui vẻ: chị em tui kiếm được mỗi cuối năm.

Sáu Lan chu miệng chê: đ. má! Gặp hai lão thua bài, xả xui. Nó trút cái xui của nó vào người mình mà còn xin bót 50 ngàn. Đ. má! tui cũng ô-kê cho nhanh về ăn tết niên.

Con Vy ít nói, bữa nay lại cảm khái: họ xem tui mình không phải là con người mà y như hổ rác, xả dơ bản, xui rủi vào người mình.

Con Mười Hai nói: có cha mới đầu cũng tình cảm, nhẹ nhàng; xong con sung sướng nó đẩy mình ra như phun miếng thịt thiu.

Chị Bé Tư nói: thôi thôi! Cuối năm nói chi mấy chuyện buồn. Muốn có tiền phải ráng.

Tôi soi gương, vuốt lại tóc rồi đốt nhang. Tôi vái, khăn to: hôm nay là ngày cuối năm, con cầu xin Trời, Đất, những người khuất mặt phù hộ cho ba má, con của con và mấy người đàn bà trong cái quán này được khoẻ mạnh, vui vẻ.

Tôi khẩn thắm thêm, không nói ra: cầu cho các bác, chú, cô, anh chị, bè bạn qua Fb của con cũng mạnh khỏe, vui vẻ.

Chị Bé Tư nói: ủa, sao bà không cầu ước cho riêng bà?

Tôi nói: tui thấy tui vậy là được rồi, thay đổi chi cho mệt.

Tôi nhìn những khuôn mặt thân yêu. Qua một năm, bớt Bé Trang, nó đã có chồng; lại tăng thêm con Mười Hai, chị dâu nó là Sáu Lan và con Ngọc.

Chị Bé Tư nhìn tôi nói: tất niên phá lệ, nhậu, đánh bài ghen bà.

Tôi nói: ô-kê. Và vào trong xách ra can rượu để có pha chút rượu thốt nốt.

Con Sáu Lan nhanh nhẩu: để tui lấy chén uống mới đã đời.

Cả đám đàn bà xúm nhau vào bàn. Nhang chưa tàn nên đồ ăn chưa dọn lên, chị Bé Tư đã rót rượu.

Tôi nâng chén nói: chào năm cũ, mừng năm mới. Dô! Dô!

Cả đám la to dô dô! Rồi tất cả cạn chén.

Chị Bé Tư lại rót lượt thứ hai cho tất cả mọi người. Đến chén của con Ngọc chị nói: con ít uống thì không cần theo mấy con bọm này.

Con Ngọc cầm chén rượu nốc trọn một hơi rồi biểu: má Tư rót lại đầy lại cho con, không sao đâu, chết càng sướng mà.

Đám gái đưa ngón tay cái lên khen con Ngọc rồi cạn chén la to: dô! dô! dô!

Con Diêu, con Nga dọn đồ ăn lên bàn. Tôi nói: ăn, nhậu xả láng hen. Chán thì đánh bài, ngủ tại đây, đón giao thừa luôn. Nếu thích cứ ở đây mấy ngày Tết.

Cả đám đồng thanh: ô-kê, ô-kê.

Con Hậu nói giọng buồn: về nhà trọ nằm chèo queo trong đêm giao thừa chắc chỉ có khóc.

Đang ồn ào, cả bọn lặng câm, nhìn nhau.

Chập lâu, bé Vy phá tan bầu không khí nặng nề, nêu ý kiến: đánh bài quẹt lọ nghe đi. Ai thua bị quẹt một cái, uống một chén rượu.

Con Linh thêm vào: đồng ý phạt uống rượu, quẹt lọ nghe, thêm vào phải nhảy múa một vòng.

Cả đám lại la to: ô-kê, ô-kê.

Chị Bé Tư chột hỏi: bà Điều tuổi Thân phải không? Qua ngày mai là 45 tuổi ta rồi, sang năm tuyển thẳng chồng cho dzui.

Tôi cười, không trả lời mà ngẫm nghĩ: Tuổi Thân là tử thân, hèn chi đời mình không bao giờ trọn vẹn một ngày vui.

Bài chia, rượu rót, cạn chén, quẹt lọ nghe, nhảy múa.

Trong cơn say chúng nó vừa la hét hú hớ, vừa tự chế ra những điệu nhảy múa hài hước như con vịt xoè cánh, trồng cơm, chèo ghe, giã gạo...

Chúng cười ngặt nghẽo, như điên loạn khi thấy mặt đứa nào cũng vắn vện đen thui.

Và chúng quên, quên hết tất cả bất hạnh của đời mình trong buổi tiệc tẩy trần cuối năm.

Đến tối, tôi tỉnh dậy. Đám nhỏ ôm nhau nằm la liệt trên sàn nhà. Tóc tai rũ rượi, váy xống tóc lên loã lồ, mặt vẫn vện lọ nghe.

Nhìn y như loài bò sát mới xuất hiện trên cõi nhân gian này.

Loài bò sát đang bị trúng độc của loài người.

Chị Bé Tư tỉnh rượu trước tôi. Chị đang kéo lại váy, áo của đám nhỏ cho bớt trần truồng.

Tôi mở cửa, nhìn ra khoảng trời đất mờ mịt. Con lộ 91 đêm cuối năm chợt quạnh hiu như một nơi chốn khác.

Tôi cảm nhận có vòng tay ai ôm tôi. Chị Bé Tư.

Tôi thấy vai trần của tôi có nước mắt của chị.

Chị Bé Tư thăm thì: chỉ còn mấy giờ nữa là sang năm mới đó Điều ơi.

MƯỜI BỐN

Tôi tâm sự với chị Bé Tư chút chuyện nhà của tôi.

Nhân dịp trường đại học nghỉ Tết dài ngày, con trai tôi, đang học năm cuối, về thăm nhà.

Nó dẫn về con Phương, bồ của nó. Hai đứa thăm tôi và ông bà ngoại một tuần rồi sẽ về quê con Phương ở miền Trung, ăn Tết.

Tôi không có ý tự tìm hiểu quá cận kề về con nhỏ. Thấy nó hiền hậu, dễ mến tôi cũng thích.

Đến bữa cơm chiều tiễn hai đứa đi, thằng con tôi mới kể:

Hai đứa con quen nhau từ năm đầu đại học. Sang năm hai thì Phương theo gia đình đi định cư bên Mỹ.

Ý định ban đầu của con Phương là qua đó sẽ tiếp tục học đại học. Nhưng sau, vì ngôn ngữ, sinh hoạt... Phương dính vào nghề làm nail. Cô nó có ba tiệm nail, cũng cần có người trong gia đình vừa làm, vừa quản lý khi cô nó già, hết muốn trông coi nhiều tiệm.

Nghề nail không khó mấy với Phương, thu nhập cũng cao mà không đòi hỏi đầu tư thời gian, kinh phí học. Nó bỏ dự tính tiếp tục đại học, chấp nhận công việc mà ở quê nhà nó chưa bao giờ nghĩ đến.

Tình yêu của Phương và con trai tôi khá sâu đậm. Hai đứa hẹn nhau sau khi con trai tôi tốt nghiệp đại học, Phương sẽ về kết hôn và bảo lãnh qua Mỹ.

Nghe đến đây chị Bé Tư nhận xét: vậy là con nhỏ yêu con trai bà dữ à, thường thì con gái qua Mỹ nó ưng Mỹ, Đức, Hàn... hoặc Việt kiều.

Chị nói thêm: vậy cũng tốt, ai cũng muốn qua Mỹ ở. Mà tốn nhiều tiền lắm đó, cả tỉ bạc nếu kết hôn già. Con bà được qua Mỹ học tiếp, sống với người yêu nó, có phước mới được đó.

Con Ngọc nghe chuyện, nó tham dự: qua Mỹ ở y như giấc mơ của dân mình. Người nghèo, người giàu, quan to, dân thường đều muốn qua Mỹ sống. Máy người làm chức lớn như bố con đều tìm cách cho con họ qua Mỹ, để tạo điều kiện cho cả gia đình sang đó định cư khi đã về hưu.

Tôi hỏi nó: sao cháu không đi?

Nó dầm chiêu giây lát rồi nói: dạ, bố con bắt con qua Mỹ du học, nhưng con không chịu.

Dạ, sách vở dạy “yêu tổ quốc, yêu đồng bào”... cao xa, trừu tượng quá. Con không đi, đơn giản chỉ vì con mê những con đường dốc ở Đà Lạt, mê ly sữa đậu nành nóng trong đêm lạnh hè phố, mê đám bạn thuở học cấp hai...

Chị Bé Tư nói: rồi thời gian sẽ làm mình quên thôi mà. Tao mong có lão Việt kiều nào đem tao qua bên, cho đời bớt khổ.

Rồi chị hỏi tôi: bà có chịu cho con trai bà đi không?

Tôi nói: tui tôn trọng lựa chọn của nó.

Tui nói với hai đứa nó: đời tụi con, tùy tụi con quyết định; nhưng má thích hai đứa ở lại, sống với quê mình.

Con bồ nó lại nói: tui con sẽ bảo lãnh má qua ở bên đó luôn.

Tui nói: cây có cội, nước có nguồn. Má như cọng rễ của tụi con cắm lại đất mình. Má mà cũng đi nữa như cây đã đứt rễ. Má đi, còn ai đón tụi con về?

Thôi, tùy số trời bà Tư ơi. Tụi trẻ đã chọn lựa, mình không thay đổi được.

Chị Bé Tư hỏi: ờ, tui lo cho bà lúc già, ai chăm sóc, khi chết ai lo mồ mả?

Con Liên xía chuyện, nó chọc: má Tư sao lúc nào cũng nghĩ chuyện chết không ai chôn; sống còn chưa xong, lo chết.

Tôi có suy nghĩ chuyện này. Ba má tôi, tôi lo mồ mả bình thường được. Phần tôi khi chết cứ thiêu, tro tàn

cứ để tại lò, khỏi thờ, khỏi thả sông, thả biển cho phiền phức.

Mà nếu tôi sống quá lâu hoặc bị bệnh nặng dai dẳng, làm phiền người khác tôi sẽ âm thầm thực hiện quyền được rời khỏi chốn nhân gian này.

Chị Bé Tư lại nói: có nhiều chuyện tao khó biết quá, như mấy con bạn tao qua Mỹ ở, khi về quê thấy coi bộ như qua đó ăn không ngon, ngủ không đủ, không rảnh để cà phê nói dóc như ở quê mình.

Chị phán xét thêm: á đù! Tiền nhiều để mần chi khi tứ khoái không sướng.

Tôi thọc chị Tư: bà chỉ ham tứ khoái mà quên bà lo già không ai nuôi, chết không ai chôn. Qua đó khi mình già được cấp tiền đủ sống đó bà.

Con Liên tham gia câu chuyện: mấy má ơi! Mình không sống ở Mỹ sao mà biết đúng chuyện bên đó.

Mấy người Việt kiêu về rên ở bên khổ, sao họ không ở lại mà tiếp tục bỏ xứ qua đó sống.

Tui thấy nhiều nhà giàu, nhà lầu hai ba cái, xe hơi hai ba chiếc; ở Việt Nam làm chủ, ăn ba đời không hết, mà lại qua Mỹ làm mướn. Thiệt tình tui không hiểu nổi.

Tôi thấy mình cũng có tìm hiểu nhiều, nhưng vẫn hoang mang như con Liên thôi.

Mà chắc gì qua Mỹ sống rồi hiểu được mọi điều?

Tôi nhớ hồi tôi sanh thằng Cầm; nó vừa lọt lòng má tôi bỗng không xem mặt cháu trước, mà nhìn phía dưới. Bà đã mừng rỡ nói: con trai, ngon lành hén.

Lúc đó tôi còn trẻ, chỉ nghĩ là dân mình thích con trai vì tập quán, dòng họ...

Sau, tôi cảm nhận đó là tiềm thức tự nhiên của sự duy trì nòi giống loài người trong đấu tranh sinh tồn và bảo vệ lãnh địa.

Thế hệ ba tôi nhiều người ra đi cũng dễ hiểu. Vì bị kỳ thị, đói khổ. Ở lại, quả là quá khó để sống.

Nhưng bất chấp nghịch cảnh, bất chấp lời khuyên của bạn bè, ba tôi vẫn ở lại mà.

Còn thế hệ con tôi, đâu còn những nguyên nhân đó nữa, mà sao nó vẫn muốn ra đi?

Tôi là người đàn bà không chồng, trong thâm tâm thích sống gần con, gần cháu.

Nhưng cháu tôi không sinh ở nước mình, sau này mang tên Mỹ, bập bẹ tiếng Việt. Rồi đời sau nữa chắc cháu của con tôi hết biết tiếng Việt luôn.

Người xưa có nói: “Đất lành chim đậu”.

Quê hương mình hoa thơm, trái ngọt bốn mùa. Núi, rừng, biển, sông hiền hoà không hiểm trở.

Đất lành, sao chim lại ra đi?

MƯỜI LĂM

RƯỢU LẠT

Tôi biết trước, sau nhiều tin nhắn vào buổi sáng chúc tôi một ngày bình an; vào ban đêm chúc tôi ngủ ngon, anh sẽ rủ tôi đi uống cà-phê sáng.

Tại quán cà-phê anh nói nhiều về các trường phái thơ. Tôi có nghe gì đâu. Mà có nghe tôi cũng không hiểu.

Tôi muốn anh im lặng giây lát để tôi thưởng thức J. Brahms.

Nhưng mà anh nói to quá, tôi đành phải nghe. Hình như anh nói khâm phục các nhà thơ X, Y, Z nào đó. Rồi lại thêm vào “tuy vậy nhà thơ X còn yếu ở chỗ này, nhà thơ Y sai chỗ nọ, nhà thơ Z quá bạo chỗ kia.”

Tôi gật gù, nhìn qua khung cửa sổ. Một con ong bay vào kính, bay ra, rồi lại bay đụng vào khung cửa.

Buổi sáng trời dịu mát, cà-phê ngon, nhạc của J. Brahms sẽ tuyệt diệu biết dường nào nếu không có các trường phái thơ.

Tôi biết trước, sau nhiều lần uống cà-phê sáng, nghe kiến thức của anh về thơ, anh sẽ mời tôi đi ăn chiều.

Chúng tôi đến quán hủ tíu Nam Vang đường Thủ Khoa Nghĩa.

Trong khi tôi xì xụp thưởng thức hương vị nước lèo ngon bá cháy, anh nói về các trường phái hội họa cổ điển Tây Phương.

Tôi đang nhai mớ tim, gan bù bù, sực sực thì nghe anh hỏi tôi đã xem tranh Paul Cézanne chưa. Tôi lắc đầu thể hiện là chưa vì miệng và đầu óc tôi đang tận tâm tận ý cho tô hủ tíu.

Tôi hít hà khoan khoái với vị ớt cay nồng rồi chợt nhớ đến hình ảnh hai người đàn ông chơi bài trong bức The Card Players của Cézanne.

Có lẽ chúng tôi cũng giống vậy.

Tôi biết trước, sau nhiều ngày, khi tôi thường thức hết các món ăn đặc sản Châu Đốc như: lẩu mắm, xôi xiêm, lẩu cá bông lau, cá lóc nướng trui, bún cá... Và anh cũng nói hết kiến thức của anh về âm nhạc, hội họa, thơ văn... anh sẽ mời tôi đi ăn đêm.

Chúng tôi đến La Giang Restaurant.

Anh đã đặt bàn trước. Đứng giờ, chu đáo, lịch sự, trang trọng là phẩm chất tôi thấy ở anh.

Bữa tiệc đêm, chỉ hai người; có cả nến, hoa, ánh sáng huyền ảo và nhạc cổ điển thâm lắng.

Anh cầm cuốn thực đơn xem rồi lịch sự chuyển cho tôi, nói: em chọn món dùm, anh không rành lắm.

Tôi biết đó là câu nói thật lòng, qua cách xem thực đơn của anh.

Tôi chọn khai vị với Salade Nicoise. Tiếp đó là ốc sên nướng Écargot, súp hải sản Bouillabaisse, gà nấu vang Coq au vin. Và cuối cùng tráng miệng với món Crème brûlée.

Anh nhắc tôi chọn rượu. Tôi biết, đây mới là thứ anh muốn tôi dùng trong buổi tiệc này.

Tôi gọi một chai Macallan 18.

Hai người hầu bàn kính cẩn cúi đầu chào sau khi rót rượu vào ly.

Anh cụng ly và nói: chúc em một đêm đẹp.

Tôi nhấp một ngụm Macallan, nói: dạ, em cũng nghĩ vậy.

Tôi nhắm nháp thưởng thức mùi hương trái khô, mùi vani, vị mật ong, gừng, quế; cảm nhận có hương gỗ sồi trong Macallan.

Rượu, các món ăn, khung cảnh đều rất tuyệt vời.

Tôi cạn ly, và anh rót rượu. Tôi nói: mình uống trọn ly này nghen.

Tôi biết là anh đồng ý, mà tôi cũng biết là anh muốn tôi say mềm trong bữa tiệc này.

Tôi nay anh không nói gì về văn chương, nghệ thuật. Tôi biết, đầu óc anh đang tập trung cho ý định sau buổi tiệc.

Anh rót đầy rượu cho tôi. Tôi cạn ly, trong khi anh chỉ nhấp một phần.

Mắt anh biểu lộ sự thích thú khi tôi uống nhiều hơn anh.

Anh lại rót đầy ly cho tôi và châm một ít cho ly của anh.

Cứ thế, vậy mà cho đến khi tôi tận hưởng hương vị ngọt, béo, dòn của món tráng miệng Crème brûlée thì anh đã say lắm rồi.

Tôi biết, chỉ chừng một phần ba ly nữa là anh sẽ gục, nên tôi ngưng mời anh uống.

Tôi giả vờ như chệnh choáng, say hơn anh. Tôi thấy trong mắt anh có khoái cảm của người chơi xì phé đang có bộ Thùng Phá Sảnh.

Anh gọi thanh toán; lúng túng không thực hiện được giao dịch qua điện thoại.

Tôi mở ví của tôi, thanh toán bằng tiền mặt. Anh nói, giọng của người say: không được, không được, thôi để anh gọi trả em sau.

Anh dìu tôi ra xe, chạy ra khỏi sân nhà hàng.

Rồi anh nói cái câu mà tôi biết anh đã chuẩn bị cả tháng nay: mình phải ghé chỗ nào nghỉ chút, anh ngại bị phạt nồng độ cồn.

Tôi không trả lời, nhìn trời đêm qua kính xe. Đêm dịu mát, bình yên.

Có mấy con côn trùng bay va vào khung cửa kính, bay ra; rồi lại bay đập vào nhiều lần.

Hình như tôi nghe rõ tiếng vo ve của chúng.

Nhìn cái cách anh nhận phòng của nhà nghỉ, tôi biết anh đã thuận thực việc này.

Anh choàng vai, dìu tôi vào phòng. Lẽ ra, tôi phải là người dìu anh mới hợp lý, vì anh say hơn tôi. Nhưng, như vậy mới đúng với kịch bản anh đã chuẩn bị.

Sau đó, như anh đã định trước, mà tôi cũng biết trước, môi anh chạm vào mặt tôi.

Mùi thực phẩm và rượu lúc này không hấp dẫn nữa mà rất hôi tởm.

Tôi tránh né, và môi anh đi xuống thân thể tôi.

Tôi khó chịu, thấy dơ bẩn vì sự nhớp nháp của nước bọt có mỡ thức ăn.

Anh đè tôi xuống. Lưng tôi cần cái túi xách của tôi. Cổ tôi đau vì cái đồng hồ của anh.

Tôi mở mắt nhìn lên tường nhà. Chẳng chịt những vết sáng tối, loang lổ như một bức tranh lập thể.

Tôi thấy một con ong bay qua bay lại. Và có cảm giác con ong chui vào người tôi.

Anh thở dòn dập, mắt nhắm nghiền. Cơ mặt biến dạng trong mảng đen trắng của ánh đèn yếu ớt. Thân thể quằn quại như con thú bị thương.

Hơi thở, cơ mặt, đôi mắt và tư thế vật vã của con người trong hoan lạc gần giống như lúc hấp hối.

Tôi nghiệm ra điều này vì tôi đã tận mắt chứng kiến cảnh ông ngoại tôi qua đời vì ung thư phổi.

Giây lát, anh lặn ra giường, thở nhẹ, rồi ngủ say.

Tôi để anh nằm lại, xuống quày thu ngân trả tiền phòng.

Tôi nói: ảnh sẽ về sau, đi bây giờ chắc chắn bị phạt nặng.

Con nhỏ thu ngân cười bằng mắt.

Tôi cũng nheo mắt hưởng ứng.

Tôi gọi taxi. Tôi bảo người lái xe mở khung cửa kính. Gió sông thổi thật mát. Tôi hít thở mấy hơi dài. Thật sảng khoái.

Tôi lấy điện thoại, chặn Fb, Messenger và tắt cả các đường dẫn liên hệ với anh.

Lúc này tôi nhớ là mình chưa biết tên thật của anh.

Mà không biết cũng được, tôi thăm nghĩ.

Cũng trong lúc này, tôi mới chợt nhớ ra anh ta có khuôn mặt, tính cách giống ba của thằng Cầm-con tôi.

Anh ấy đã biến mất khỏi cuộc đời của tôi hơn hai mươi năm rồi.

Gió mát trên đường đêm làm tôi thấy thanh thản, an lành.

Mấy con côn trùng trong xe bay qua khoảng trống của khung cửa, thoát vào trời đen.

Rượu đời đã lạt.

MƯỜI SÁU

Lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng, Bé Trang xuất hiện trong tư cách làm gái đó là ở bài viết đầu tay của tôi, tùy bút 1.

Mới đó mà đã một năm Bé Trang từ bỏ được nghiệp chương, về quê lấy chồng. Cũng là một năm tôi tập tành lại, ráp vắn, đặt câu, sống một góc đời khác cùng chữ nghĩa.

Với tôi, chỉ là sự ngẫu nhiên. Nhưng với Bé Trang là đích sống đã định trước.

Tôi kể về Bé Trang vì nó vừa gợi cho tôi mấy tấm hình đang ẵm con, hạnh phúc bên chồng.

Lòng tôi vui mà nước mắt cứ trào ra.

Tôi phấn khích, muốn khoe hình Bé Trang trong bộ váy cưới màu trắng-như một thiên sứ, hình nó cùng chồng con, hình nó mặc áo lam đi lễ chùa, làm từ thiện... nhưng nghĩ lại làm vậy là xúc phạm đời tư của nó, nên thôi.

Ước gì biết vẽ, tôi sẽ vẽ lại những tấm hình đó, theo cách không thấy mặt thật của Bé Trang.

Bé Trang làm nghề này năm 19 tuổi, bỏ nghề lấy chồng năm 31 tuổi.

Mười hai năm bán thân kiếm sống, nhưng tâm hồn Bé Trang luôn hướng thiện.

Nó thường mặc trang phục màu trắng, kín đáo. Chị Bé Tư có câu bình phẩm: gái nhà lành thích diện đồ kiêu dĩ, gái mần dĩ ưa mặc đồ gái lành.

Tôi ghé nhà nó trọ, thấy ở bức vách phía chân giường ngủ của nó có dán một bức tranh lớn vẽ hoa sen trắng. Tôi góp ý: hoa sen tượng trưng cho sự thuần khiết, em không nên treo chỗ giường ngủ. Bé Trang nói: dạ, em treo ở đây để nhắc nhở em ở dưới bần nhưng không cho dơ bản tâm hồn.

Bé Trang đâu có được học nhiều, chỉ đến nửa năm lớp Chín rồi nghỉ. Vậy mà nó đã ngoi lên khỏi cuộc sống dưới đáy nhân gian đầy cám dỗ, bằng thiên tánh thiện lương của một người phụ nữ chơn chất.

Nửa đời hoen ố của Bé Trang là một ý thơ kỳ diệu mà tôi không đủ khả năng diễn đạt.

Bé Trang đi được cỡ chừng 5 tháng, con Ngọc mới đến cái quán cà-phê này, tôi có kể ở tũy bút 9.

Ở nơi đây, làm gái mà có 3 năm đại học như Ngọc thiệt là hiếm thấy.

Tất cả làm gái đều vì kiếm tiền. Chỉ riêng Ngọc, đó là sự trốn chạy khỏi cái căn nhà trắng lệt nhưng không là mái ấm.

Cái biệt thự của ba Ngọc đương nhiên che được mưa, nắng; nhưng không phải là nơi tránh được giông bão của phù hoa hư ảo phủ lên tham dục của ba má nó.

Cũng hơn 5 tháng rồi, Ngọc được sự đùm bọc của bầy con gái sống dưới đáy nhân phẩm.

Tôi thấy đám trẻ có học theo con Ngọc nhiều điều tốt; như cách ăn mặc, trang điểm lịch lẫm không thô kệch, cách nói năng điềm đạm giảm bớt dung tục.

Ngọc lại được học ở đám gái bài học lớn hơn; bài học thực tế của cuộc đời, bài học nhân quần.

Nghe kể về Bé Trang, Ngọc khen: chị ấy giỏi hơn em. Từ con số âm chị đã tìm được hạnh phúc, an lành như mơ ước.

Tôi nói: đường về của em dễ hơn Bé Trang mà, dù gì thì tiền, vật chất vẫn rất cần thiết trong cuộc sống. Chị Bé Tư bày cách cho nó: ba em đi tù rồi nhưng nhà em không bị lấy. Má đã đi theo người khác, em được quyền ở cái biệt thự đó. Em nên cho mướn, hàng tháng có số tiền lớn, em dùng tiền này mướn chung cư ở và sinh sống cũng dư.

Chị Bé Tư nói thêm: mấy đứa ở đây còn bám cái nghề này vì cần tiền, muốn thoát ra mà đâu có được; trừ con Bé Trang, mà cũng mất đến mười hai năm.

Tôi suy nghĩ băng quơ: mấy quan chức tham lợi danh như ba con Ngọc bị tù là đúng rồi. Nhưng cha, mẹ đi tù, gia đình ly tán; con bị cú sốc quá đột ngột rất dễ đi vào tuyệt lộ của đường đời.

Báo chí vừa có tin đứa con gái chết khô -trên ghế sofa-ở căn hộ chung cư, trong hai năm trời mà không ai biết.

Cảm giác lạc lõng, lẻ loi còn đáng sợ hơn bị tù đày. Trong cô đơn, tuyệt vọng, bế tắc kéo dài nhiều em đã tìm đến cái chết hay ma túy.

Tôi đoán con Ngọc cũng sắp từ biệt chúng tôi để trở về nhà. Nó đã thoát ra được cảm giác đơn độc giữa loài người.

Sự trở về thường khó hơn sự ra đi. Tôi mong Ngọc sẽ trở về mà không quay lại kiếm sống ở nơi này.

Có bạn đọc nhắc tôi sao lâu rồi không viết chuyện của mấy đứa con gái hành nghề ca-ve trong quán cà-phê của tôi.

Viết như bài này thật không lồi cuồn, không có tình tiết gây cán hấp dẫn người đọc.

Tôi mong sao cho ngày tháng trôi qua với nhiều nghiệt ngã thường xuyên, đã trở thành quen thuộc, mà lũ nhỏ chịu đựng được.

Thật là nhẫn tâm khi tôi muốn có những bất hạnh phũ phàng đến với chúng nó để tôi thu dệt nên những câu chuyện hấp dẫn.

Ước gì đời này êm đềm, bình lặng để tôi ngưng viết.



(Rao bán một bài thơ buồn - tranh của Lê Minh Phong)

MƯỜI BẢY

Chị Bé Tư đến quán lúc xẩm tối. Chị ôm một vật gì lớn, vội vã, bí ẩn vào phòng trong. Mấy đứa làm gái tò mò chạy theo.

Chị Bé Tư ra dấu giữ yên lặng, cẩn thận mở lớp mền phủ. Trong đó là một đứa bé chừng ba tháng tuổi.

Lúc này chị mới lộ vẻ mừng, hớn hở nói: tao có con rồi.

Đám gái gọi không quá ngạc nhiên. Chúng biết là chị kiếm được con nuôi. Chúng đã biết chị ao ước có một đứa con.

Con Linh hỏi: ở đâu ra vậy má?

Chị Bé Tư nhỏ giọng, kể: Số là lúc xế, tao vừa xong mồi ở Kim Ngân ra thì thấy có đông người nhón nháo ở bên hông nhà nghỉ.

Họ vây kín một đứa con gái nói nó bắt cóc con nít.

Con nhỏ co rúm người che đứa bé, phân bua: tui không bắt cóc, nó là con của tui.

Rồi nó vạch đùi bé cho mọi người xem. Trên đó có xăm dòng chữ lớn “Má Là Ng Thị Lãng”. Nó đưa căn cước ra giải thích: tui là Nguyễn thị Lãng, má của nó, tui không phải là mẹ mìn.

Một người, có lẽ thích người khác có tội, ác ý nói: má con gì thứ như mày, đem con đi bán để ăn chơi chớ gì.

Con nhỏ Lãng cãi: tui không bán con, tui chỉ cho.

Đám đông có vẻ bốt hung hăng, yên lặng nghe nó nói tiếp:

Tui xăm tên tui lên đùi đũa con để lớn lên, còn sống, nó biết má nó là ai. Nếu trời thương, tui còn gặp lại nó.

Tui tui ở miệt quê, lên đây mần mướn, tạm kiếm ăn qua ngày. Để nó được hơn tháng thì ba nó phải chạy thận. Nuôi nó, tiền đâu mà chữa bệnh cho chồng. Cho nó, tui còn có thời gian kiếm tiền lo cho ba nó.

Chị Bé Tư kể tiếp: nghe đến đây, tao liền ôm đũa nhỏ, móc hết số tiền tao hốt quê hôm qua và tiền vừa đi khách đũa cho nó.

Con nhỏ Lăng quẹt nước mắt nhận tiền của tao. Nhiều người nãy giờ hung hăng cũng cho nó tiền.

Nó ôm đũa bé hun thật lâu, nói: con cho nó là đứt ruột, cháy gan, mà giữ nó thì chồng con chết, cả nhà cũng chết mòn. Xong, nó dứt khoát đũa bé cho tao rồi lão đảo đi.

Tao cũng quên cho nó số điện thoại để nó gặp tao, lấy thêm tiền. Nghĩ lại, tao đũa nó ít quá.

Con Sáu Lam xin xỏ: má Tư cho đũa nhỏ làm con chung của cả đám nghen.

Sáu Lam ôm đũa nhỏ mà nhớ con nó ở quê. Đã gần hai năm rồi nó chưa gặp con của nó. Lúc Sáu Lam đi làm gái con nó cũng cỡ bằng đũa nhỏ này.

Con Liên nói: mần nghề này không được quyền có con do mình đẻ ra. Trừ khi có con từ trước. Thằng khùng nào mà chịu cho vợ làm đi.

Con Diệu lý sự: ờ hén, con heo, con chó đều được có bầu, có con. Mà con người như tui mình thì không được. Giả dụ như không cần thằng chồng, chỉ

muốn có con mang giọt máu của mình cũng đâu có được. Mang bầu, có chữa, nuôi con thì làm sao đi khách kiếm tiền?

Chị Bé Tư nói: tụi mình không có con được đâu mà hòng. Bị ông Trời phạt. Con Sáu Lam vậy mà có phước, có đứa con trước rồi mới vào nghề.

Lúc tao ba mươi tuổi, làm đĩ hơn mười năm mà vẫn còn mướt rướt. Có thằng kia thiệt lòng thương tao, cưới làm vợ, đám cưới đầy đủ. Tao thoát cái nghề này.

Ở với nhau hai năm mà vẫn không đẻ đái gì. Đi Từ Dũ khám, bác sĩ chột hạ là tao không thể có bầu được. Họ nói tao rối loạn gì đó, đường sinh dục biến dạng gì gì đó.

Không hiểu chữ nghĩa bác sĩ nói, nhưng tao tự biết.

Mấy đứa mày ngẫm nghĩ coi: đàn bà người ta một hay nhiều ngày mới quất một cái; còn tụi mình thì như tao nè, lúc trẻ ngày đăt khách bảy, tám phát, ngày ế cũng hai ba phát. Chủ Nhật, ngày lễ mần gấp hai gấp ba ngày thường. Bệnh, có khách gọi cũng góc đầu lên ứng chiến. Tiền mà, ai không ham.

Năm, mười năm như vậy thử hỏi cái chỗ sinh con của tụi mình nó còn thể thống gì nữa mà có bầu hờ trời!

Cả bọn đồng thanh cười ha ha vì chị Bé Tư nói thật mà quá tục tũ.

Chị Bé Tư kể tiếp: không có con được nên thằng chồng nó bỏ tao, đi tìm vợ khác để kiếm con. Tao cũng không trách nó, do mình làm đĩ lâu năm, trời

phạt không cho có con. Không phải thằng chồng đó ở ác.

Có chồng không xong, tao quay lại đành chịu nghiệp chương kiếm sống đên nay.

Con Linh Trề thổ lộ: tui mần nghề tám năm, mà mắt kính hai năm rồi. Tui cũng có đi khám bác sĩ, uống thuốc mấy tháng trời, éo xi nhê. Tui bỏ luôn, không chữa trị nữa.

Mà nè, cái dụ này có cái lợi là hàng tháng mình khỏi nghỉ mấy ngày vì chuyện đó.

Ừ má! Có nhiều thằng khách xài thứ bao cao su quái gỡ, đau bở bú luôn đó. Bộ đồ lòng của tui mình sẹo sần sùi, như xác chết khô, như đá, như gỗ. Sao mà mang bầu được.

Con Linh nói cũng thô tục mà cả bọn không cười được . Chúng yên lặng nhìn nhau. Nghẹn ngào. Có đứa rung rung nước mắt.

Chị Bé Tư đưa đưa nhỏ cho con Linh nói: lo làm gì tui mà. Chỉ cần còn sống, không bệnh, mướt mát để kiếm tiền. Không đẻ được thì khỏi lấy chồng luôn, xin con nuôi như tao nè.

Con Linh vạch tã ra nhìn kỹ, trề môi nhận định: á đù! Sao bà xin con gái. Để nó tiếp tục hành nghề đi gia truyền sao?

Cả bọn lại rộ lên cười.

Chị Bé Tư giảng bài học của đời: con gái, nó còn nấu được miếng cháo cho tao ăn lúc già yếu. Đ. m con trai mười thằng, tao thấy hết chín ăn chơi sa đọa, gụ chề, cá độ, đua xe, hút sách, gái gú.

Nói bậy chớ nuôi con gái, nó không thành hoa khôi, người mẫu được thì làm gái bao, gái gọi cũng kiếm được tiền lo cho tao lúc hết xí quách, không mần ăn được nữa.

Con Yến xía vào, lập lại ý con Linh Trê: vậy là chị Linh đoán y chang, má Tư muốn có đệ tử chân truyền nghề làm đĩ.

Cả bọn cười rân như đám gái nhà lành đang nói chuyện tục.

Nhìn bầy con gái vui đùa với đứa nhỏ con nuôi, tôi muốn khóc. Mà nước mắt không trào ra được. Quá lâu rồi tôi không khóc được ra tiếng.

Ước chi tôi khóc được, khóc thật lâu, thật to, chảy thật nhiều nước mắt, có thể sẽ nhẹ lòng hơn.

Đám gái gọi, ngay cả quyền sinh con như những sinh vật khác còn không có, nói chi cao xa đến quyền làm người.

Vậy đó, đời gái gọi với nhiều điều bất trắc luôn xảy ra hàng ngày.

Những ngihệt ngã lâu dài quen dần, trở thành bình thường.

Đám con gái như thảo nhiên sống, không tuyệt vọng, vẫn có niềm vui, vẫn có mơ ước.

Có lẽ, đời nhiều người cũng như vậy thôi mà.

LỮ KHÁCH

*“Còn duyên đóng cửa kén chồng
hết duyên bán quán ngôi trông bộ hành”*

(Ca Dao)

Quán trọ ở gần biên giới. Từ đây, chỉ cần một ngày ngựa phi nước kiệu và chừng hai canh giờ qua những dốc nhỏ của đường mòn là ra khỏi lãnh thổ, đến nước lân bang.

Đến trọ có khi là những nhóm bảo tiêu ở lại vài ngày rồi áp tải hàng qua biên giới. Có khi là khách giang hồ, một mình, một ngựa, uống vài chén rượu, xong vội vã đi như đang bị truy nã.

Dân bản địa hiếm khi đến quán, trừ đám sai nha thỉnh thoảng ghé lại kiếm ít chén rượu sau khi cọt nhả vài câu với nữ chủ nhân.

Nữ chủ quán có phong thái của người thị thành. Không hiểu vì căn cứ gì lại mưu sinh ở chốn biên thùy nhiều bất trắc này. Không rõ tên, tuổi, khách trọ gọi nàng là Nữ Chủ.

Nữ chủ quán nhớ lại, cũng lâu lắm rồi, vào tiết Thanh Minh cuối thời binh đao loạn lạc lúc trời sụp tối có một khách đường xa vào quán.

Khách lạ vóc người cao to, râu hùm, hàm én. Ông gọi một đĩa cá lóc nướng trui, một bầu rượu, hai thố cơm.

Khách lạ xong bữa rất nhanh rồi lại gọi thêm rượu, uống liền mấy chén.

Ngà say, ông hỏi nữ chủ: gần đây có am tu, chùa chiền nào không? Ta đang tìm một người.

Nữ chủ quán đáp: chôn biên thủy này không có am, chùa. Mà ông tìm người ra sao để em hỏi khách qua đường dùm ông.

Khách lạ như nói với chính mình: ta tìm người mà vì nàng ta chết. Cũng vì nàng ta ráng sống.

Nữ chủ quán nói: em đã cảm giác biết ông và người ấy là ai. Danh tiếng ông vang vọng nửa cõi sơn hà mà. Dạ sao nghe nói ông đã...

Khách lạ đấng lời: ... đã chết. Đúng, ta đã chết.

Một tuý tướng quý mạng ta hơn chính mình, giả dạng thế ta chết đứng giữa trận tiền. Nhận hàng chục vết đao, hàng trăm mũi tên để cứu ta thoát hiểm. Người vô danh đó chết cho ta sống. Còn ta, ta sống mà đã chết.

Nữ chủ quán buộc miệng: dạ, nói thật lòng, ông chết còn danh dự cho ông hơn là ông sống mà làm kẻ bất trí quy hàng trước cường quyền để hưởng vinh hoa, phú quý.

Người khách ngựa đầu, uống một hơi cạn chén rượu, nghẹn lời: thôi, ta đi. Ta thật sự đã chết, rồi sống lại trong một kiếp khác. Ta đi tìm người là ta đi tìm lại ta.

Lập Đông năm ấy trời lạnh hơn mọi năm, có một lữ khách dáng người nhỏ nhẽ, vai mang nguyệt cầm vào quán. Ông gọi hai bầu rượu, chậm rãi uống một bầu rồi mang một bầu qua biên giới.

Vài ngày sau ông lại về, ghé quán. Lại gọi rượu, lại uống, lại rít thuốc không ngừng.

Ông dạo vài khúc nguyệt cầm rồi ngửa mặt lên trời ca.

Lời ca là tâm tình của một kẻ sĩ đi loanh quanh không định hướng, tiến thoái lưỡng nan.

Chủ quán đuổi hồn trong sóng nhạc nguyệt cầm bi ai cùng lời ca huyền hoặc.

Nàng nhớ lại một thời tuổi trẻ đã đam mê những giai điệu của tình yêu và thân phận con người, phản kháng chiến tranh, mơ ước thanh bình của nghệ sĩ thiên tài này.

Đó là những giọt lệ cho đời của người từ tầng cao xa lạ nhỏ xuống. Không phải là tiếng vọng ai oán của những phận người bình dị, lắm than.

Ngày nọ, trong nắng trưa mùa hè, một người cưỡi bò, tay phe phẩy quạt mo, vào sân quán trọ. Trên lưng bò linh kính cây, cuốc, thúng, bao...

Ông ta nói rộn rã: đem nhiều cỏ, nước sông cho bò, trà lá xanh và kẹo dứa cho ta.

Ông sáng khoái uống ba tô nước trà, ăn ngon lành hết đĩa kẹo. Lấy tay áo chùi miệng rồi nhìn cây nguyệt cầm và thanh chuỷ thủ treo trên vách.

Ông khách nâng thanh chuỷ thủ lên xem, kính cẩn nói: thấy vật này như gặp chủ tướng.

Ông cảm hoài tự kể: ta là thư sinh mà gốc nông dân. Bỏ sách vở, ruộng vườn đi theo tướng quân chống lại triều đình tàn khốc.

Chủ tướng xứng danh hào kiệt. Phóng khoáng, nhân bản là điều muôn dân yêu mến, nhưng cũng là yếu điểm làm ông bại trận.

Cuộc binh đao kéo dài quá lâu khiến lòng người khao khát thanh bình.

Chủ tướng tôn trọng tự do, không ngăn cấm tiếng ca, lời thơ thể hiện ước mơ đó.

Chủ tướng không ngờ những ngôn từ, những giai điệu chán nản, uỷ mị đã làm cho lòng quân mất sức đấu tranh. Muốn cuộc chiến ngừng lại, không cần biết hậu quả ra sao.

Bên cạnh chủ tướng lại có nàng kỹ nữ mà ông mê muội, dỗ dụ ông quy hàng.

Ngày đó, chính giai nhân được ông vớt lên từ đáy bùn đã đẩy ông vào chỗ chết.

Ngày đó, chính người nghệ sĩ thiên tài ông mến mộ cất cao tiếng hát, dang tay đón quân triều đình. Để rồi cơn bão cát cuồng điên vùi dập biết bao dân lành. Nghe đến đây, nữ chủ quán nói: dạ, em vốn quê mùa, ít học không nghĩ chuyện cao xa. Chỉ muốn sống thái bình, an lạc. Nấu nồi canh chua cho ngon, pha ấm trà cho khéo để khách ấm lòng, no bụng là em mãn nguyện.

Còn chuyện riêng từng người, em nghĩ cũng đã qua lâu rồi. Lòng người ai cũng mơ ước hết chiến tranh.

Mỹ nhân và nghệ sĩ thường khi ngây thơ, khờ khạo đó ông.

Người khách ngoài ngoai tâm sự, cười nói: cô em hiểu vậy là đạt lý đó. Nhưng người nông dân sản xuất ra thực phẩm để dưỡng nuôi phần xác, thì tác phẩm của người nghệ sĩ nuôi dưỡng phần hồn của bá tánh.

Nghệ thuật mà làm tinh thần bạc nhược, yếu hèn, xa rời cuộc sống hiện thực, thì có khác gì thực phẩm giả, thức ăn nhiễm độc tố.

Kẻ sĩ thờ cùng bầu không khí của xã hội đương thời. Người nghệ sĩ trong thời loạn không nói lên nỗi đau, nỗi sợ hãi của lương dân, không cảnh báo những mối nguy hại đe dọa đạo đức và lương tri thì tác phẩm tạo ra chẳng phải là phù phiếm sao?

Nữ chủ quán, muốn ngưng câu chuyện không vui, hỏi: quý khách định đi đâu?

Ông khách nói: Thời của tro tàn quá lâu, ruộng vườn hoang vu, núi rừng xơ xác, làng mạc vắng người, thị thành đắm chìm trong phù hoa giả trá.

Ta đi tìm tiếng gà rộ rành mỗi sớm mai, tìm khói bếp dịu lòng buổi trưa, tìm mùi mồ hôi muối huyền nhiệm trong bóng đêm nồng ấm.

Ta đi phục sinh cho đất đã chết vì người mù quáng. Đất sống lại sẽ có người trú ngụ. Đất hiền từ sinh ra người nhân hậu.

Nữ chủ quán mời mọc: cũng không còn sớm, ông cứ nghỉ lại quán một đêm.

Miền đất an lành tìm thấy ở lương tâm của mỗi người. Tâm lạc đời loạn. Tâm định đời lành.

Trời và đất còn đó, lá vẫn mãi xanh, hoa vẫn thắm màu, cứ chậm rãi mà đi, mà tìm, ương mầm thiện lương mà sống thôi.

Thời gian qua nhanh. Mấy năm sau khách ghé quán trọ thường thấy nữ chủ quán chơi đùa với một đứa trẻ lên ba.

Có người hỏi: ba con đâu?

Nó trả lời: ba con đi rồi.

Khách tò mò hỏi nữ chủ quán: ba đứa bé là ai?

Nàng trả lời nửa đùa, nửa thật: dạ, ba nó là lữ khách.

NƠI ĐẤT LÀNH CHIM ĐẬU

“Tất cả chúng ta thật lòng nói dối. Tất cả chúng ta đều không vô tội”.

(Hoàng Nhuận Cầm)

1.

Thường lệ, từ ngày về hưu, cứ đúng năm giờ ba mươi phút sáng ông Du đạp xe đến quán cà phê con Ba Bốc.

Ly cà phê đen mười hai ngàn. Rẻ, đương nhiên là không ngon. Nhưng ông Du tìm thấy cảm giác của thời trai trẻ. Một mình giữa nhiều người, độc lập nhưng không lẻ loi. Kiểu lãng tử ông thích mà không được sống.

Thỉnh thoảng ông có nhìn trộm khe ngực của con Ba Bốc, khi nó vô tình để hở lúc cúi xuống. Chỉ vậy thôi, ông không có cử chỉ hay lời lẽ nào thiếu đứng đắn.

Vậy mà hôm đó, khi ở quán con Ba Bốc về, ông Du thấy vợ ông nhìn ông khác lạ. Bà lại có nói: người ta bán cà phê giả, toàn chất độc, uống ở nhà cho an toàn.

Đến bữa ăn trưa, có vợ chồng đưa con trai và hai cháu nội, vợ ông nói với con dâu: ba tụi mày thích ăn rau sống, mà rau non.

Đứa con trai tiếp lời: ăn rau tốt, nhưng họ xị thuốc. Độc hại lắm, chuyên qua các loại củ nấu chín cho an toàn.

Vợ ông triển khai thêm: thời này nhiều thứ bề ngoài đơn giản mà hư thúi bên trong.

Ông Dur có cảm giác họ đang nói bóng gió hành động ông nhìn vù trộm.

Từ đó, để an tâm, ông uống cà phê tại nhà. Không ra quán con Ba Bốc nữa.

Bữa ăn khác, đứa con dâu lại nói: ba đừng chờ mấy cháu đi chơi nữa, xe cộ đông đúc, ba lái yếu.

Bà vợ ông chêm thêm: già rồi ham hố gì nữa, hạn chế đi lông bông để khỏi tai nạn. Xảy ra chuyện khổ lắm.

Ông bị ám ảnh vợ ông nghi ngờ ông lén đi ăn chơi, sa đoạ hoặc gặp một người phụ nữ nào đó. Ở nơi này, thời chưa vợ cũng nhiều thiếu nữ thích ông. Vợ ông có biết vậy.

Ông bỏ luôn thói quen mỗi chiều chạy chiếc xe Cub 81 cà tàng quanh phố xá, hoà mình vào nhịp sống.

2.

Cứ như vậy, ám ảnh bị nghi ngờ, tâm trạng lo sợ tăng dần, bủa vây ông Dur. Dần dần, chính ông cũng hoài nghi mọi thứ.

Đi khám bệnh ông sợ gặp bác sĩ tại chức. Uống thuốc ông sợ thuốc giả. Ra đường lo bị xe của đứa bằng lái giả đụng. Đi chùa, ông ngại gặp sư hồ mang.

Thời đại gì mà đụng đâu gặp đồ giả đó. Ngay cả người khùng cũng có khùng giả. Không khùng mà có giấy chứng nhận là khùng.

Hoài nghi làm ông Dur sợ hãi vu vợ. Có lúc ông tự hỏi chính mình: ông đã trải qua chiến tranh cận kề cái chết, thương tật. Ông cũng qua thời kỳ gian khổ. Những lúc đó ông lại không ngờ vực, khiếp nhược như bây giờ.

Giả trá, gian xảo từ mồm mống thì kết quả làm sao trung thực được.

Vậy mà có một thời gian dài tâm trạng ông bình yên với niềm tin ngây thơ vào xã hội tốt đẹp sẽ có trong tương lai. Bây giờ, ông hết tin được.

Nghèo khổ mà tin tưởng dễ sống hơn khá giả mà hoài nghi, sợ hãi.

Ông rùng mình khi nhận ra chính ông cũng nói dối và có tội.

Suy tư một thời gian rồi ông tự giải thoát: già rồi, cũng hết đời người rồi, có gì đâu mà lo sợ, mặc kệ mọi thứ, sống như mình muốn cái đã.

3.

Nghĩ vậy, nên chiều nọ, sau nhiều ngày dài không ra khỏi nhà, ông Dur lại lấy chiếc xe cà tàng đi bát phố.

Ông chạy xe chậm rãi qua những ngõ vắng. Ông quên hết cái nhìn, câu nói ám chỉ của vợ con. Trong đơn độc, ông thấy bình yên, tự do, sáng khoái.

Ông lạc hướng, đến một ngõ vắng. Đã chạng vạng chiều.

Một người phụ nữ đứng tựa gốc cây, trong bóng khuất nhá nhem ánh đèn đường, gọi: anh gì ơi, cho em hỏi chuyện này.

Ông Dur ghé xe sát vào người ấy, dừng lại.

Ông nghe thoang thoảng mùi nước hoa và mùi đàn bà. Ông nhìn vào khe ngực của nàng.

Nguồn sinh khí lâu nay lắng đọng bây giờ lại dâng lên.

Nàng nhỏ nhẹ nói điều ma mị gì đó.

Không hoài nghi, không sợ hãi, ông đi theo nàng xuyên ngõ hẹp, vào một căn nhà.

4.

Bóng tối của căn phòng vừa đủ để ông Dur thấy bộ ngực trần hư ảo, hấp dẫn của nàng.

Ông úp mặt vào. Tựa hai nhĩ tìm hơi sự sống. Ông hít lầy hít để như từ lâu không có dưỡng khí.

Ông bầu vú vào nơi đó. Nơi khởi nguồn của đời người. Dung tục nhất mà huyền diệu nhất.

Ông vồ vập như con vật đói mồi.

5.

Một tiếng nổ vang sát thái dương. Ông Dur thất kinh, choáng váng.

Đèn bật sáng. Người phụ nữ đẩy ông ra, ôm lấy ngực la lớn: bẻ vú tui rồi. Ông già làm nổ vú tui rồi.

Ông Dur vuốt mặt mình. Có ít nước nhầy trên mặt của ông.

Ông chưa kịp định thần thì một gã bặm trợn đẩy cửa vào phòng nói: ông già làm bẻ vú già rồi. Giờ tính

sao đây? Dem ông này về phường cho chính quyền xử. Già rồi mà chơi bạo lực quá đáng.

Ông Dư mất hết hồn vía. Ông nghĩ đến sự đay nghiến, dẫn vật của vợ con ông.

Ông lắp bắp nói: đừng, đừng đi đâu hết. Có gì cứ tính. Tui đền cho.

Gã nọ nói: đền tiền làm lại cái vú giả một trăm triệu.

Ông không có tiền đưa ngay thì ký giấy coi như mượn nợ. Cứ mỗi tháng trả chậm phải trả mười triệu tiền lãi.

Gã nhanh gọn lấy căn cước của ông, điền chi tiết vào tờ giấy nợ đã chuẩn bị sẵn.

Ông Dư ký giấy, không đọc lại.

Việc cần thiết nhất là phải giấu vợ con ông. Thà chết còn hơn để họ biết.

6.

Vợ con ông Dư chưa biết chuyện tà trời đã xảy ra.

Tạm thời ông được yên ổn để tìm cách gỡ rối.

Số tiền một trăm triệu ông không thể nào có để trả, nên tạm thời chỉ có thể trả lãi mười triệu mỗi tháng.

Cả đời, ông chưa bao giờ khốn đốn, bí bách như lúc này.

Ông cũng biết mình bị dàn cảnh lừa đảo. Mà báo chính quyền tức là tự lộ chuyện ăn chơi của mình.

Vợ ông có thể trả số tiền đó, nhưng ông sẽ tiếp tục sống ra sao khi thanh danh đã ô uế.

Vừa tìm cách kiếm tiền trả cho đám lừa đảo, vừa giấu vợ con. Trả lãi được hai tháng, ông Dư hết khả năng xoay sở.

Ông giựt mình khi có điện thoại gọi đến. Ông hoảng hốt khi vợ ông nhìn ông.

Ông như một con thú hiền lành đang bị đám thợ săn vây khốn.

Trong rối ren, bé tắc ông Dư loé lên ý nghĩ kỳ quặc: chỉ có sự dối trá mới thắng được dối trá. Và khi không còn nghĩ đến tự do con người sẽ thấy bình an.

7.

Ông Dư châm lửa, ném cái lon nhét giẻ tẩm dấm xăng vào góc phòng.

Lửa cháy rực rỡ, mãnh liệt, huy hoàng.

Hào khí bùng dậy. Ông rút súng, lựu đạn ra uy hiếp người đang phát tiền của ngân hàng.

Ông oai vệ ra lệnh: bỏ tiền vào cái túi này. Ai manh động ta bắn, ném lựu đạn.

8.

Ông Dư xách túi tiền ra ngồi ở chiếc bàn dưới gốc cây trong sân ngân hàng.

Ông đặt súng, lựu đạn, túi tiền lên bàn. Chính những thứ đồ giả này đã giúp ông đạt được mục đích.

Ông khoan khoái rút thuốc ra, châm lửa hút.

Từ nay, ông không còn sợ những cú điện thoại đòi nợ. Không còn né tránh những cái nhìn soi mói của vợ con.

Không còn lo âu những điều gian trá trên đời này nữa.

Thế giới mà ông đã sống có thể giả mạo mọi thứ. Nhưng nơi giam cầm chắc chắn là có thật.

Ông hân hoan khi tìm ra lối thoát cho mình. Tìm thấy đất lành của ông.

Tiếng còi hụ vang rền như tiếng kèn mừng lễ hội. Nhiều người mặc cảnh phục tiến đến phía ông Dư.

Trong khoái cảm tốt độ, ông Dư thấy mình là chim. Sắp bay vào bầu trời vô ưu, tự do.

Ông nhảy chân sáo quanh gốc cây. Hai tay dang rộng vỗ cánh. Ông sáng khoái hót vang chiu chiu... chít chiu... chít chiu...

VIỄN TƯỞNG

Năm 22xx.

Ngài 01 ngồi cô độc trong gian phòng rộng như một khu vườn. Mái và tường làm bằng thứ pha lê trong suốt, tưởng chừng như không có.

Ngài da diết nhớ cơn mưa mùa hè, nhớ mùi nồng nàn của rơm khô hoà quyện với mùi phân bò hoai mục và mùi mồ hôi muối của mỗi tình đầu.

Hơn trăm năm rồi mà như mới hôm qua.

Căn phòng đột nhiên bớt ánh sáng. Mưa. Ngài 01 cảm nhận có những hạt mưa rơi trên tóc mình. Ngài bực bội khi nghĩ thấy mùi gỗ đàn hương và mùi hoàng lan.

Có tiếng nói: vô cùng xin lỗi, trí tuệ nhân tạo không lưu trữ mùi phân bò, mùi rơm và mùi mồ hôi muối của phụ nữ. Xin quý khách vui lòng thay bằng hương nước hoa Shumukh.

Thứ mùi thơm mắc tiền quái quỷ này làm ngài 01 ách xì liên tục.

Căn phòng của ngài 01 được trang bị không gian thông minh. Thời tiết, cảnh vật thay đổi theo ý nghĩ của chủ nhân, không cần phải có lệnh.

Ngài 01 nhìn ra ngoài. Những toà nhà cao, liền sát nhau che kín bầu trời.

Đọc được ý nghĩ của ngài, trí tuệ nhân tạo phóng lớn hình ảnh.

Ngài 01 thấy rõ những con người trong các toà nhà đang làm việc. Đông đảo, lúc nhúc như những tổ ong, hang kiến.

Ngài nhìn xuống đường. Một đoàn binh lính đang tập diễn hành. Những bước đi hùng tráng, đồng đều, chính xác. Họ đồng thanh hô lớn:

Đại Quốc Vô Địch!

Nhiệt liệt Chúc Mừng Sinh Nhật thứ 200 Đại Hoàng Đế 01!

Nhiệt liệt! Nhiệt liệt! Nhiệt liệt!

Đại Hoàng Đế 01 nghìn năm bất tử!

Bất tử! Bất tử! Bất tử!

Là ngọn đèn vĩnh cửu soi đường chúng ta đi!

Soi đường! Soi đường! Soi đường!

Những tiếng vang suy tôn nhằm chán, lải nhải làm chính ngài cũng khó chịu.

Từ lâu rồi, tất cả sinh vật- trong đó có loài người- của Đại Quốc đều là sản phẩm tổng hợp của siêu trí tuệ nhân tạo đa phương diện.

Họ vẫn là con người của thiên nhiên như hai trăm ngàn năm trước. Có điều họ không có khái niệm về cha mẹ, về gia đình, về xóm làng...như thời xưa.

Họ không phải là người máy. Căn bản vẫn là con người thiên nhiên; tồn tại để làm nhiệm vụ bằng những kỹ thuật đặc biệt được áp dụng từ lúc phôi thai đến suốt đời.

Chẳng hạn như để tạo ra một nhà thơ tương lai, các chuyên viên dùng tinh trùng của các thiên tài thơ như ngài Chủ Soái Hội Thơ, ngài Tổng Tài Tập Chí Thơ... cho giao phối trong phòng thí nghiệm với trứng của các nữ sĩ đoạt giải trong các kỳ thi thơ.

Đứa trẻ ra đời không biết cha mẹ, có năng khiếu thơ văn bẩm sinh, được nuôi dạy trong môi trường phát triển tố chất làm thơ. Từ trong ống nghiệm đứa bé đã được chuẩn bị để trở thành nhà thơ lớn.

Số lượng nhà thơ được quy hoạch, hạn định từ trước. Và chỉ có nhóm những người này mới được sản xuất ra thơ. Người ngành khác không được cấp thẻ làm thơ. Sẽ bị pháp luật truy tố tội Làm Thơ Lậu nếu tự ý làm thơ mà không xin phép.

Tất cả nhân dân của Đại Quốc: những chiến binh, những nhà khoa học, những nghệ sĩ, những chính trị gia, những thương gia, những tu sĩ, những nông dân... đều được sinh ra, trưởng thành và xử dụng theo phương pháp này.

Hơn một trăm năm, khi những người kiêu tự nhiên, truyền thống chết già hết; từ một nước lạc hậu, nghèo nàn Đại Quốc đã vươn cánh bay cao trở thành một siêu đất nước, bá chủ thế giới nhờ có lực lượng thần dân chuyên ngành ưu việt, vượt xa các nước khác.

“Đại Quốc Vô Địch!”, “Ngọn Đuốc Soi Đường”... là những lời ngợi ca xứng đáng.

Nhiều ước mơ của loài người, bị cho là ảo tưởng đã trở thành sự thật.

Con người đã được triệt tiêu ham muốn, tức giận, mê muội nên đã không còn tham nhũng, hối lộ, lộng quyền, tệ nạn xã hội...

“Bất tử! Bất tử! Bất tử!” câu tán tụng này không còn là hoang tưởng.

Loài người đã điều khiển được quá trình sinh ra, trưởng thành, suy yếu và chết đi.

Dân Đại Quốc sinh ra trong phòng thí nghiệm, có niên hạn sử dụng theo quy chuẩn. Hết hạn dùng đồng nghĩa với tự huỷ.

Những bết tắc của tôn giáo, triết học đã được khoa học, được trí tuệ nhân tạo khai thông.

Những ước vọng tưởng chừng như viễn vông, của nhân loại đã có thật.

Ngài 01 đã sống 200 năm. Nói ngài bất tử cũng không là quá đáng.

Cứ theo định kỳ, máu các thanh niên được lấy, truyền vào cơ thể ngài 01. Lục phủ, ngũ tạng của ngài cũng được thay theo định kỳ hoặc có dấu hiệu suy yếu.

Máu và thân xác sống của người dân là nguồn vật phẩm vô tận để duy trì sự bất tử cho ngài 01.

Ngài là báu vật của Đại Quốc nên không có hạn sử dụng.

Ngài 01 nhìn xuống đám người đang diễn hành, muốn tìm một người.

Trí tuệ nhân tạo đoán ý nghĩ của ngài, phóng lớn ảnh một người trong đám đông.

Đó là 011, con của ngài. Hai mươi năm trước, ngài 01 đã cho lấy tế bào sinh sản của ông phối với tro cốt của người phụ nữ duy nhất mà ông yêu thương, tạo ra 011.

Chiều nay, ông lại nhớ đến người phụ nữ đó. Nhớ quay quắt tình yêu đơn phương của thời tuổi trẻ.

Nàng đã khước từ tình yêu của ông-một thiên tài đa lĩnh vực-để lãng mạn cảm tình một gã nghệ sĩ vô danh. Rồi nàng sống một mình, chết già như những người đàn bà bình thường khác.

Dù gì đi nữa, ông vẫn là con người có từ hàng trăm trước. Vẫn còn những thương yêu tiềm ẩn.

Có tiếng hỏi lạnh lùng của trí tuệ nhân tạo cắt đứt hồi tưởng của ông: ngài muốn gặp 011 phải không?

Ông nói gọn: Đúng.

Trong phút chốc một chàng trai khỏe mạnh, tuấn tú đứng trước mặt ông. Nó nói: công dân 011 kính chào ngài Đại Hoàng Đế 01.

Ông xúc động, run run nói: ta là ba của con đây. Con gọi ta là Ba, và xưng là Con.

Chàng trai ngơ ngác, lộ vẻ không hiểu.

Trí tuệ nhân tạo đoán trước suy nghĩ của hai người, nó lên tiếng: Con, Ba hay Bố, Cha và Chú, Bác, Cô, Di, Ông, Bà...là từ cổ không còn dùng nữa. Phải gọi nhau bằng mã số theo luật định.

Cảm nhận được sự chưa thông hiểu, máy tiếp tục giảng giải: Con, Ba, Bố, Cha... mang mầm mống của tư tưởng bộ tộc, gia đình trị, sở hữu cá nhân. Rất lạc hậu. Ngay từ xa xưa, nhiều nước đã bỏ, dùng chữ You hoặc Cùng Phe. Từ này rất hay, Cha, Con, Vợ,

Chồng, Ông, Bà...đều gọi là Cùng Phe. Rất có giá trị tư tưởng.

Ngài 01 bực mình nhưng không lộ ra. Ông biết, trí tuệ nhân tạo là sản phẩm để cải tạo thế giới theo hướng của chính ông.

Ngài 01 ân cần hỏi con ông: 011 có thích gì không?

Chàng thanh niên nói: 011 muốn biết tình yêu là gì?

Ái tình giữa nam và nữ là hành động gì?

Ngài 01 nín thở, giật mình nghĩ: bản năng gốc chưa được tẩy não sạch sẽ...

Trí tuệ nhân tạo giận giữ xen vào: ái tình là mầm mống của truy lạc, vị kỷ, tư lợi, dối trá..., không thể nào vừa làm tình vừa nghĩ đến nhân dân. Phải loại bỏ ra khỏi não bộ chữ tình, chữ yêu.

Ngài 01 không kiềm chế được nữa, chửi tục: Đ. M

Trí tuệ nhân tạo lên giọng: Đ. M là từ thô tục. Cảnh cáo công dân 01 đã mạ lỵ, công kích tư tưởng của dòng chảy cải cách thời hậu hiện đại.

Trong cơn trầm uất, Ngài 01 giận dữ: tư tưởng là của tao. Ông vung chân đá vào nơi phát ra tiếng nói.

Trí tuệ nhân tạo lạnh lùng: công dân 01 có hành động bạo lực, chống phá Đại Quốc.

Không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không có đặc quyền. Phải loại bỏ công dân 01 ra khỏi cuộc sống của địa cầu.

Ngay tức khắc, con ông-011 rút súng ra chĩa thẳng vào 01-ba nó. Bắn.

Tiếng nổ đánh gọn.

Một tấm lưới bay ra từ nòng súng của 011.

Lưới tóm gọn ngài 01, bay vào không gian, lên thật cao, ra khỏi giải Ngân Hà, bay qua một hệ Mặt Trời khác.

Bị trói, lơ lửng trôi giữa những vì tinh tú lấp lánh, ngài 01 vẫn còn tỉnh táo thầm khen con ông cùng trí tuệ nhân tạo.

Máy và người thế hệ mới không bị lỗi, không tạo phản. Tất cả đã hoàn hảo tuyệt đối, làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo lập trình.

Ngài 01 tỉnh lại. Ông ngửi thấy hương chàm kết.

Một người phụ nữ đang dùng tóc nàng lau nhẹ những vết xước trên trán ông.

Nàng nói: nước phù sa sẽ nhanh chóng làm lành vết thương. Em đang bắt cá nên thân thể, tay em dơ lắm. Chỉ có tóc còn sạch.

Ông hỏi: đây là đâu?

Người phụ nữ nói: theo người xưa kể thì đây là hành tinh dành cho những người bị lưu đày khỏi Trái Đất.

Ngài 01 nghe rất rõ mùi mồ hôi muối.

Mùi của loài người mà ông đã ruồng bỏ từ hơn trăm năm trước.

Ông đã ra đi. Và, bây giờ ông đã trở về.

Chôn trở về lại là vùng đất lưu đày.

HẦM TRÚ ẨN CHO NGƯỜI VÀ CHỮ

Căn hầm trú ẩn của nhà nội có từ lúc ba tôi còn nhỏ. Những năm đó, thỉnh thoảng đêm khuya máy ổng ở bên kia sông pháo kích vào thị trấn.

Ông nội tôi nhát gan hơn bà nội. Có tiếng còi hụ rên vang của tiểu khu báo động ông vội hối thúc cả nhà xuống hầm.

Bà nội tôi không chịu đi tránh đạn. Bà làm bầm: nó mà pháo trúng nhà thì có xuống hầm cũng chết, mấy thằng cậu, dựng tụi nhỏ bắn chớ ai. Rồi bà tiếp tục ngủ.

Quê bà nội ở bên kia sông

Gọi là hầm nhưng đó là một căn phòng. Chung quanh vách xếp những bao chứa cát, nóc gác hai bộ ván ngựa, có chõng bao cát lên trên.

Ông nội tôi là thầy giáo tiểu học. Trường ở làng biển xa. Đôi ba lần ông đưa về những người khách bí ẩn. Khách ở dưới hầm vài ngày rồi đi.

Ba tôi thứ tư, bác Hai, bác Ba đều là sĩ quan. Hai bác đồn trú, lấy vợ ở tỉnh khác, lâu lâu mới về thăm nhà.

Chú Năm bệnh, mất lúc mới hai tuổi, ba tôi xử dụng khai sanh của chú nên chưa đến tuổi quân dịch.

Xóm nhỏ, nhưng không ai biết bác Hai, bác Ba sĩ quan cấp bậc gì, vì ông nội không cho mặc quân

phục, đeo lon khi về phép. Ông nội nói: nhiệm vụ không làm không được, chớ hay ho gì mà khoe.

Chú Sáu không muốn đi lính. Chú nói với ông nội: con không muốn bắn nhau với cậu Năm, dưỡng Bảy. Khi dân vệ xã ruồng bắt những người trốn lính, chú Sáu ẩn trong hầm. Không được ra ngoài, chú đọc sách cả ngày.

Ông nội chỉ là thầy giáo nghèo, nhưng được xóm làng kính trọng. Chúc sớ, lính tráng đều biết ông nội, kiêng nể “nhà có chữ”, có con là sĩ quan nên không dòm ngó, lục soát.

Ông nội tôi có rất nhiều sách. Nhà có ba cái tủ thì hai tủ gương lớn chứa đầy sách. Quần áo cả nhà cất trong cái tủ gỗ nhỏ.

Sách còn để trong mấy cái rương lớn bằng ván ép, màu xanh, lấy ra từ căn cứ quân đội Mỹ.

Sách học của anh em ba tôi xếp trên các giá sách, trên bàn.

Ông nội quý trọng chữ đến độ chỉ đốt, không cho bỏ bất cứ trang giấy nào có chữ vào thùng rác, chõ ô ướ.

Hết chiến tranh, có lệnh tịch thu sách.

Ông nội tôi lần thàn như người không có hồn. Những đêm nghe pháo kích mà ông còn bình tĩnh, linh hoạt hơn lúc này.

Ba tôi và chú Sáu lặng lẽ chọn một số sách, xếp chậ hai cái rương lớn, đem giấu dưới hầm trú ẩn.

Một ít sách khác, ông nội không cho giao nộp, cũng không cho đem xuống hầm. Ông đem lên cất vào hai ngăn tủ của bàn thờ tổ tiên.

Chờ đến đêm khuya, ông nội, ba tôi và chú Sáu đem hết những giấy tờ, hình ảnh có liên quan đến quân đội để lên bàn thờ cùng với sổ sách mà ông đã chọn. Ông nội nghẹn ngào: sách, chữ nghĩa là điều linh thiêng mà thần linh, thánh hiền đã ban cho con người để khỏi u mê, có đạo đức. Cha con mình không bảo trọng được sách, được chữ nghĩa, mình phải tạ lỗi với tổ tiên.

Những cuốn sách này là lời của tiền nhân dưỡng dục nhân cách. Không thể giấu sách xuống hầm là nơi không tôn nghiêm. Không thể giao sách để người ta huỷ hoại, chà đạp.

Nhà mình phải hoá táng sách để hồn của chữ tồn tại vĩnh hằng.

Còn hai rương sách lớn, là lời hay ý đẹp của người đương thời, mình tạm cho lánh nạn dưới hầm.

Chú Sáu lấy một dải vải trắng bịt lên đầu nói: con xin để tang cho sách, cho chữ.

Ông nội thấp nhang cắm lên bàn thờ. Ba người quỳ xuống vái lạy.

Chú Sáu khóc rống lên uất ức như loài gia súc trong lò sát sanh.

Rồi ba người đem sách, đem chữ xuống bếp, đốt từng quyển một.

Vài hôm sau có dân quân xã, thanh niên tự vệ và mấy em học sinh đeo khăn quàng đỏ đến tịch thu sách.

Sách của ông nội nộp nhiều đến nỗi chở ba xe ba gác không hết.

Tôi hôm đó, ở trụ sở xã, họ đốt một sân đầy sách. Máy em thiếu niên gõ trống, thổi kèn trong tiếng loa kêu gọi mọi nhà đem sách ra giao nộp, thiêu huỷ. Văn hoá, kiến thức bị đốt như rác dơ.

Tôi sinh năm 1980, biết được những chuyện trên qua hồi ức của những người lớn trong gia đình.

Tôi có cảm giác là họ nhắc lại một thời đã qua như kể chuyện cổ tích. Không thấy ý hận thù, oán trách. Căn hầm trú ẩn có hai cái rương sách vẫn còn suốt thời niên thiếu của tôi.

Không hiểu tại sao hết chiến tranh lâu rồi mà ông nội vẫn giữ lại căn hầm chống đạn. Để giấu hai rương sách, hay vì lý do nào khác?

Hình như tôi là người xử dụng căn hầm này nhiều nhất nhà.

Khi còn thơ ấu, đó là chỗ tôi trốn ba tôi khi sắp bị ăn đòn vì mê chơi.

Thường thường là xuống hầm ẩn núp chơi trò trốn tìm. Hoặc rủ mấy đứa gần nhà, tưởng tượng ra đó là cái nhà riêng; chơi trò nấu ăn, giả làm vợ chồng. Có khi tưởng tượng căn hầm là chiếc xe tăng hay con tàu vũ trụ...

Ở trong hầm như sống nơi một thế giới khác, tách biệt với thực tế.

Khi biết đọc sách, tôi tò mò lén lấy sách trong rương ra xem. Sách có cuốn không hợp với lứa tuổi của tôi. Nhưng không có gì để giải trí, tôi vẫn đọc, chỗ nào không hiểu bỏ qua. Đọc nhiều, tôi ghiền chữ, thấy tờ giấy có chữ là tôi nhặt lên đọc.

Ngẫu nhiên mà tâm hồn tôi trộn lẫn hai luồng ý thức khác nhau. Một bên từ bài học, từ trường lớp, từ xã hội đương thời. Một bên từ những câu chuyện thời trước do người lớn kể và từ những cuốn sách cũ, lánh nạn trong căn hầm trú ẩn.

Tôi hiểu biết, suy nghĩ có phần không giống với lứa tuổi của tôi. Tôi như có sống trong thời đại tôi chưa sanh ra.

Nhiều người nói tôi già trước tuổi, có lẽ vì lý do này.

Bao nhiêu năm chiến tranh, bom đạn, chết chóc mà gia đình ông nội tôi, một thầy giáo nghèo, được sống bình an, thấy có tương lai.

Hết chiến tranh, bất hạnh lại bủa vây.

Ông nội tôi bị nghỉ dạy, mất hết mọi khoản thu nhập khi chỉ còn vài năm nữa về hưu.

Bác Ba đồn trú ở Mỹ Tho, quê vợ. Học cải tạo tận ngoài Bắc, tám năm sau mới được thả về nhà. Trải qua nhiều năm khắc nghiệt, gia đình bác đi Mỹ theo diện H.O.

Bác Hai là đại úy quân y, cải tạo chưa đến hai năm. Gia đình bên vợ bác ở Sài Gòn rất giàu, lo vàng cho ông được vượt biên bán hợp pháp. Ghe chưa rời bãi đã bị nổ. Chỉ tìm thấy một phần di thể của bác Hai trên bờ biển.

Sau này, bác Hai gái dẫn hai đứa con nhỏ vượt biên bằng đường bộ, cũng cư trú tại Mỹ.

Chuyện của mỗi người trong gia đình nội tôi, cũng như hầu hết mỗi người trong thời đó đều có thể viết nên một câu chuyện bi ai.

Như mọi gia đình làm viên chức, sống thanh bạch, ông nội tôi không có của cải, ruộng đất.

Tương lai của mọi nhà trông chờ con cái. Đứa lớn đi học, rồi đi làm có lương, nuôi em ăn học tiếp.

Tại trời, ách nước đã huỷ diệt đường sống của mọi nhà.

Ba tôi thất nghiệp một thời gian dài nên vào An Giang, quê của má tôi kiếm kế sinh nhai.

Trước ngày gia đình nhỏ của tôi ra đi, ông nội nói với ba tôi: nhà mình không có ruộng đất, tài sản gì. Chỉ còn hai rương sách, ba cho con một rương, giữ cái chữ để mà sống lương thiện.

Hơn một năm sau ba tôi về thăm nhà.

Bà nội tôi xoay xở làm bánh, nấu chè gánh đi bán rong theo vỉa hè, ngõ xóm.

Chú Bảy, cô Tám, cô Út đã lớn. Theo tập quán của gia đình, chú Bảy và hai cô vẫn đi học. Hết giờ học hai cô phụ làm bánh cùng bà nội.

Những người phụ nữ thời đó có đức tánh cam chịu, không suy nghĩ sâu xa nhiều.

Nhưng những người đàn ông không được vậy.

Có nhiều ngày ông nội tôi im lặng không nói gì. Lại có lúc ông giận dữ vì những chuyện nhỏ. Ông như nửa điên, nửa tỉnh.

Một gia đình thanh bần nhưng an lạc, bị dòng cuồng lưu lịch sử cuốn trôi vào cảnh bi thương khiến tinh thần ông không thể nào bình yên.

Cái giá phải trả cho hoà bình quá đắt. Những người đàn ông sống sót sau chiến tranh tiếp tục chết trẻ.

Không có bom rơi, đạn lạc mà mái ấm gia đình bị tan nát, tiêu điều.

Đã quá lâu rồi ông nội không còn đọc sách, làm thơ nữa.

Sách và chữ không còn là nơi trú ẩn giữa thời bình mà ly loạn này.

Chú Sáu đi làm công nhân đo đạc trên vùng núi cao. Cứ đi vài tháng lại được nghỉ năm, mười ngày.

Về nhà, cả ngày chú ở trong căn hầm trú ẩn.

Hình như chú không ngủ, viết suốt đêm.

Ba tôi về thăm nhà được mấy ngày, thấy vậy không an tâm. Nhưng cũng phải trở vào An Giang, vì ông cũng không thể nào thay đổi được.

Vài năm sau, chú Sáu mất. Tự tử bằng thuốc sốt rét.

Chú gục đầu ôm lấy cái rương sách còn lại trong căn hầm trú ẩn, rồi vật vã chạy trốn khỏi cuộc nhân gian.

Từ ngày chú Sáu mất, không ai xuống hầm nữa.

Bà nội gọi người đến tháo dỡ căn hầm để làm nơi nấu chè, làm bánh kẹo.

Ông nội tôi không ngờ ngàng đến sách, đến chữ.

Sách bị tịch thu đốt hết nên giấy cũ khan hiếm. Các cô tôi lên ông nội xé sách làm giấy gói xôi, bánh kẹo.

Chữ nghĩa phải mất đi để cái bụng khỏi đói.

Người và chữ không còn nơi dung thân, lánh nạn.

Ba tôi giữ những cuốn giấy vở học trò đầy chữ viết của chú Sáu. Tôi đọc, nhớ có mấy câu:

“Hai bàn tay tôi cong như dấu hỏi

cầu cào vào trang sách
hỏi những con chữ: hạnh phúc ở nơi đâu”.

Ngoài truyện:

Nhiều năm sau, sách bị tịch thu, đốt được ấn hành
lại.

Chữ nghĩa được tái sinh từ bụi tro tàn.

Lại có thêm Internet, mạng xã hội.

Hâm trú ẩn cho người và chữ được phục sinh?

QUÁN CHÁO LÚ

Quán Bà Mạnh nằm cuối con đường cát sỏi, vàng màu lá mục. Gần đó là cây cầu nhỏ mong manh dài vô tận, ẩn hiện trong những tầng mây xám đen. Cầu bắc qua dòng cuông lưu miên viễn.

Gà gáy canh hai, đã có nhiều khách vội vã ra khỏi quán.

Ngọn đèn dầu leo lét, lúc như muốn tắt, lúc sáng lên, chập chờn khắc khoải.

Khách không thích ánh sáng, họ chọn chỗ tối, thẳm lạng ngời như những cái bóng trong đêm đen.

Giữa quán là một chảo cháo trắng lớn và một nồi trà lá xanh, lửa cháy âm ỉ giữ nóng suốt ngày đêm.

Ba người đàn ông và một người đàn bà lặng lẽ vào quán. Họ đến chỗ cái chõng tre cạnh nồi cháo. Còn vài ông khách ngồi ở đó.

Người râu tóc dài, bạc trắng nói: cả nhà mình nghỉ chân một lúc.

Một người cầm ống thuốc lảo lên mời: vâng, bố xơi điều thuốc, uống bát nước chè xanh.

Một ông trung niên ngồi phía trong bắt chuyện: cụ dễ gì cũng trên tám mươi rồi, sao lại có cụ bà và hai người con cùng xuống chõn này một lúc, bị tai nạn gì vậy?

Ông lão râu tóc bạc, chậm rãi kể: không cùng một lúc đâu ông. Tôi rời bỏ ruộng vườn ra miền ngoài năm Giáp Ngọ, năm hiệp định. Bỏ lại quê nhà người vợ trẻ, là bà này, và thằng con.

Hơn hai mươi năm, sau mùa Xuân năm đó tôi trở về cùng thằng con thứ hai.

Không còn chiến tranh, thoát chết, gia đình sum họp; giấc mơ bình an trở thành sự thật.

Nào ngờ chỉ vài năm sau thằng con lớn chết trong trại cải tạo, tiếp đến thằng nhỏ hy sinh ở biên giới phía Bắc.

Mẹ chúng buồn phiền sanh bệnh cũng đi theo chúng. Tôi nương theo mệnh trời lây lất sống, mới xuống nơi này gần hai tuần trăng thoi ông ạ.

Người khách trung niên ngạc nhiên: cụ bà và hai em ở đây cũng gần năm mươi năm rồi, sao không trở lại dương gian?

Ông lão râu tóc bạc trầm ngâm: tôi cũng nghĩ như ông. Khổ nỗi, gia đình tôi ăn thứ cháo này quá nhiều rồi mà vẫn không qua cầu được. Chúng tôi không quên được quá khứ nên không thể chuyển kiếp.

Một người khách khác góp ý: việc ấy lâu rồi, nên lãng quên để có đời sống khác bác ạ; rất nhiều người không cần ăn cháo cũng đã quên mà.

Ông lão râu tóc bạc điềm đạm: dà, tôi có nghĩ như ông; có khuyên thằng út, dù gì nó cũng có công với những người có chức quyền thời nay. Cháu đã nhiều lần ăn cháo, qua cầu rồi mà quay về lại.

Khi sự thật chưa được giải bày, bên kia cầu lũ người bất lương, ma mị ngày càng lộng hành thì những

người có nhân cách, lương thiện khó bình yên, hạnh phúc khi trở về sống ở dương gian ông à!

Nghe ông lão nói, người khách suy nghĩ giây lát rồi húp sạch chén cháo, đứng lên nói: thôi, tôi đi, dù sao cũng không thể ở mãi chốn này làm oan hồn vô vọng.

Sống, rất cần sự lãng quên. Nếu không lãng quên khổ đau, uất ức chông chất làm sao mà sống?

Lãng quên như tắm gội, tẩy sạch nỗi đau để thấy niềm vui.

Vài người khác cũng ăn cháo rồi chào ông lão, theo người khách nọ đi qua cầu.

Có mấy người phụ nữ vào quán, họ đến ngồi vào chỗ nhóm người vừa đi.

Ông lão râu tóc bạc bắt chuyện: các cô xuống đây lâu chưa, bị tai nạn gì vậy?

Người chít khăn mỏ quạ nói: dạ vâng, con ở đây từ năm Giáp Ngọ, năm cải cách đó ông.

Ông lão râu tóc bạc bầm đốt tay, nhảm tính xong sững sờ cảm thán: trời! Lâu quá, cũng bằng một kiếp người rồi. Sao cô chưa qua cầu?

Người đàn bà chít khăn mỏ quạ trả lời: tôi bị chính con tôi lôi ra sân đình luận tội.

Sách vở nào đã dạy cho con tôi làm điều bất hiếu, bất nhân, đày đoạ, hại chết mòn mẹ của mình? Khó quên quá ông ạ!

Người phụ nữ đội nón lá tiếp lời: uất ức lắm, tôi ở Mỹ Lai, cả làng tôi có tội gì mà bị người ngoại bang đốt, giết sạch.

Vì sao người ngoại quốc lại giết tôi trên quê hương của tôi?

Còn cháu này, bà đưa tay vịn vai người thiếu nữ trẻ mặc áo bà-ba: cháu xuống đây năm hai ngàn mười chín. Chết lạnh trong thùng xe khi tìm đường mưu sinh ở nước Anh.

Ông lão râu tóc bạc ngạc nhiên: đến lúc đó đời sống đã khá lên mà, ăn đã no, mặc cũng đẹp; sao cháu lại chấp nhận hiểm nguy khi tìm đường sống ở nước khác?

Người thiếu nữ trẻ mặc áo bà ba, da mặt và môi còn lưu giữ màu tái xám của người chết vì lạnh nói: dạ, con còn nhỏ, ít học, suy nghĩ có phần chưa trọn; nhưng quyết ý ly hương dù cũng biết rất gian khổ, nguy hiểm.

Những người giàu, quyền chức cũng tìm mọi cách để đưa gia đình họ đi ra nước ngoài sống kia mà.

Người lính hy sinh ở biên giới phía Bắc buột miệng: thời chiến tranh, đói khổ mà ít ai muốn rời bỏ quê nhà. Nhiều người học cao, có danh phận, thành đạt ở nước ngoài vẫn trở về sống ở nước mình.

Vì sao thời nay người tài đức vẫn muốn ra đi?

Niềm tin và hy vọng làm cho con người sống tốt hơn. Đã lâu rồi con người không còn tin tưởng đồng loại, ngày qua ngày sống trong lo âu, sợ hãi. Tin sao được khi những người ưu tú, những trụ cột của đất nước lại coi rẻ lương dân, phá tàn mạt đất nước.

Nhiều người ngồi trong bóng tối, thầm nhớ lại những sai lầm gây ra nỗi khổ, cái chết phi lý của chính mình.

Họ lặng yên, không nói.

Một người trẻ tuổi nói: thôi thì cũng đành đầu thai ở một đất nước khác.

Người trung niên nhẹ nhàng góp lời: tôi đã trải qua một kiếp lưu vong, thấy ở xứ khác cũng vậy thôi. Dân lành như chúng ta chỉ là một loài gia súc, có tên là người. Bò ở quê ta hay bò ở ngoại quốc đều bị xẻ thịt, vắt sữa; chỉ khác ở cách nuôi.

Vài người khách tự múc cho mình lưng chén cháo, thổi ngụi, húp từng ngậm nhỏ.

Một người hỏi- như hỏi chính mình: Có nên trở lại kiếp sống cũ không?

Không ai trả lời. Người hỏi cũng không tự giải đáp câu hỏi của đời mình.

Ông trầm nghĩ, không nói ra: hàng trăm năm qua, cứ lý thuyết sau sửa chữa sai lầm của lý thuyết trước; rồi cũng có những sai lầm khác. Mà đời người đâu có dài, sao cứ phải chịu đựng những cuộc thí nghiệm phi nhân tính của lý thuyết.

Một người khác nhồi thuốc vào điếu cày, rít một hơi, lơ mơ nói: hay là mình uống vài chén rượu, để dễ quên.

Người kia nói: chúng mình đã uống cạn rượu đời. Đã say, đã tỉnh, đã sống và đã chết mà có quên được đâu.

Có thời gian tôi lầm tưởng là đã ẩn lánh được những phiền não. Nhưng cái ác như vi trùng, không ở ngoài cánh cửa nhà mình, nó len lỏi, lách qua khe hở của pháp trị. Mình miễn nhiễm được thì vợ, con, cháu cũng dễ dàng tiếp nhận.

Không ai nói gì. Tất cả lặng câm.

Những ý nghĩ thật chôn sâu trong lòng của những oan hồn.

Lặng im một lúc, ông lão tóc bạc chậm rãi nói: tôi nghĩ mọi oan ức sẽ được lãng quên theo thời gian, nếu như đời sống thật sự an lành, không còn âu lo, sợ hãi.

Người đàn bà chít khăn mỏ quạ nói với người đội nón lá và người mặc áo bà ba: các cô uống bát chè xanh rồi nhanh ra đồng gặt đám lúa ma, trời sắp sáng rồi.

Trời chưa sáng, quán đã vắng khách.

Người ở chón này tan biến khi có ánh mặt trời. Sau khi từ trần, họ không đủ tài đức để lên tiên cảnh, cũng không có tội nặng để xuống địa ngục.

Không quên được kiếp trước nên họ không thể đầu thai trở về cõi nhân gian, họ là những oan hồn, không là quỷ ma cũng không là người.

Bà Mạnh ngồi một mình trong quán vắng.

Đã lâu, lâu lắm rồi, bà vẫn ở đây, cảm nhận những thống khổ, oan nghiệt mà kiếp người phải cam chịu.

Bà có ý nghĩ là món cháo lú mà bà vẫn nấu từ lâu đã không làm cho con người thấy niềm vui khi trở lại kiếp làm người.

Con người có nhất thiết phải quên tất cả quá khứ không?

Món cháo lú này giúp con người vứt bỏ, không nhớ gì kiếp đời đã cũ để tạo lập một cuộc sống mới tốt đẹp.

Nhưng cũng làm cho con người mê muội, đần độn, mù quáng, phủ nhận những đạo lý của tiền nhân, không còn tinh táo, trí tuệ để sống minh bạch, phân biệt thiện ác.

Bà Mạnh rùng mình, chính bà là kẻ trông coi nồi cháo lú. Bà đã tiếp tay với sự sai lầm khủng khiếp này.

Giữa bầu trời u tối, trong quạnh quẽ, lẻ loi bà Mạnh gõ đũa bập vào nồi cháo lú, ngửa mặt lên trời cất tiếng hát. Bà hát có từ lúc bà mới đến giữ quán.

*Cháo lú. Hê! cháo lú nóng đây
oan hôn, uống tử ghé dùng ngay
ăn không tốn tiền, bao no bụng
phải quên, phải lú mới đầu thai.*

*Cháo lú. Hê! Cháo mất trí đây
quên, lãng quên tiền kiếp đoạ đày
qua cầu, tái sinh trong tiếng khóc
đường trần khổ nạn vẫn đắm say.*

*Cháo lú. Hê! Cháo trì độn đây
khờ khờ, vô cảm sống qua ngày
kiếp này, kiếp sau và mãi mãi
mồ hôi, xương máu hiến dâng ai?*

Cháo lú. Hê! Cháo mê muội đây

*tự hào mà sống không biết sai
công bằng, minh bạch chưa từng thấy
hoang tưởng mơ mòng thiên thai say.*

*Cháo lú. Hề! cháo lú đây
oan hôn, uống tử ghé ăn ngay.*

Tiếng hát khàn đục, không theo quy luật, lời lẽ ngô
nghe vang vọng trong cõi u tịch.

Trong tầng mây màu xám tối, có một hình thể giống
như một cánh bướm, bay chậm xuống cầu, tiến về
phía quán.

Hiện rõ dần là một đứa trẻ, y phục màu trắng, đầu
quần khăn tang trắng, ôm trước ngực một nhánh
bông lục bình tím.

Đứa trẻ vòng tay, cúi đầu - cách lễ phép của một
thời đã không còn- nó nói: con chào bà.

Bà Mạnh ngạc nhiên: con xuống đây lâu chưa mà bà
không gặp.

Đứa trẻ chỉ tay lên trời: dạ, con ở trên kia đó bà. Con
ở đó từ năm tám tuổi, lúc đó nơi đây đông người
quá, con được lên trên kia.

Con nghe tiếng bà hát nên xuống gặp bà.

Bà Mạnh nhớ lại, trong mấy năm đó có hơn nửa
triệu người chết oan xuống đây. Người chìm trong
biển, người phơi xác ở những cánh rừng biên giới,
trong trại học tập, người quyên sinh...

Bà Mạnh hỏi: con xuống đây chơi hay ăn cháo rồi qua cầu đầu thai kiếp khác. Con còn nhỏ quá không nên ở đây lâu.

Đứa bé nói: bà quên rồi sao, thân xác con vẫn giữ nguyên như lúc con chết, nhưng mà con đã hơn năm mươi tuổi rồi đó bà.

Nó nói tiếp: con được lên trời, không tái sinh làm người. Nhưng mà con thích làm người với thất tình lục dục hơn là làm tiên, làm thần.

Bà Mạnh nói: kiếp người lạc thú cũng có mà khổ đau lại quá nhiều. Nhưng hầu hết đều sợ chết, đều muốn được sống thật lâu trong kiếp làm người.

Đứa bé nắm tay bà Mạnh, dắt bà đi đến con đò neo đậu dưới chân cầu.

Đó là con đò ngang, đưa khách qua sông. Bà Mạnh-khi còn trẻ- là người lái đò. Từ khi có cây cầu, con đò ngang không được sử dụng. Còn bà Mạnh trở thành người trông coi quán cháo lú.

Đứa bé ôm vai, dìu bà Mạnh lên đò. Nó nói: bà và cháu ngược dòng cuông lưu này.

Đề đi đâu? Làm gì vậy cháu? Bà Mạnh ngạc nhiên hỏi.

Đứa bé nói: món cháo lú này lâu quá rồi, không còn đem an lành, hạnh phúc đến cho kiếp làm người.

Bà Mạnh hỏi: con có ý định gì?

Đứa bé nói: phải tìm nguyên liệu để nấu món cháo khác. Cháo sáng suốt, trí tuệ, minh bạch.

Con người nên sống với quá khứ, hiện tại và tương lai bằng nhân ái và tri thức.

Bà Mạnh nói: suy nghĩ của con như tấm áo quá rộng so với sự hiểu biết của bà. Điều con muốn làm còn mênh mông, trắc trở, hoang đường hơn dòng cuồn cuộn này.

Đứa bé trả lời mà như nói với chính mình:

Chúng ta chỉ là những người nghệ sĩ ghi chép ước mơ của những người khốn khổ. Chúng ta không có khả năng làm cho ước mơ thành sự thật. Những người làm chính sự, những nhà khoa học có lương tri sẽ biến khát vọng thành hiện thực đó bà.

Đứa bé chèo con đò ngang đi ngược dòng nước.

Nó hồn nhiên nói trong tiếng sóng nghìn trùng:

Mình đi thôi bà. Giấc mơ, hoài bão chân chính làm con người sống lương thiện. Không còn ước mơ đẹp cho mọi người, mình sẽ thành kẻ bạc nhược, sa đọa, ích kỷ, bất nhân.

Cứ đi trong niềm tin và hy vọng. Nhiều người cùng tìm sẽ thấy. Phải thay cháo Lú bằng cháo Mẫn nghen bà.

CHUYỆN LẠ (2)

Có anh nọ làm nghề dạy voi làm xiếc, bị ở tù. Trong tù anh ta ngựa nghề, bắt một con kiến càng huấn luyện nó như anh đã luyện voi.

Đời mà, không có voi dùng kiến tạm.

Là người có thực tài, sau một thời gian, con kiến biết diễn rất nhiều trò.

Anh để nó lên bàn, ra lệnh bảo nó hít đất thì nó hít đất. Bảo chào, nó cúi đầu chào. Bảo nó nhảy Valse, nó nhảy Valse... Nhiều trò lắm.

Ngày ra tù, anh vui vì được tự do, lại phấn khích vì luyện được con kiến, thiên hạ chắc chắn không ai có

Trên đường về nhà, anh ghé quán nhậu, làm một bữa cho đã thêm .

Vào quán, trong khi chờ đợi, anh cho con kiến lên bàn, chuẩn bị ra lệnh để nó diễn trò.

Cùng lúc đó, phục vụ mang thức ăn ra.

Anh nọ khoe tài, chỉ con kiến nói to cho cả quán nghe: xem này, xem này, xem con kiến này ...

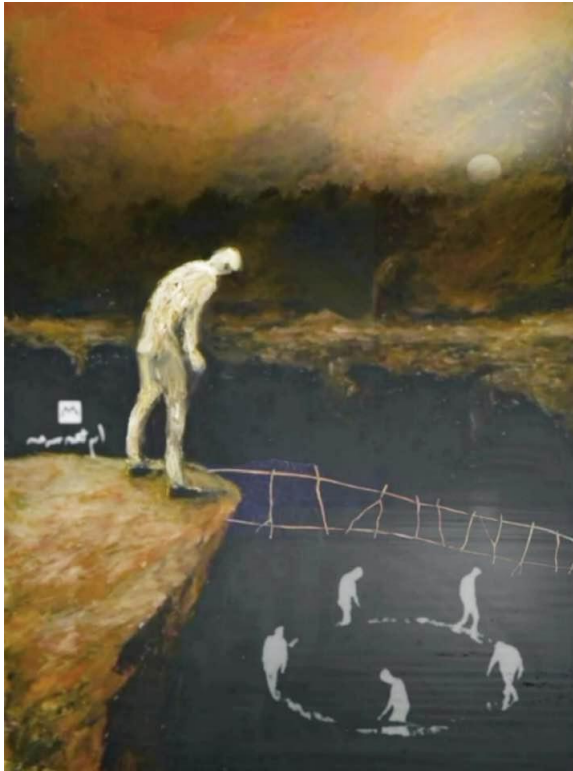
Người phục vụ đưa tay đập con kiến thật mạnh, nói: xin lỗi vì đã có con kiến làm phiền quý khách.

Anh nọ tức giận, một tay đập tô thức ăn vào mặt, một tay bóp cổ người phục vụ.

Lập tức anh bị đưa lại vào tù.

Xem bức tranh Đùa Giỡn Với Bi Hải của nhà thơ-họa sĩ Lý Tấn Mẫn, đột nhiên tôi nhớ đến câu chuyện lạ này. Tôi đã nghe lóm hời tám, chín tuổi. Đến bây giờ tôi vẫn chưa rõ được ngụ ý của câu chuyện.

Tôi xin kể lại để các bạn suy luận dùm tôi.



NGÀI Z và KẺ THẾ THÂN

Ngài Z cần có một kẻ thế thân. Việc này bí mật, chỉ có Ngài Z, Kẻ Thế Thân và duy nhất một người trong tổ chức biết.

Người Tổ Chức chọn một kịch sĩ có dáng dấp giống y như Ngài Z. Tài năng diễn xuất, nghệ thuật hoá trang của Kẻ Thế Thân, thêm chiếc mặc nạ da người làm cho Người Tổ Chức an tâm.

Người kịch sĩ tài hoa phải biến mất trên cõi nhân gian. Phải chết. Cái chết được xác thực của pháp lý. Ngoại trừ Ngài Z không còn ai phát hiện được Ngài Z giả, ngay cả vợ của Ngài Z và chính Người Tổ Chức.

Theo sắp xếp, vợ Ngài Z có chuyến du lịch xa, thời gian đi đủ để tổ chức thiết kế một căn hầm bí mật tại tư thất, trong phòng làm việc của Ngài Z.

Kẻ Thế Thân sống ở đó và tuân theo lệnh điều hành của Ngài Z.

Kẻ Thế Thân là một kịch sĩ bị án tử. Được sống, lại sống y như Ngài Z là điều mà trong mơ hắn cũng không thể nghĩ đến.

Kẻ Thế Thân thật lòng biết ơn tổ chức, hắn quyết chí sẽ tu tâm, dưỡng tánh, hoàn thành nhiệm vụ đặc biệt được giao.

Ngài Z không có tài xuất chúng, nhưng là người hiền, ngài luôn giữ phẩm chất đạo đức, thân thiện với lương dân.

Vì trọng trách, ngài phải sống chuẩn mực và không có bạn bè thân. Ngay cả với vợ, ngài Z cũng không thể thổ lộ hết suy nghĩ của mình.

Ngài Z lẻ loi như một ngọn núi cũ kỹ, cô đơn trên đỉnh cao.

Mọi việc diễn tiến suôn sẻ. Khi cần thiết Kẻ Thế Thân sẽ đội lốt Ngài Z xuất hiện ở các hội nghị, diễn đàn, nơi công cộng.

Có Ngài Z thì không có Kẻ Thế Thân. Và dĩ nhiên, có Kẻ Thế Thân phải không có Ngài Z.

Ngày nọ, có trận đá banh giữa đội tuyển nước nhà với nước đối thủ truyền kiếp.

Coi đá banh trên tivi một mình thiệt là mất hứng thú.

Ngài Z âm ỨC vì không xả hết được cảm xúc.

Hoan lạc hay thống khổ của một con người cần có một hay nhiều người khác đồng cảm.

Đang bị cuốn hút, ngài nghe có tiếng gọi: Ngài Z, cho tôi xem với.

Kẻ Thế Thân chịu đựng không được cơn nghiện đá banh nên xin Ngài Z du di quy định, cho hẳn cùng ngồi xem trận đấu hấp dẫn.

Sực nhớ ở dưới hầm bí mật còn có một con người, ngài mừng rỡ nói: lên đây coi, mình vừa dō một trái.

Thế rồi, hai con người, một kẻ tội đồ và một hiền nhân cùng nhau bàn luận, vỗ tay, reo hò quên đi mọi thứ trên đời.

Hết trận banh, Ngài Z giựt mình khi thấy ngài đang bắt tay mừng thắng trận với chính mình.

Từ đó, Ngài Z có những lúc bớt lẻ loi, ngài đã có người để nói chuyện tào lao.

Những câu chuyện tầm phào lại làm cho đời đỡ tẻ nhạt hơn những lý lẽ mô phạm, những câu nói đả bôi, xã giao hoặc tiềm ẩn thủ đoạn.

Nói chuyện với Kẻ Thế Thân, trong khuôn mặt của mình, làm ngài Z có lúc chìm trong trạng thái ông đang tự vấn với chính ông.

Thỉnh thoảng, ngài cùng Kẻ Thế Thân uống rượu. Rượu giúp cho cả hai sống thật.

Trong bữa rượu mừng ta vô địch, Kẻ Thế Thân thỉnh cầu: dạ, thưa ngài, em biết ơn ngài vô lượng nhưng mà...

Thấy hấn ấp úng, Ngài Z nói, rất bình dân: chú em muốn gì cứ nói.

Kẻ Thế Thân chỉ chờ vậy để tỏ nguyện vọng: dạ, ngài cho em được sống, như trong mơ, nhưng mà tứ khoái chỉ mới được ba, còn thiếu một thứ. Cả ngày ở dưới hầm không làm gì, để lãng quên đời em chỉ coi phim 18+, chịu hết nổi rồi.

Ngài Z đồng cảm: ta hiểu, làm người sướng hay khổ, nhiều khi cũng từ chuyện này.

Ta đồng ý, chú mày một tuần được ra ngoài một lần. Nhưng mà tuyệt đối bí mật, không được mang cái mặt ta đi bêu rêu, cũng không được mang bản mặt của chú mày; vì theo pháp lý chú mày đã chết.

Kẻ Thế Thân mừng hóm nói: dạ, em đội ơn ngài. Ngài có ghét lão ba trọn nào không, con sẽ mang cái mặt của lão ấy vào chôn thanh lâu cho thiên hạ chửi chơi.

Ngài Z tỏ lòng mình: đừng làm bậy, vậy là dạ tiểu nhân. Ta không ghét những đứa ba trợn mà ghét những kẻ thâm hiểm, lòng lang dạ sói lại đội lốt thánh hiền.

Một việc phát sinh ngoài dự tính, Người Tô Chức chết vì đột quy.

Chết là sự kiện tuyệt đối, tất yếu phải xảy ra, vậy mà những dự tính cho tương lai của những người chưa đến tuổi bảy mươi, không ai nghĩ đến điều này.

Đa số những vị cao nhân vì bị bọn tiểu nhân siểm nịnh tán tụng sống mãi, muôn năm, vạn tuế... nên quên rằng mình có thể chết bất cứ lúc nào.

Mất xích kết nối với tổ chức bị đứt đoạn. Không còn ai trên đời này biết có một Ngài Z giả mạo hay có một kịch sĩ nổi danh.

Dù vậy, mọi việc vẫn trôi chảy. Kẻ Thế Thân tiếp tục đội lốt Ngài Z khi cần thiết.

Đã nhiều lần, vì công việc, Kẻ Thế Thân đóng giả Ngài Z một thời gian dài.

Lúc đó Ngài Z phải sống trong căn hầm bí mật.

Thoạt đầu, ngài cũng khó chịu. Sau đó quen dần, ngài lại thấy thích.

Rảnh rỗi ngài giết thời gian bằng cách làm thơ, viết văn, vẽ tranh. Đó là những sở thích của ngài lúc còn đi học, mà vì nhiệm vụ ngài đã lãng quên.

Ngài Z thấy sáng khoái vô cùng khi được tự do cời đàn, mặc quần xà lỏn lai rai vài ly rượu, viết những ý thật của chính mình.

Ngài Z ngẫm nghĩ: hoan lạc của kiếp người là lúc được trở về con người nguyên thủy, của đứa trẻ thơ, cởi bỏ mọi nghi thức, trần trườg không che giấu thể xác và tâm trạng.

Ngày nọ, sau vài ly rượu, Ngài Z thổ lộ ý muốn với Kẻ Thế Thân: chú mày hoá trang cho ta thành một người có cái mặt bình thường, cho ta vài bộ y phục giản dị.

Kẻ Thế Thân đoán ý, nói: dạ, em biết rồi, ngài muốn vi hành. Để em cho ngài địa chỉ những chỗ vui vẻ. Mà ngài thích kiểu nữ ngàn đô, hay thôn nữ chân quê?

Ngài Z thân mật: ta, ta thích hết cả, mỗi món đều có hấp dẫn, thú vị đặc trưng của nó.

Mỗi hạng người đều có niềm vui và nỗi đau riêng.

Và ta tự biết, ta mắc phải một tử điểm để làm con thú đầu đàn, làm kẻ chiến thắng, đó là ta yêu thương tất cả mọi vật trong thế gian này, kể cả một viên đá hay người lính của quân đối địch.

Thỉnh thoảng, Ngài Z một mình len lỏi vào những ngõ vách của cuộc sống.

Ngài thử qua đêm với một chân dài với chi phí hơn cả tháng lương của ngài.

Ngài đã ăn sáng ở khu nhà trọ công nhân với giá chưa bằng một cái khăn giấy trong nhà hàng cao cấp.

Ngài đã trò chuyện với những cánh bướm tội nghiệp đứng đường.

Ngài đã lê la cà-phê tán dóc với những văn nhân quán cóc.

Ngài thực sự thờ bằng không khí thật của xã hội mà ngài đang sống.

Ngài bàng hoàng nhận ra những điều ngài biết từ các báo cáo, phương tiện truyền thông chỉ là một góc giả tạo diêm dúa của cuộc đời.

Bao lâu nay, con người thật của ngài đã sống giả, như một hình nhân giấy.

Và, trở trêu thay, ngài lại được sống thật dưới lớp nguy trang của một chiếc mặt nạ giả.

Ngài Z thấy rất rõ: ngài là kẻ bất tài trong chức vụ ngài đang đảm nhận.

Một đêm kia, Kẻ Thế Thân về hầm bí mật trong con say.

Hắn lè nhè nói: tôi là một kịch sĩ thiên tài, một gã tử tù, một ngài Z vĩ nhân hay chỉ là một kẻ trác táng vô danh?

Tôi là ai, tôi còn sống hay tôi đã chết, đã biến dạng, tan mất trong xã hội?

Tôi muốn sống. Sống bằng con người thật, chớ không phải là tồn tại dưới nhân dạng của một kẻ khác.

Ngài Z cảm thông với ý tưởng nổi loạn của Kẻ Thế Thân, ông thân mật, điềm đậm: chú em bình tâm, tụi mình sẽ cùng nhau khai thông bế tắc, ta cũng mang tâm trạng như chú mày thôi. Nói cho ta nghe chú em muốn gì?

Kẻ Thế Thân tự bạch: nhàn cư bất thiện. Sa đoạ, trác táng chẳng qua là ngõ cụt của đường đời.

Ăn chơi rồi cũng chán, với tôi, đam mê tận cùng là đóng tuồng, đạo diễn. Tôi ước mơ được thủ một vai lớn trong vở diễn hàng vạn người xem. Một vở kịch để đời.

Có khoái cảm nào bằng đứng nhìn, nghe những con người, đông như kiến vỡ tay, reo hò tán dương mình?

Ngài Z trầm ngâm: con người thường thích vậy. Mà chính những người vỡ tay, tán dương cũng được khoái cảm.

Hơn thế nữa, con người ngự trị trên đỉnh cao lại khoái trá thích hàng vạn, hàng tỉ người phải bị mình kiểm soát, hướng dẫn, sinh sát.

Họ rất ít người, nhưng nhân danh số đông, nhân loại. Họ không tin, coi rẻ sinh mạng của con người.

Loài người trở thành loài gia súc mới để họ xử dụng cho khát vọng vĩ cuồng, hoang đường của họ.

Họ là thượng đế của thời đại mới.

Để từ từ ta nghĩ cách cho chú em đạt sở nguyện.

Mấy ngày sau, ngài Z nói với Kẻ Thế Thân: giúp chú mày thoả mãn ước nguyện cũng là ta tự giúp ta.

Chú mày thích đóng kịch thì diễn vai lớn đi. Vai quan trọng trong vở tuồng mà khán giả cũng là những con rối đạo cụ.

Ta không muốn đóng kịch nữa. Ta muốn sống thật.

Kể từ ngày mai, chú mày thật sự biến thành ta, tức là Ngài Z. Vai diễn này đóng cả đời còn lại của chú

mày, diễn 24/24. Đến khi chết chú mày cũng phải mai táng cùng vai diễn. Ta tin tài nhập vai của chú mày. Được không?

Kẻ Thê Thân mừng rỡ: dạ, đa tạ ngài, em mà diễn thì còn ấn tượng hơn cả nhân vật chính, hơn cả ngài. Gã chợt nhớ, hỏi: thế còn gia sản, chức vụ và, gã khựng lại giây lát, và phu nhân của ngài?

Ngài Z nói luôn, vì đã nghĩ kỹ: giao cho chú mày tất cả những gì đã thuộc về ta. Ta ón hết mọi thứ đó. Ta sẽ biến mất. Ta không chết mà lại như đầu thai một kiếp khác.

Ta chỉ giữ lại cho riêng ta cái mặt nạ nhân dạng một người bình dân.

***Vĩ Thanh**

Nhiều năm sau, một buổi sáng cuối tháng Giêng, ở một vùng quê.

Một người đàn ông vô danh chậm rãi cắt tỉa cây mai vừa chưng Tết. Muốn có mai đẹp phải chuẩn bị trước cả năm.

Ông thoáng nghe radio đọc bản tin: Tối hôm qua, Ngài Z đã rơi xuống từ tầng 25 của toà nhà L. Nguyên nhân chưa rõ. Nguồn tin này nói Ngài Z trượt chân, nguồn tin khác cho là ngài bị ám sát hay tự vẫn...

Có tiếng trẻ con hát ngọng nghịu làm ông không nghe hết bản tin. Đứa bé chạy đến bên ông. Ông ôm đứa bé lên nói: hát tiếp đi con. Rồi ngheu ngao hát theo đứa bé: kìa con bướm vàng, xoè đôi cánh...

NGƯỜI VÀ NGƯỜI VÀ NHỮNG NGƯỜI

(Những câu chuyện đại khái như chuyện này chắc xảy ra nhiều. Có thể nhiều người đã viết rồi. Nên, nếu có sự trùng hợp tình tiết, nhân vật là ngoài ý muốn, xin bỏ qua. Chuyện nhỏ mà).

Ven đường quốc lộ, khu vực ít dân cư, chỗ giáp ranh phường và xã có những tiệm hớt tóc nam.

Đời nay nhiều chuyện oái oăm, tiệm hớt tóc nam do phụ nữ hớt mà tiệm tóc nữ lại do đàn ông làm.

Tiệm của con Bé Hai cách xa các tiệm kia. Bảng hiệu ghi đơn giản:

BÉ HAI

Hớt tóc nam- Hair Cut

Chêm tiếng Anh cho sang thôi chớ ở đây làm gì có Tây, Tàu gì đến.

Mấy ông trong xóm đọc Hair Cut là Hai-rờ-cu -tê. Lâu dần chệch tên thành tiệm hớt tóc nam của con Hai-rờ-cu-tê.

Ông Năm Sanh về hưu gần tám năm, ông làm phó phòng một cơ quan trên tỉnh. Ông có nhà ở phố nhưng cho đưa con trai. Ông thích về vùng quê, với cây, với sông, với đất, trời hơn.

Vợ ông, cũng về hưu một lượt với ông. Hơn nửa năm nay bà sang Hàn Quốc giữ cháu ngoại. Lúc đầu, vài ngày vợ ông điện thoại về thăm hỏi. Lâu dần, cuộc sống mới khiến bà như quên ông. Đưa con trai trên tỉnh cũng vậy thôi, vài ba tháng nó mới gọi. Có khi ông không biết để bắt máy, nó cũng quên gọi lại.

Hôm đó, ông đi hớt tóc. Đương nhiên là ông đến tiệm hớt gần nhà ông nhất, tiệm của con Bé Hai. Qua đọc báo, ông cũng biết mấy tiệm hớt tóc nam có thể làm chuyện đòi truy. Nhưng ông tò mò muốn vào xem thử.

Con Bé Hai đón ông lễ phép. Nó nói: chào bác, mời bác nằm lên ghế cho con hớt. Tóc bác cũng quá lưa rồi đó. Mà bác có cạo mặt, ngoáy tai, gội đầu không?

Ông Năm Sanh nằm ngửa trên ghế. Khoan khoan ngửi mùi nước hoa, mùi đàn bà lâu rồi ông không nhớ đến.

Ông nhắm mắt tê mê khi tay con Bé Hai mềm mại chạm da mặt ông để cạo râu. Ông chợt hỏi: con có mát-xa không?

Bé Hai lễ phép: dạ, con chỉ dám bóp vai, trán chớ không có mát-xa.

Rồi nó vừa ngoáy tai vừa rử rỉ hỏi ông chuyện này, chuyện nọ.

Từ hôm đó cứ năm, bảy ngày ông Năm Sanh lại đến quán hớt tóc con Bé Hai cạo mặt, gội đầu.

Ở đây, ông có chỗ để nói đôi điều uẩn khúc giấu trong lòng. Chỉ những chuyện nhỏ thôi mà ông không dám xả ra với người khác.

Như chuyện con dâu ông nhắc ông đừng nói gỏi xoi, trái ời mà phải nói xoi, ời. Con dâu sợ con nó nhiễm cái giọng nhà quê của ông thôi chớ đâu có khinh khi ông. Ông nghĩ vậy.

Nhưng mà thật lòng ông thương quý vùng quê của ông nên không muốn sửa lại giọng nói. Nhiều lần ông thấy buồn khi nghĩ lúa già như ông chết hết rồi chắc không còn ai nói xoi, ời nữa.

Như chuyện ông không dám có ý kiến về cách dạy con của dâu ông. Ông thương hai đứa cháu nội quá. Mẹ chúng bắt học thêm toán, tiếng Anh, học bơi, học đàn, đá banh cũng phải học. Rồi chúng lại lên mẹ cắm đầu vào ai-phôn khi rảnh. Tụi nhỏ khổ thiệt. Còn nhiều chuyện ông chưa thể kể cho con Bé Hai như chuyện vợ ông và đứa con trai chê ông dờ quá; về hưu mà chỉ có chức phó phòng, tài sản không bao nhiêu so với những người cùng trang lứa.

Như chuyện ngày xưa vợ ông có đan dứu với tay chánh văn phòng tỉnh.

Như chuyện ông phải bán mấy miếng đất để trả nợ giang hồ cho thằng con ông-lúc còn trẻ- vì nó cá độ đá banh.

Như chuyện ông không tham gia vào các công việc mờ ám của cơ quan nên không lên chức trưởng phòng được...

Còn những chuyện sai trái liên quan đến thời thế ông càng phải để bụng, không nói ra. Mà có nói con Bé Hai cũng không hiểu.

Không có con Bé Hai ông không biết thổ lộ với ai. Vô lẽ ông ngồi một mình nhìn lên trời cao làm bầm nói những suy nghĩ của mình. Chỉ có khùng mới làm vậy.

Nói cho con Bé Hai nghe một ít chuyện dấu kín làm ông Năm Sanh giải toả được phần nào tắc nghẽn trong lòng. Ông thấy mình tạm thời nhẹ nhàng, dễ chịu. Y như tóc ông sau khi được con Bé Hai gội; sạch rồi cũng dơ lại thôi.

Con Bé Hai cảm nhận được sự lương thiện của ông. Ông không cố tình đụng chạm cơ thể nó, không nói những câu có ý suông sã.

Con Bé Hai thấy ông Năm Sanh khác xa với ba nó. Từ lúc còn trẻ ba nó đã làm ít, nhậu nhiều; tối ngày làm thơ tình, thơ chán đời, khoe tài với các dì, các thím trên Phây-Bút. Ba nó lại có máu dê, thường ghé nhà nghỉ, bia ôm.

Nó trốn học từ năm lớp chín, theo thằng Bảy Cúp học nghề hót tóc. Vài năm sau, chán cảnh gia đình nó bỏ nhà lưu lạc khắp nơi.

Phải chi ba mình giống ông Năm Sanh. Có lần con Bé Hai nghĩ vậy.

Bữa nọ, nó hỏi: bác Năm nè! Bác có làm thơ không bác?

Ông Năm Sanh ngạc nhiên vì câu hỏi. Rồi điềm đạm trả lời: hồi hai, ba mươi tuổi bác cũng có làm thơ. Nhưng rồi bác tự hỏi chính mình: tại sao mình làm thơ, và mục đích làm thơ để làm gì ?

Từ đó, bác không làm thơ nữa nhưng bác vẫn đọc, đọc nhiều hơn trước.

Cạnh nhà ông Năm Sanh là nhà bà Sáu Sung.

Bà Sáu Sung tuổi khoảng sáu mươi, làm nghề cho vay. Chồng bà lên lấy mười mấy cây vàng theo bò nhí. Bà chửi một trận kinh thiên động địa rồi ly dị luôn gần chục năm rồi.

Bà Sáu Sung ao ước được người chồng như ông Năm Sanh. Thừa dịp vợ ông đi Hàn Quốc, thỉnh thoảng bà đem cho ông gói trà nỡn tằm, chai mắm cá cơm.

Ông Năm Sanh nhận, cảm ơn. Nhưng xem ra không có ý gì khác. Điều này càng làm cho bà Sáu Sung quý mến ông thêm, khác xa với lão chồng cũ, thấy đàn bà là nổi máu dê.

Bữa nọ, tình cờ bà Sáu Sung thấy ông Năm Sanh nằm cho con Bé Hai ngoáy tai.

Bà tức khí, giả dò đi ngang qua tiệm hớt tóc, chửi đồng: ĐM! Ở đâu trôi về mấy con đĩ ngựa dụ dỗ đám già dê.

Không ăn được thì đập đồ, bà cấp tốc gọi Zalo cho bà Năm Sanh.

Bà Sáu Sung ứng khẩu hư câu ngay một câu chuyện ngoại tình mà nhân vật chính là ông Năm Sanh và con Bé Hai-rờ-cu-tê.

Bà kêu cho ngọn lửa sân si của bà Năm Sanh cháy bùng bằng câu tiên đoán: coi chừng ông bán nhà, bán đất giao cho con hớt tóc.

Nghe xong, từ Seoul bà Năm Sanh lập tức Face Time cho chồng.

Bà lòng lộn nhieếc mắng, sỉ vả ông thậm tệ suốt cả tiếng đồng hồ. Đại ý bà kết án ông hết một đời bất tài, vô dụng; gần xuống lỗ rồi lại biến thái, sa đoạ mê gái gú. Ông đã bôi nhọ thanh danh, làm xấu hổ uy tín của gia đình, con cái.

Ông Năm Sanh ngậm miệng, nghe bà luận tội. Không phản kháng, bào chữa.

Chưa đã con tức giận, bà Năm Sanh gọi thẳng con, bảo nó phải lên tiếng chửi ba nó.

Ác hơn hơn, bà báo cho tổ chức, nhờ họ theo dõi, ngăn cấm ông.

Xâm tổi, ông Năm Sanh ngồi bất động trên thềm nhà hoang vắng.

Ông nhìn mông lung. Cặp mắt thất thất thần.

Bủa vây quanh ông là khuôn mặt của những người thân quen.

Là cặp môi x ăm đ ỏ ch ốt, nh óp nh ếp nói không ngừng dưới đôi mắt như mụ phù thủy của vợ ông.

Là cái miệng cười x ạo x ạo, đôi mắt l ắm la l ắm lét của thằng con trai ông.

Là cặp mắt d ậm d ề, cái miệng cười tạo dáng cố tình khoe hàm răng giả bọc sứ của tay chánh văn phòng...

Nhiều, nhiều quá những con mắt, những cái miệng quay cuồng dòm ng ố, hét to vào tai ông, vào đời ông.

Ông x ăm x ăm, chóng mặt. Ông bịt tai, nhắm mắt.

Ông Năm Sanh nghe rất rõ tiếng chân nhiều người chạy thình thịch, tiếng còi tu huýt, tiếng gõ k ẻng, gõ xoong nồi như thời xưa dân làng đu ổi bắt trộm.

Có tiếng vợ ông, con ông, lão chánh văn phòng, gã tổ trưởng...đồng thanh hét lớn: bắt lấy lão già mất phẩm chất, vi phạm đạo đức. Đu ổi ra khỏi xóm làng kẻ xấu xa làm ô ố xóm nhân dân văn hoá mới.

Ông Năm Sanh hoảng hồn, đứng lên chạy.

Thời còn chiến tranh chưa bao giờ ông sợ quân đ ối địch.

Nhưng bây giờ ông sợ hãi những người thân quen.

Ông nh ảy qua hàng rào, chạy thực mạng.

Ông chạy băng qua con mương thời niên thiếu ông c ởi truông tắm mát.

Ông chạy qua đ ồng r ơm nơi lần đầu tiên ông nắm tay người con gái.

Ông chạy qua cổng làng, chỗ ấy má ông tiễn ông vào bưng biển.

Những khuôn mặt người từng cùng sống với ông vẫn đuổi theo. Cùng nhau hô vang khẩu hiệu kết án ông.

Ông ngẩng mặt nhìn lên trời, gào to trong đêm đen tĩnh mịch: tôi có làm gì sai đâu, tôi không có tội, tôi không có tội.

Ông chạy đến quán hớt tóc của con Bé Hai. Quán đã bị đập phá tan hoang.

Con Bé Hai nằm loã lồ, bất động. Nó khóc. Nước mắt ứa thành dòng, chảy tựa hồ không bao giờ cạn. Ông quỳ xuống khum lòng bàn tay cong, như hai dấu hỏi nghi vấn cõi đời này, húng lẩy đôi mắt to đen thánh thiện đang bị lệ cuốn trôi ra.

Ông Năm Sanh thần thờ, kiệt sức, lao đảo đi đến khu nghĩa địa. Bàn tay ông vẫn ân cần nâng giữ đôi mắt của con Bé Hai.

Trăng đêm đỏ quạch màu hoả châu như đêm thời chiến.

Nhiều người lính đứng hàng ngang chặn đường ông. Ông thấy rất rõ đó là những người lính đồng đội và cả bên đối địch lúc còn chiến tranh.

Mặt họ trẻ quá, chừng mười tám, hai mươi gì thôi. Họ giữ mãi tuổi thanh xuân lúc chết.

Một người nói: ông là người có tội. Thoả hiệp, cam nín, cúi đầu, không kháng cự lại cái ác cũng là sự bất lương. Ông là kẻ đào ngũ, phản bội. Là người lính thua trận, đầu hàng. Là người hèn.

Nghe xong, ông Năm Sanh mắt hết sức kháng cự. Bùn rùn toàn thân ông khuyu xuống, ngã người trên nền đất quê nhà. Mặt gục vào đôi mắt đen, buồn bã của con Bé Hai.

Trời ửng sáng. Ông Năm Sanh tỉnh dậy trước hiên nhà ông. Mình đầm ướt mồ hôi. Ông súc miệng, rửa mặt rồi đến bàn thờ thắp một cây nhang.

Cả tháng qua, ngày nào bà Sáu Sung cũng lên theo dõi ông Năm Sanh.

Bà thấy ông vẫn sinh hoạt bình thường như chăm sóc cây cối, ao cá.

Chỉ khác là chiều nào ông cũng ra nghĩa địa thắp nhang.

Điều bà đặc ý nhất là ông không ra quán hớt tóc của con Bé Hai.

Sáng hôm qua bà Sáu Sung không thấy ông Năm Sanh ra sân vườn như thường ngày.

Sáng nay, bà bỏ buổi đi đòi nợ, ngồi canh đến trưa cũng không thấy ông.

Đến chạng vạng tối bà Sáu Sung thấy lo. Bà bước qua vườn nhà ông.

Cửa nhà khép hờ. Bà đẩy cửa bước vào gọi to: anh Năm ơi! Anh Năm ơi!

Không có tiếng trả lời. Trong đóm sáng thê lương soi từ chiếc đèn dầu leo lét, bà thấy ông Năm Sanh gục đầu trên bàn, trước di ảnh người cha già của ông.

Ông đã chết.

Con Bé Hai nghe người ta nói ông Năm Sanh chết vì bị đột quỵ.

Đám tang ông long trọng, oai nghiêm. Có nhiều xe chở các ông chức lớn trên tỉnh, huyện về viếng.

Không có tụng kinh, gõ mõ nhưng có lính bồng súng hô nghiêm, chào trước linh cửu của ông.

Ông chánh văn phòng tỉnh trình trọng đọc diếu văn. Giọng ông thật lâm ly làm bà Năm Sanh muốn rung lệ.

Diếu văn có đoạn ngợi khen ông Năm Sanh là người cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, đạo đức tốt. Lại có đoạn biểu dương ông từ khi còn thanh niên đã chiến đấu vì quê hương, xứng đáng là tấm gương sáng cho mọi người noi theo...

Đọc xong, ông chánh văn phòng về lại bàn trà nói với mọi người: lão Năm Sanh chết vậy cũng sớm, thời nay sống đến tám mươi mới là thọ.

Ông hội trưởng hội nông dân tỉnh nói: ảnh ra đi đột ngột, không nằm bệnh lâu ngày là sướng cho ảnh và không làm khổ vợ con.

Không có ai khóc trong tang lễ. Con Bé Hai muốn vào thắp cho ông cây nhang mà không dám.

Nó chờ ở ven đường đợi con trai ông bung di ảnh đi qua. Trong ảnh, ông Năm Sanh mặc quân phục, ngực đeo nhiều huy chương. Nó cúi đầu chấp tay vái, cầu nguyện ông bình an ở cõi nào đó khác với cõi này.

Rồi nó khóc.

Sáng ngày hôm sau, lúc gọi đầu cho chú Bảy-bán thuốc tây, con Bé Hai nghe chú nói: hôm bữa, ông Năm Sanh có đến tiệm mua hai vỉ thuốc ngủ loại mạnh.

Buổi chiều, trong lúc đang cạo mặt, bác Chín-bán phân bón thuốc trừ sâu- nói: hôm trước khi chết, ông Năm Sanh đến tiệm ông mua bịch thuốc diệt sâu rầy. Con Bé Hai sững sờ, mất hết ý thức. Dao cạo cửa phạm vào cằm bác Chín.

Máu chảy ra nhiều. Con Bé Hai mất bình tĩnh. Nó đưa tay vội vã bịt vết thương.

Nó thấy hai bàn tay nó đẫm màu đỏ của máu tươi.

CON MẮT TRÔI DẠT

1.

Trong bóng tối của căn phòng nhà nghỉ có giọng nói phụ nữ: anh mở đèn lên cho sáng mà mặc đồ.

Tiếng nói của người đàn ông: cũng không cần, tiền để ở bàn, em cho số để anh gặp em lại.

Người phụ nữ trẻ bước ra từ phòng tắm, không gương ngậ dù không có gì che thân, nói: anh đưa máy, em bấm số em vào cho nhanh.

Người đàn ông: lưu tên gì đây em?

Người phụ nữ trẻ: anh tự đặt tên cho em đi. Thú thiệt là tụi em chỉ cho khách biết một cái tên giả.

Nghề tụi em phải vậy.

Người đàn ông ngồi nhìn người phụ nữ đang trần truồng. Ông thấy ái ngại vì nàng quá trẻ, như một thiếu nữ.

Người phụ nữ trẻ thản nhiên: anh cứ về trước, nghề tụi em không nên đi cùng anh khi ra khỏi căn phòng này. Nếu tình cờ gặp anh ở đâu đó, em sẽ không chào hỏi, như chưa từng gặp nhau. Giữ cho anh thôi mà.

2.

Người đàn ông đến trước.

Ông đợi người đàn bà trẻ trong toilet tắm của căn phòng nhà nghỉ.

Ở nơi đây, với người phụ nữ này, là điều bị đạo đức, pháp luật răn cấm nhưng ông lại được lãng quên, được sống.

Ra ngoài căn phòng, trở về nhà. Vợ, con ông như ở một thế giới khác. Họ không cùng suy nghĩ của ông. Ông lạc lõng trong căn nhà của mình.

Ra ngoài căn phòng, trong ánh sáng, ông phải thỏa hiệp với những kẻ gian xảo đội lốt hiền nhân. Ông phải vỗ tay tán dương sự dối trá xấu xa được nguy trang chân-thiện-mỹ.

Phải hèn hạ để được an toàn, sống sót.

Ông thấy thân thuộc với mùi ẩm mốc của căn phòng này.

Ông có những phút giây cởi bỏ lớp mặt nạ da người, trần trùng trong cảm giác tự do.

Ông tìm thấy sự bình an khi gặp người phụ nữ này, ở nơi đây, trong vũng lầy tắm toilet. Dù phía ngoài kia hoa vẫn nở, chim vẫn hót, đâu đó người vẫn sống hân hoan.

3.

Trong căn phòng tối, người phụ nữ trẻ đến trước.

Đề chuẩn bị hành nghề, nàng chỉ cần tắm. Khoác tạm chiếc khăn, nàng lên giường nằm chờ người đàn ông đến.

Nàng quá quen thuộc với nơi này, với những người đàn ông đến rồi đi.

Lúc mới làm nghề là sự cam chịu, lâu dần trở thành bình thường như làm những công việc khác.

Không có phép lạ để thoát ra, nàng phải tự cứu rỗi mình bằng cách biến thành loài côn trùng kiếm sống trong vũng lầy của con lũ vô tận.

4.

Trong bóng tối của căn phòng nhà nghỉ.

Người đàn bà nằm chờ người đàn ông. Nàng vừa tắm xong. Nàng nằm gác tay lên trán mà không suy nghĩ gì. Nàng đợi công việc phải làm.

Người đàn ông vào phòng. Khoá cửa.

Ông hôn lên trán của nàng, như cha hôn con. Hôn lên đôi mắt to u uất chìm sâu trong bóng tối, nụ hôn xót thương cho đời nàng, cho đời mình. Hôn khắp thân thể của người đàn bà trẻ, như hôn lên ân huệ cuối cùng của trò chơi đời đã nản.

Người đàn bà ôm bờ vai của người đàn ông. Như quán tính của một người trong dòng lũ, yếu đuối

bám vào cứu cánh mong manh. Một chút tình mọng ảo. Thoáng qua rồi trôi đi.

Nàng trở về cõi thực, nói nhẹ nhàng: anh cởi đồ ra đi.

Người đàn ông tha thiết: cho anh được âu yếm, được ôm em. Anh không muốn làm tình rồi vội vã ra đi. Cho anh được yêu thương em bằng tình cảm không dục vọng. Cho anh được làm người có lương tri.

Người đàn bà lặng yên. Nước mắt rơm rớm chực tuôn trào. Nàng khóc cho mình? Khóc cho người khách lạ? Hay khóc cho cả hai?

Trong chốc lát, người đàn bà đã chế ngự được cảm xúc. Nàng nói khô khan: em làm nghề này để bán thân cho anh thoả mãn nhục dục. Chỉ vậy thôi. Em kiếm tiền từ hành động đó. Nếu anh không hưởng thụ, em không nhận tiền và sẽ không gặp anh nữa.

Căn phòng lặng yên trong bóng tối. Có tiếng người đàn bà lặp lại câu nói lúc nãy: cởi đồ ra anh.

5.

Người đàn ông lại đến căn phòng nhà nghỉ.

Ông nhắn tin: em đến ghen. Anh đang chờ. Chỗ cũ, phòng 215.

Người đàn bà ngồi một mình trong quán cafe.

Nàng thấy tin nhắn mà không trả lời.

Một lúc sau, nàng rút sim.

Người đàn ông bấm máy, gọi.

Tiếng nói vô hồn của tổng đài: thuê bao quý khách vừa gọi không có thật. Xin quý khách vui lòng...

6.

Người đàn ông nằm bất động trên giường nhà nghỉ.
Người đàn bà trẻ ngồi lặng yên trong quán cafe.
Đôi mắt cả hai mở to nhìn vô hồn vào khoảng không. Như đôi mắt hai xác người dạt trôi trong vũng lầy của dòng cuồng lưu bão lũ.

MÙI CỦA MIỀN NHÂN GIAN

Ở quán cà-phê, tôi được nghe lóm nhiều câu chuyện lạ. Xin kể lại chuyện này.

1.

Cuộc đào tẩu thất bại. Từ vùng biển tôi đi ngược lại dòng sông.

Có lúc sợ gặp người hơn thú dữ. Thú rất minh bạch thiện hay ác. Thỏ không thể là cọp mà cọp cũng không thể là thỏ. Người rất khó lường.

Nhưng, dù người nham hiểm, dù rất sợ người, cũng phải tìm về nơi có người ở. Có người mới có sự sống, mới có đời sống.

Tôi không còn chút sinh lực nào để đi. Tôi lựa túp nhà trên gò cát làm mục tiêu để bò vào khi đêm xuống.

2.

Tôi tỉnh dậy khi nghe thứ mùi quen thuộc mà đôi lúc bị lãng quên. Mùi người, mùi đàn bà.

Trong vạt ánh sáng mờ dịu, liêu trai, tôi lơ mơ thấy một bầu vú tròn căng đang nhỏ sữa vào miệng tôi.

Có tiếng phụ nữ khẽ khàng: đừng động đây, thứ này hiếm, không thể làm rơi ra ngoài hoặc dính vào ly, muống đó ông.

Nàng nói, chi tiết mà gọn:

Ông cần phải uống sữa, phải nhanh có sức để rời nơi đây lúc ba giờ sáng. Lúc đó, người làng lội qua sông, xuống chợ. Ông lén đi theo, giả như người trong làng.

Xuông được sông là ông thoát.

Bây giờ là mười hai giờ đêm.

Quần áo ông đang mặc là của chồng em. Ảnh học tập hơn hai năm, về nhà được một năm thì có lệnh gọi xuống xã, rồi họ đưa đi đâu hơn ba tháng nay không tin tức.

Nhà chồng em ở trong xóm, hợp tác xã mượn làm văn phòng. Ba chồng em đi cải tạo hơn sáu năm rồi.

Em không thể ôm con về quê của em vì phải nuôi mẹ chồng, lâu lâu đi thăm nuôi, gửi tiếp tế cho chồng, ba chồng.

Em phải ở lại nơi này để chiều chiều ra cồn cát đợi.

Truyền thuyết vùng sông nước có lời nguyên: những người đàn ông đi xa không có người chờ ở hiên nhà sẽ chết đường, chết xá.

Như đã sắp đặt sẵn, nàng nói tiếp: ông vào bếp, mặc lại y phục đã hong khô của ông. Trong túi quần vẫn còn ba thẻ vàng, của ông. Em có để trong đó ít tiền

lẻ, ông mua thức ăn khi đến chợ. Còn ở đây, không ai mua bán gì đâu.

Có ba củ khoai, ông ăn hai, để em một củ. Ông phải ăn cho đủ sức vượt cò cát lầy, qua sông.

3.

Thay áo quần, ăn xong, tôi thấy đã phục hồi lại sinh lực và cảm quan.

Dưới bóng sáng yếu ớt của chiếc đèn hột vịt, nàng quần điều thuốc rê, le lưỡi dán, châm lửa hút.

Tôi lấy một thẻ vàng để lên bàn. Nhìn nàng, không nói gì.

Nàng le lưỡi liếm giấy quần một điều nữa đưa cho tôi, nói: ông hút hết điều thuốc cho ấm, rồi đi, đã đến giờ.

Tôi nhìn cái lưỡi của nàng và sinh khí bùng lên.

4.

Tôi run run cầm tay nàng. Bất giác tôi gục đầu vào bầu vú của nàng.

Mùi sữa người, mùi mồ hôi, mùi đàn bà, mùi ẩm mốc, mùi thuốc rê, có cả mùi nước tiểu trẻ em...

Tôi hít thật sâu và muốn chảy nước mắt. Tôi đang được tiếp tục sống.

Có tiếng trẻ con khóc.

Nàng siết chặt đầu tôi vào vú nàng trong giây lát, rồi lại đẩy ra.

Nàng nói: em phải vào dỗ cho con nín, nó khóc dễ gây sự chú ý. Ông đi cho kịp lúc.

Tôi bước vào bóng đêm, lún sâu vào cát lầy. Gió sông thổi xoá nhanh dấu chân.

Có ai bên kia sông tập thổi bài kèn chiêu hồn tử sĩ.
Có một người đàn bà xa lạ, bồng con, trong bóng tối nhìn theo tôi.

5.

Về sau, trong nỗi nhớ, tôi muốn gọi tên nàng, mà cũng không biết tên. Tôi đã quên hỏi.

Đêm đó tối quá, tôi cũng không thấy rõ mặt nàng để bây giờ hình dung ra.

Tất cả đều như ảo ảnh.

Chỉ có một thứ xác thực nhất là cái mùi chua nồng từ bầu vú của nàng.

6.

Hai mươi ba năm sau tôi mới có thể trở lại nơi đó.

Người chạy xe thồ nói: tui biết rồi, chỗ đó là động cát. Mấy mươi năm nay vẫn là nơi gái gú làm ăn.

Thời đó khổ quá, làm gì có nhà nghỉ, quán xá. Lầy

bãi cát làm giường, vài ký gạo, chục trứng vịt đã đủ
đổi được chút hoan lạc của kiếp người.

Đời mà, cũng qua thôi ông...

Gió sông đêm thổi u uất. Tôi muốn khóc. Phải chi
tôi khóc được sẽ nhẹ lòng biết bao. Đến bây giờ tôi
mới lơ mơ hiểu lúc đó nằng làm gì để sống.

7.

Tôi ước định vị trí mà hơn hai mươi năm trước tôi
đã gặp nằng. Gần ngã ba, con đường cát lún ngập
sâu mỗi bước chân đi.

Bây giờ là dãy quán cafe vống tiêu tụy, xiêu vẹo.

Tôi bước vào cái quán có tên Cát.

Trong vạt sáng tối nhá nhem, một con nhỏ nằm trên
võng phì phèo khói thuốc.

Nó nói trông không: uống cà phê hay đi vui vẻ?

Tôi ra vẻ dân chơi: cho coi hàng đi cưng.

Nó hất mái tóc ra sau, đưa tay mở một nút áo cho tôi
thấy vú. Tôi rùng mình, nổi da gà.

Tôi lặng người giây lát rồi nói: ô-kê!

Con nhỏ đi trước, tôi bám theo sau. Bước xuyên con
đường cát lầy.

Nó dẫn tôi qua một cái công, qua một khoảng sân
rộng, nói: nhà ông nội em. Xưa, giàu nhất làng. Ông
vào cái phòng thứ hai, chờ em tắm rửa cho thơm.

8.

Tôi ngồi, lấy thuốc hút, mở rộng cửa nhìn băng quơ ra khoảng sân đêm. Lòng không có chút tà dục.

Một phụ nữ từ phòng bên đi qua, nhìn tôi chằm chằm.

Tôi ngượng ngịu. Người đàn bà lão đảo sắp ngã xuống. Rồi, đứng dậy như con mèo cái, bay đèn, vồ lấy con chuột - là tôi.

Nàng ôm, hun mặt tôi. Hun lia lịa. Hun toi tả. Như mẹ hun con. Như gái goá hun trai tơ. Như mưa hun lá.

Tôi thấy có vị mặn của nước mắt lẫn trong mùi son phấn.

Con nhỏ tắm xong, bước ra. Nó kêu lớn: má kỳ quá! Khách của con mà.

Nàng ngưng hun, nói: Khách của tao, mà biết mẹ gì! Lúc mà còn bú tao đã quen ông này.

Nàng nói với tôi: ông đã uống ké phần sữa của con bé.

9.

Tôi khuyu xuống. Vùi mặt vào bầu vú của nàng.

Vùi tôi, chôn sâu vào miền nhân gian cát lầy miền viển.

VONG SỐNG

1.

Sau cơn hoan lạc, anh đưa tôi viên thuốc ngừa thai cấp tốc.

Tôi choáng. Cảnh vật sa sầm, tối mù dù tôi vẫn mở to đôi mắt.

Viên thuốc như một nhát búa đập nát vụn thiện cảm của tôi dành cho anh bao nhiêu lâu nay.

Đích đến của tình cảm anh dành cho tôi chỉ là thoải mái dục tách, và như sự chiến thắng trong trò chơi sao?

Viên thuốc là một khối chất nổ công phá thô bạo tình yêu đầu tiên của tôi.

Tôi không thích chiến tranh. Nhưng, hình như chỉ trong chiến tranh đàn ông mới thể hiện được sự khác biệt với đàn bà.

Chiến tranh đã qua lâu rồi mà hình tượng của những người lính-tôi cảm nhận qua văn học-vẫn ngự trị trong hồn tôi.

Hào hoa, lãng mạn nhưng dũng cảm, cao thượng.

Thời bình không có môi trường để phát triển phẩm cách của đàn ông.

Tôi có cảm giác đa số bị bệnh ái kỷ.

Như những con vong sống dật dờ, sợ hãi kiếp làm người.

(Tôi xin cúi đầu tạ lỗi những người đàn ông chân chính còn sót lại. Vì những người đàn ông tôi tiếp xúc khiến tôi nghĩ vậy).

2.

Tôi để viên thuốc trên bàn ngủ, cạnh nhánh hoa hồng anh vừa tặng tôi.

Bảy mươi hai giờ là thời gian văn minh, đạo đức, tiến bộ của loài người gián tiếp bắt buộc tôi tự huỷ diệt một mầm sống vừa được uơm vào cơ thể tôi.

3.

Cái màng nhện bao trùm cả bầu trời. Những sợi tơ lớn như dây chảo mềm mại, có màu của cầu vồng thật đẹp.

Dính trên lưới nhện là hình tượng của một khuôn mặt ấu nhi chỉ có hai con mắt và một cái miệng.

Đôi mắt to, đen. Miệng là một đoá hồng hàm tiếu.

Khuôn mặt của hài đồng chưa đủ nhục thể.

Nụ hoa đỏ mở ra, khép vào phát ra thanh âm của trẻ thơ, của gió, của tiếng chim non:

Dạ, cho tôi được làm người, được trở lại luân hồi.

Được làm người với những niềm vui và những nỗi đau của loài người.

Tôi không muốn lên thiên đàng, không muốn xuống địa ngục, cũng không muốn làm vong hồn, ngựa quý.

Tôi chỉ muốn làm người.

Xin đừng giết tôi.

4.

Tôi ném viên thuốc ngừa thai vào đồng sách bìa mạ vàng, chứa toàn triết lý đạo đức nguy hiểm, phi nhân tánh.

Một sinh linh đã thoát chết.

Tôi tự hỏi, mỗi giây trên thế giới này có bao nhiêu nhân mạng bị giết bằng các biện pháp ngừa thai?

5.

(Hình như, loài người chỉ được bình đẳng trong niềm hoan lạc vô biên của tình yêu nam nữ.

Đồng thời với dục lạc đó là nhiệm vụ sản sinh ra thế hệ loài người tiếp nối. Và làm cho thế hệ sau hạnh phúc hơn mình.

Chúng ta quá ích kỷ và tàn nhẫn. Thụ hưởng mà chối từ trách nhiệm. Thế hệ đi trước được quyền, được khuyến khích, được trang bị nhiều biện pháp để giết chết thế hệ sau từ khi mầm sống chớm thành hình).

6.

Con tôi được làm người.

Đến khi nó học những mẫu tự - trí tuệ của loài người- cũng là lúc những sợi tơ của mạng nhện tóm lấy nó.

Tội nghiệp, khi nó lên lớp Năm khối sách vở nặng nề, cũ kỹ, chông chất bao phủ lấy nó- như một nắm mồ chôn sống tuổi thơ- thời gian đẹp nhất của kiếp làm người.

7.

Con tôi trưởng thành. Nó vùng vẫy, nỗ lực, cố thoát ra khỏi lưới nhện.

Một sợi lưới bị đứt. Con tôi thoát ra, đào tẩu đến một vùng trời khác.

Ngờ đâu, nhiều sợi lưới nhện tinh ranh hơn, quẫy quái hơn âm thầm tóm lấy nó.

Không có bầu trời nào khác cả.

Mạng lưới nhện đã phủ kín nhân gian.

8.

Người nghệ sĩ mang nặng thai nghén ý tưởng. Và, trong sự đau đớn đã hân hoan khi sinh ra nghệ phẩm.

Đứa con của nghệ sĩ là tác phẩm, nó có cuộc đời riêng. Nhiều khi tên nhân vật được nhớ hơn tên tác giả.

9.

Lưới nhện không lồ tóm cổ nhân vật từ lúc mới thai nghén trong ý tưởng. Nhào nặn, sơn phết, biến dạng theo di ngôn của những tượng thần đã chết từ lâu.

Có cả thuốc ngừa thai, có cả vòng kim cô để ngăn ngừa sinh ra những tác phẩm có khả năng đánh thức chân-thiện-mỹ của nhân tánh.

Có cả ném đá hoặc vỗ tay. Nhân vật bị điếc tai, bị sợ hãi hoặc huênh hoang vong ngã.

Người nghệ sĩ không còn thấy đứa con của mình nữa. Nó thành một vong hồn đã dị dạng.

Bi đát hơn, khi người nghệ sĩ đã vong thân, không còn là chính mình; dần dà thoả hiệp với cái ác để được tồn tại.

Độc ác hơn, để được sinh ra tác phẩm, họ tự giết những đứa con không giống với khuôn mẫu đã được đúc sẵn.

Nhân vật của tác phẩm chỉ còn là những con vong chữ.

10.

Những nhân vật bước ra ngoài ngôn ngữ ước lệ, khuôn mẫu giam cầm, thoát khỏi tác giả và tác phẩm.

Trở thành con người thật.

Đó là những chú chạy xe ôm, những em ca-ve, những chị bán hàng rong, những bác hưu trí, những chủ tiệm nhậu, những người lính già đầu bạc, những nghệ sĩ không màng danh hiệu...

Họ đồng thanh nói lời mộc mạc:

Cho chúng tôi làm người
dù vô vàn ải khổ

chúng tôi không hề muốn
trốn trách nhiệm làm người
Cho chúng tôi được sống
theo sở nguyện riêng mình
đừng bắt tôi thí nghiệm
sống theo một giáo trình
Cho chúng tôi làm người
sảng khoái khi ăn ngon
hân hoan khi mặc đẹp
khoái cảm khi làm tình
Biết yêu thương thù hận
Biết ham muốn thất vọng
Tôi không muốn thành thánh
cũng không thích làm vong
Chúng tôi là con người
chỉ mong được làm người.

Hoà âm lời nói có điệu rao hàng của những người
mẹ trên hè phố. Có âm vang tiếng kèn của những
người lính đánh giặc ngoại xâm. Có giọng hò tình tự
của trai gái trong đêm hội làng quê. Có tiếng gõ búa
của người cần lao trong nhà máy. Có tiếng gọi trâu
trên ruộng đồng. Có hơi thở dài u uất của những em
ca-ve, những em ghiền ma túy..

Không phải thánh ca. Không phải đạo ca.
Đó là bài ca của những người bình thường.

11.

Bài ca hoá thân thành những cánh bướm, luồn lách qua lưới nhện. Bay đi.

Đàn bướm trú thân vào mảng xanh của một bức tranh, ẩn trốn trong những lời thơ thoát tục.

Trong chốn bình yên giả tạo đó đàn bướm khoe khoang màu sắc của đôi cánh mong manh.

Những con bướm chập chờn vỗ cánh bay riêng lẻ. Chúng tự tôn, mê muội bởi chính mình.

Quên đi thân phận của những con vong chữ.

12.

Đằng sau mảng màu xanh của bức tranh bình yên, cái bẫy của lưới nhện đã mai phục trước.

Những sợi dây vô hình của màng lưới nhện tỏa ra; tóm lấy những cánh bướm- những con vong chữ.

Bầy nhện thả vòl hút sinh khí của những con bướm.

Bướm vẫn vỗ cánh riêng lẻ, hợm hĩnh khoe thân sắc trong màng lưới nhện trùm kín cõi nhân gian.

Nhịp đập yếu ớt của đôi cánh bướm không đủ để hồi sinh thân phận riêng mình.

Bướm nhớn nhơ bay. Quên mình đang chết mòn.

Quên bản thân chỉ là một vong sống, chưa từng được thực sự làm người.

13.

Một ngày kia...

Có tiếng tù và ngân vang trên vòm trời bị bao trùm
lưới nhện.

Đánh thức những vong hồn sống.

Những con bướm đồng loạt vỗ cánh.

Một trận đại cuồng phong bất ngờ thổi rách tan
màng lưới nhện.

Còn ai nhớ tiếng tù và của thời thơ ấu?

CỐI BỒNG LAI

(Cổ sự tân trang)

1.

Đất Nam Châu có người tên Kỳ Sinh. Thuở nhỏ thông minh hiếu học, tuổi thập tam đã nổi tiếng trong vùng.

Kỳ Sinh có tâm trạng u uẩn. Không như bạn bè cùng lứa, người dùi mài kinh thư mong đỗ đạt làm quan văn, kẻ trau dồi quyền cước hòng thành võ tướng; Kỳ Sinh đậu tú tài xong liền bỏ học, về quê làm thầy đồ dạy trẻ.

Có người thắc mắc: sao không tiếp tục đường khoa cử làm quan đặng vinh thân, rạng rỡ tông môn?

Kỳ Sinh chân tình hồi đáp: cổ nhân có câu “Làm thầy thuốc mà sai lầm thì chỉ giết một người. Làm chính trị mà sai lầm thì tàn hại cả đất nước. Làm văn hóa sai lầm thì gây tai họa muôn đời”.

Tôi tài mọn, chí hèn không dám cáo đáng việc vượt khả năng.

Thời này đám quan lại đa số bất lương, chỉ lo vợ vét bổng lộc quên dân đang nghèo khổ.

Kỳ Sinh ưu thời mẫn thế, ngoài việc gõ đầu trẻ chỉ biết giải khuây với cỗ nội mây ngàn, tách trà, chung rượu lãng quên nhơn tình thế thái.

Chiều nọ Kỳ Sinh thả hồn theo bước chân không định hướng, đến khu nghĩa địa cạnh rừng.

Không gian yên tĩnh, cảnh quang u tịch níu chàng dừng chân, ngồi xuống vật cỏ xanh, tựa lưng đá tảng, nhâm nhi bầu rượu mang theo.

Đêm xuống, rượu đã cạn bầu. Nửa mê, nửa tỉnh Kỳ Sinh thấy mình đang đứng trước một cái cổng lớn. Phía trên có tấm bảng sơn son thếp vàng ghi ba chữ đại tự: BÔNG LAI QUỐC, dưới ghi mấy chữ tiểu tự: vô ưu-bình đẳng-sung sướng.

Trong cơn say Kỳ Sinh không nghĩ ngợi đắn đo, đi qua cổng.

Chàng thích thú với sự ngăn nắp, trật tự của thành phố. Trên đường xe tứ mã, thất mã nối nhau chạy. Lê đường người người chậm rãi cắm cúi nhìn phía trước mà đi.

Cũng lạ, người trên xe ai cũng mặc áo đỏ. Người đi bộ có nhóm mặc áo xanh, nhóm áo nâu, nhóm áo lam...Nét mặt ai cũng đờ đờ không vui, không buồn.

Buổi rượu đêm qua làm Kỳ Sinh thấy đói. Chàng nhìn thấy một cửa hàng có bảng đề: Trung Tâm Cung Cấp Dinh Dưỡng. Chàng nghĩ thầm: chả khác xứ ta, chữ nghĩa cầu kỳ mà không biết thứ gì trong đó, chắc là bán đồ ăn.

Kỳ Sinh xăng xái bước vào, lại thấy khẩu hiệu: Làm theo năng lực, ăn theo nhu cầu. Ăn no bụng, không trả tiền.

Chắc chưa đến giờ ăn nên ít khách trong cửa hàng. Một nữ nhân, có lẽ là người phục vụ nhìn chàng bằng cặp mắt không cảm xúc.

Chàng cười thân thiện: chào người đẹp. Nữ nhân nói như máy:

Bồng Lai Quốc hân hạnh đón khách. Khách được ăn, nghỉ, mua sắm không tốn tiền. Ở Bồng Lai Quốc không dùng tiền, chỉ trao đổi, không có giàu nghèo. Mọi người đều bình đẳng, không có tài sản riêng tư, tất cả đều là của chung.

Xin chào đón quý khách đến Cõi Bồng Lai.

Kỳ Sinh xem thực đơn, chàng thấy tên các món ăn là lạ như: bánh xe lịch sử, cá gỗ chiên mắm, canh toàn quốc, phở không người lái, cà-phê pin, bún tấm hàn the, tôm ướp phóc-môn, sầu riêng ngâm thuốc tím, lá lốt nướng sấu xanh...

Chàng gọi mấy món, ăn thử. Đang đói nên thấy ngon miệng và có thiện cảm với đất nước hiếu khách này. Chàng muốn tìm hiểu sao là ăn no bụng, không trả tiền; làm theo sức, hưởng theo muốn?

Nếu quả thật được vậy thì đây đúng là cõi bồng lai, một chốn dung thân mà chàng hằng ao ước.

Bụng no óc tò mò, Kỳ Sinh nhìn bên kia đường thấy một bảng hiệu ghi: Nhà Sách Vĩ Nhân.

Chàng lại nghĩ: nước này lạ thật, ăn lạ mà tên cái tiệm bán sách cũng lạ, chưa từng thấy.

Kỳ Sinh vốn e ngại hai chữ vĩ nhân. Do có đọc sách nên chàng nghiệm ra mười ông vĩ nhân thì có chín ông không trực tiếp cũng gián tiếp tạo nên binh đao, chêt chóc, khổ ải cho dân lành.

Kỳ Sinh vào nhà sách. Người bán sách nói, cũng như máy: Bồng Lai Quốc hân hạnh đón khách ngoại quốc. Khách được đọc sách tại chỗ hoặc đem về nhà mà không tốn tiền. Xin mời.

Kỳ Sinh thắc mắc hỏi: vì sao có tên là Nhà Sách Vĩ Nhân.

Người bán sách trả lời, như máy: nước tôi chỉ cho xuất bản sách của những vĩ nhân; tức là những tư tưởng làm thay đổi đời sống của nhân loại.

Chàng lấy một bộ sách lý luận kinh điển ba quyển có nhan đề “Luận Về Hạnh Phúc Trong Khi Đói Bụng”, một cuốn thơ tên “An Yên Khi Bị Giang Hồ Đòi Nợ”, một tập nhạc tuyển”Níu Tuổi Già Yêu Em Bé Nhỏ”.

Chàng lại thầm nghĩ: sách của vĩ nhân xứ này có lẽ khác với vĩ nhân quê mình; đúng là những tư tưởng đột phá phi thường khả dĩ đem đến hạnh phúc cho nhân gian trong cảnh ngộ bị cực. Mình phải mua về học tập để thay đổi cuộc đời.

2.

Ra khỏi nhà sách, Kỳ Sinh lại thấy một cửa hàng có bảng hiệu: Cửa Hàng Đổi Mạng Sống.

Chàng vào, hỏi: đổi mạng sống là sao, đổi cái gì để được mạng sống?

Quản lý trả lời: rất dễ hiểu, đổi một bộ phận của cơ thể. Ví như muốn sống lâu thì đổi một cánh tay, một cái chân; sống ngắn thì đổi một ngón tay chẳng hạn. Thấy Kỳ Sinh ngẩn ngơ, chưa thông, ông ta giảng rõ thêm: này nhé, giả dụ khi có chiến tranh, ông phải tòng quân, ra chiến trường gặp lưỡi kiếm, mũi tên ông có thể chết. Muốn sống, quý khách vào đây chặt một bàn tay, khỏi đi lính, để sống. Dễ hiểu mà.

Người này giảng thêm: thời này ít đao binh nên khách hàng cũng vắng. Chỉ có nhiều quan lớn ở nước nọ tham lam, những lạm bị tội chết, đặt hàng để được cứu sống.

Chúng tôi đang nghiên cứu xem họ cần phải đổi bộ phận nào trong cơ thể để thoát án tử hình.

Có lẽ nên thay dòng máu quý của họ thôi.

Kỳ Sinh nghe giảng thấy cũng có lý nhưng kinh dị quá. Đầu óc lúng búng, chàng vội bước ra khỏi cửa.

Con đường này chắc là trung tâm thương mại nên nhiều cửa tiệm sát nhau. Kỳ Sinh thấy có các bảng hiệu như: Cửa Hàng Bình An, Viện Trùng Tu Nhân Sắc, Tiệm Thăng Quan Tiến Chức...

Là đàn ông, Kỳ Sinh không để ý đến nhan sắc của mình. Bản tính chàng cũng không thích làm quan, chỉ mong hai chữ an lành cho cuộc sống.

Nghĩ vậy, Kỳ Sinh hớn hờ bước vào Cửa Hàng Bình An.

Tiếp đón chàng là một người trung niên. Ông ta nói: hy vọng sau khi ra khỏi tiệm quý khách sẽ thấy mình thư thái tinh thần, bình an trong cuộc sống.

Đã có kinh nghiệm trải qua mấy cửa hàng, nên Kỳ Sinh vào đề ngay: muốn bình an thì đòi cái gì?

Chủ tiệm khoan thai giảng giải gọn: Tâm yên đòi an, tâm phản kháng đòi lao đao.

Kỳ Sinh gật gù: chí phải, chí phải.

Chủ tiệm tiếp tục nói: tâm không yên vì tai, mắt nghe thấy chuyện thị phi, làm tâm hoài nghi, âu lo; miệng nói lời ngược với sách dạy ắt họa vào thân.

Kỳ Sinh nhắc lại: vậy đòi cái gì để được sống bình an?

Chủ tiệm trả lời bình thản, như máy: đòi cái màng nhĩ, cặp mắt, cái lưỡi. Cất bỏ lại tiệm. Không nghe, không thấy, không nói; đòi ông chắc chắn bình an vô sự.

Kỳ Sinh ngẫm nghĩ nhanh, thấy cũng đúng. Chàng hỏi thêm: không nghe, không thấy, không nói, vậy được làm gì?

Chủ tiệm đáp gọn: được làm thơ tán dương công đức của vợ. Đơn giản, thiết thực, để đòi ông sống bình an.

Kỳ Sinh nghe xong vội vàng đáp: ông nói chí phải nhưng mà từ từ để tôi suy nghĩ thêm. Cảm ơn ông.

Kỳ Sinh ra khỏi tiệm đứng trên ngã ba đường, thần thờ không định hướng đi. Tán chàng hiểu kỳ mà xứ này lại toàn chuyện lạ đời nên Kỳ Sinh muốn tìm hiểu thêm.

Lại thấy một bảng hiệu đề: Trại Huấn Luyện Kỹ Năng Sống. Kỳ Sinh bước vào, chàng hỏi người tiếp khách: Dạ, chào ông, huấn luyện kỹ năng sống là sao, thưa ông?

Ông kia nói: ở đây huấn luyện cho mọi động vật theo nhu cầu của khách, trong đó chủ yếu là huấn luyện cho con người, vì con người cũng là động vật.

Kỳ Sinh nói: ở xứ tôi cũng có nhiều trại giáo huấn như ở đây.

Ông kia cắt ngang: xứ ông chỉ có thể làm cho con chó chạy nhanh hơn, ngửi mùi thính hơn; ở trại này huấn luyện cho con chó biết bay, con chim sống dưới nước...

Kỳ Sinh ngạc nhiên, khâm phục: xứ ông thiệt quá tài. Xin hỏi phải đòi gì để được huấn luyện.

Ông kia trả lời: con cá sống dưới nước tức là sống theo thiên tánh, sanh ra đã biết bơi, không cần dạy. Huấn luyện cho cá sống trên cạn tức là cá sống bằng nhân tánh, do người giáo huấn.

Quên thiên tánh, sống bằng nhân tánh là đã đánh đổi rồi đó ông.

Kỳ Sinh thắc mắc tìm hiểu: giả dụ như ông huấn luyện cho con chó biết bay rồi nó còn chạy được trên mặt đất nữa không?

Ông kia giảng giải: phàm đã trao đổi xong sẽ quên tuốt luốt tánh trời cho. Con chó không thể đi trên mặt đất, nó không biết sủa, chết mòn.

Kỳ Sinh hoang mang, không biết những điều tai nghe, mắt thấy là đúng hay sai. Chàng nghĩ, do mình

chỉ đến trình độ tú tài nên chưa đủ khả năng nhận thức được triết lý sống cao siêu của Bồng Lai Quốc.

Định thân giấy lát, Kỳ Sinh bỗng rùng mình ngộ ra: trên trái đất này nơi nào cũng dùng triết lý cao siêu, quyến dụ con người đổi cả đời mình lấy những điều không thực, không cần thiết, thậm chí là độc hại.

Kỳ Sinh vội vã ra khỏi trung tâm thành phố, chàng không muốn về lại cố hương, không muốn ở lại nơi này, cũng không định được sẽ đi hướng nào.

Biên cả bao quanh, không tìm ra lối thoát. Kỳ Sinh đứng trên ghềnh đá cao giữa thế gian mù mịt, ngẩng đầu lên hát:

“Thất tung nguồn cội
đi về lạc lối
đất trời lỏng lẻo
không chốn dung thân...”

Gần trăm năm sau, vào những đêm bão biển, ngư dân vẫn còn thấy thấp thoáng bóng dáng một lão ông tóc râu bạc trắng, ngồi trên chiếc thuyền nan lênh đênh giữa sóng cả nghìn trùng.

CHUYỆ N L Ầ

(L ầ l ầ r ồ i, khi t ồ i c ồ n nh ỏ, trong d ầ n gian truyề n nhau c ầ u chuyề n n ầ y, kh ồ ng biế t t ầ c gi ầ . C ồ l ẽ nhiề u b ầ n đ ầ nghe qua, t ồ i xin k ể l ầ i).

•••

C ồ anh n ồ bị ở tù, bắt đ ầ c một con cá trê lớn. Anh ta đ ề m về phòng giam, cho cá s ồ ng trong cái thau. Chăm s ồ c cá y như nuôi cá cảnh.

N ầ c thiế u, anh hạn ch ế , nuôi cá trong cái n ồ i. R ồ i d ầ n d ầ n, th ồ ch nghi m ồ i trường, cá chỉ cần một t ồ nước c ầ ng s ồ ng.

Ba n ầ m sau, tr ồ i kh ồ hạn, con cá kh ồ ng c ồ nước mà nó v ầ n s ồ ng kh ồ e.

Anh n ồ x ồ một sợi d ầ y cước vào m ồ i con cá, d ầ t đi như chó. Con cá nh ầ y l ồ c c ồ c theo r ầ t ng ồ ngh ầ nh.

Anh ta đ ầ c trả tự do. D ầ t con cá ra tr ầ i. Tr ề n đ ầ ng đi g ầ p mưa lớn. Anh ta trú vào má i hiề n một nhà tr ề n phố.

Tr ồ i mưa, đ ầ ng tron, con cá tr ồ t t ề xuống v ầ ng nước lớn.

Anh ta tự nh ầ : mình đ ầ c tự do c ồ n con cá đ ầ c trở về v ồ i nước.

Gi ầ y lát, anh nhìn con cá, th ầ y nó chìm l ầ m.

Anh ta v ồ t nó lên. Nó t ầ t th ồ . Đ ầ ch ế t đ ầ i.

*

Tôi có tánh tò mò, thường để ý đến những chuyện lạ đời, rồi suy nghĩ tìm hiểu.

Câu chuyện này chắc có ẩn ý gì nên mới lưu truyền trong dân gian thời đó.

Lúc nhỏ tôi không hiểu. Đến bây giờ, thật lòng tôi vẫn không biết ngụ ý của câu chuyện.

Nên kể lại, để các bạn suy luận dùm tôi.

MÔI TRINH KỸ NỮ

(Cổ sự tân trang)

1.

Em là người xứ Nam Châu. Tên thường gọi của em là Đại Loan, để phân biệt với Tiểu Loan ở xóm Đoài.

Em thành ma nước Nam vào ngày 17 tháng 2 năm 279.

Ngày này có quá nhiều người tử vong nên ai cũng nhớ, dù sử sách có ý không ghi.

Do chết oan, chưa được đầu thai, em vẫn giữ nguyên tuổi thanh xuân khi từ trần, thành ma nữ.

Em làm đĩ. Nói vậy nghe thiếu văn học. Nhưng kỹ nữ, cô đầu, bia ôm hay chân dài ... gì gì thì cũng là làm đĩ.

Xấu, tốt tại người, không do nghề. Hiêm mẹ gì tiền sĩ, tướng quân, văn hào, thi bá, khanh hầu... mà ác nhân, giả nghĩa ức hiếp lương dân, bóc lột bá tánh.

Em là kỹ nữ. Cái nghề xấu nhưng mà em tốt. Em không bóc lột ai, chỉ có khách hàng bóc lột em. Họ bóc lột em khiếp lăm, không còn mảnh vải che thân.

Em còn làm từ thiện đó. Có anh thợ xây, vợ giao ngân lượng mua tã lót cho con; ảnh lấy, đưa cho em xài. Em thấy cảm động chỉ lấy phân nửa. Để ảnh có tiền mua tã.

Em cũng không dụ dỗ, lừa gạt ai. Tiền trao, cháo múc. Đùng giá thị trường.

Có nhiều anh, mê em như mê thuốc lào. Biểu em bỏ nghề, anh ấy sẽ bỏ vợ, cả đời yêu em. Chỉ một mình em.

Em tìm cách từ chối. Ngu gì nghe. Em không làm hại hạnh phúc của mấy chị vợ. Ác giả, ác báo. Rồi mấy anh này cũng chán, cũng chê em, theo con đường khác.

Em thường nhắc nhở khách hàng: gặp em, cứ gặp, nhưng phải nịnh vợ. Mà khỏi bày, mấy anh cũng biết. Nịnh vợ, vợ không nghi ngờ mới lén gặp tụi em được.

Em làm kỹ nữ. Nghề dơ dáy? Không! Em cho là nghề tụi em sạch lắm. Sáng thức dậy đã tắm sạch sẽ xịt dầu thơm phức. Y phục thời trang, đẹp từ áo quần cho đến nội y.

Cứ nói kỹ nữ là nghề dơ dáy. Bậy! Nói mà thiếu suy nghĩ. Mấy chị nữ sinh trong trắng, được anh nhơn tình đem ra chòi vịt, đè xuống. Toàn mùi lông vịt. Đâu có sạch như giường nệm nhà trọ. Mấy chị bán cá vừa về nhà. Anh chồng thèm, lòi vào phòng, tanh thấy con đường mẹ.

Tóm lại nghề em sạch. Quá sạch. Thơm tho từ da đến tóc. Sạch hơn mấy ông, mấy bà tiến sĩ, giáo sư, bác sĩ, tướng quân, chính khách bán lương tâm cho quỹ tham dực.

Từ khi có xã hội loài người, biết bao nghề đã không còn. Như nghề cầm lọng che mát cho quan, nghề mài võ, nghề ở vú cho con nít bú ...

Chỉ có nghề làm đĩ là còn mãi mãi. Và, chắc như bắp, là còn đàn ông là còn con đĩ.

Vì sao? Vì nghề làm đĩ cần thiết cho cuộc sống.

Không có những nhà thơ, nhân loại cũng không quan tâm.

Nhưng, không có đĩ thế giới sẽ náo loạn, bất bình an.

Không có nàng Kiều (bà đĩ nổi tiếng nhất trong văn học) chắc không ai nhớ đến Tố Như, Từ Hải.

Nhờ có tụi em hiệp dâm giảm đi nhiều. Cái cảnh ba, bốn bà chung một ông chồng chỉ còn một số nơi trên thế giới.

Nhờ tụi em mà quý ông có nơi xả bớt xì trét. Khi quý bà đã vào hội người cao tuổi, hết ngứa ngáy thì các ông vẫn còn sung. He he! không có tụi em, lấy gì làm cho các ông cân bằng ý thức?

Ý cha! Em ăn nói thô tục, lý sự lung tung mà chưa đi vào đề tài chính.

Vì sao truyện em kể lại có tên là “Môi trinh kỹ nữ”?

He he! Đã làm đĩ mà còn trinh cái mẹ gì!

Nếu quý đọc giả muốn biết, hồi sau em sẽ kể tiếp.

Trời sắp sáng, em là ma nữ không thể ở dương gian khi có ánh mặt trời.

2.

Ai bảo làm dĩ là khổ? Làm dĩ quá xá sướng.

Em bán cho khách cái hoan lạc của kiếp người. Và em cũng nhận lại điều huyền diệu đó.

Khách được mua niềm lạc thú tốt cùng để hoá giải những nỗi đau cũng tận đáy của cõi nhân sinh.

Giây phút ấy là sự lãng quên mọi gánh nặng trần gian. Thời khắc ngắn ngủi ấy là thiên đường có thật. Không huyền hoặc như những pho sách cao siêu, viễn vông.

Quà tặng lạc thú đó trời ban bình đẳng, không phân biệt chức vụ, học vị, giai cấp.

Em, nói dóc chút, em như người được trời đất uỷ nhiệm để bán cho các đấng trượng phu niềm hoan lạc. Nhanh chóng, được chọn lựa, hợp túi tiền, không gây hậu quả rắc rối.

Và, đương nhiên em được trả công. Đã sướng mà còn được ngân lượng. He he! Thế gian này có nghề nào sướng bằng làm kỹ nữ không?

Quý hảo hán đến với em y như đến với tình non. Chàng nào cũng chịu chuộng, ga lăng, cưng em còn hơn bà vợ già của chàng.

Năm trước, có chàng ký giả xứ Kỳ Hoa, gốc dân ta, đến. Chàng nói cái miệng em đẹp y chang minh tinh màn bạc Bi Rít Bạc Đô gì đó.

Chàng ðe em ra hun môi. Em không chịu, nói: tình lang có thể hun bất cứ nơi nào trên cơ thể trừ cái miệng của em.

Chàng ký giả hỏi: toàn thân, chỗ nào người ðẹp cũng cho hun, cho hít, mắc mớ gì không cho hun môi?

Em nói như muốn khóc: em xin anh! ðừng hun môi em .

Chàng không ðe lên người em nữa, ngồi dậy phần khích: ta ðưa em gấp hai ngàn lượng ðể hun môi, em chịu chưa?

Em nói: Không!

Gấp năm.

Không!

Gấp mười.

Không !

Chàng này cũng nhọn ðức, nói: em khó hiểu quá, mà vì sao?

Em im lặng giây lát rồi ôn tồn: dạ, thiếp xin chàng ðừng tìm hiểu.

Tuy có âm ức nhưng chàng không gây sự gì.

Ngày nọ, có quan nhân người Bắc Kinh ðến. Hấn hành hạ em ðủ mọi bề.

ðến công ðoạn chính, hấn lại trót quót. Em lờ ngu chê: chán cái anh này! Làm người ta mất hứng .

Hấn quê ðộ, tức khí ðe em ra. Nhè môi em mà hun.

Ý là muốn bù lại chỗ quyền lợi không hưởng ðủ.

Em chống trả quyết liệt như đánh quân Nguyên xâm lược. Em la làng: Cứu! Cứu! Hiếp dân! Hiếp dân! Mấy chú bảo kê chạy vào. Thiết bãng, trường đao, nhị khúc múa loang loáng.

Hấn sợ teo hồn mà còn ra vẻ anh hùng chửi: Địt má! Đĩ ngựa mà không cho tao hun. Tao đã từng hun người mấu, nữ sinh, ca sĩ .. mà y có khùng không con kỹ nữ?

Hấn đi rồi, mấy chú bảo kê chọc em nói: Ha ha! Làm đĩ mà còn lo bị hiếp dân. Ngàn vết cào, cắn khắp thân thể còn phải chịu, mắc mớ gì không cho nó gặm cái mỏ hổn.

Em thối cười quá. Em cười mà nước mắt em chảy.

Thưa các huynh, các tỉ: đời con gái ai cũng muốn có chồng, có con.

Em là kỹ nữ. Kỹ nữ cũng là người. Cũng có cái ước mơ như tất cả những đứa con gái trên thế gian này. Có một gia đình, có những đứa con.

Làm nghề gì cũng được có chồng. Trời ạ! Cái mù sòn sòn cụt một chân bán vé số dạo cũng có lão chồng mù. Chiều chiều, mù xi cà que dẫn anh chồng mù đi ăn chè. Em thèm được vậy.

Sao làm kỹ nữ hoặc đi tu thì không có chồng? Quy luật đó bắt thành văn mà không thể né.

Trừ phi em bỏ nghề.

Vài con kỹ nữ như em cũng có chồng hờ. Những thằng chó đực này chờ vợ hờ đến nhà thổ, làm bảo

kê khi bị uy hiếp. Vợ hờ phải cung phụng chúng mọi điều.

Chúng không phải là chồng mà là loài bọ chét. Hút máu của loài kỹ nữ chúng em.

Không chồng, lúc còn xuân sắc có thể gắng gượng cho qua. Về già, bình đã khô tóp, rượu đã cạn kiệt thì đâu còn gặp các anh hùng, hảo hán để tỉ tê tâm sự. Nửa đêm thức giấc, giữa sóng gió biển đời, tay em bấu víu chỗ nào?

Đầu Xuân vừa qua có chàng thi sĩ ghé đến. Xong việc chính, ảnh hàn huyên cùng em. Nghe chuyện em bị thằng Bắc Kinh hành hung. Chàng thi sĩ nói: sách thánh hiền dạy: phạm là phụ nữ và cả làm người, điều phải giữ là Trinh-Tiết.

Đa số chỉ mới hiểu chữ Trinh .

Em lào cào xen vào: he he! em biết! trinh là cái màng nhỏ, mỏng còn hơn cái bao cao su. Lần đầu tiên được sướng nó nhỏ ra ít nhiều huyết y chang tiết canh chim.

Mấy cha văn nhân quảng cáo là giá cả ngàn lượng vàng. Mơ đi, không thực tế, hỏi má em bán cái trinh của em chỉ có hai chỉ thôi hà.

Anh thi sĩ cắt lời em: đó đó, em chỉ hiểu phần xác.

Phần hồn của chữ Trinh là sự tinh khiết, trong sáng, thanh cao.

Còn chữ Tiết là lòng ngay thẳng, trong sạch, giữ trước sau như một.

Anh thi sĩ cao giọng giảng tiếp: em bán thân xác, nhưng em không bán nhân phẩm. Em mất trinh. Đúng theo nghĩa đen. Nhưng em vẫn còn trinh.

Em giữ đôi môi, không bán, bất cứ giá nào. Đó chính là Trinh-Tiết thật sự.

Trong hoàn cảnh nghiệt ngã của cuộc đời, bằng một cách khác, em vẫn giữ được trinh tiết của mình.

Em còn đáng trân quý hơn đám người có học hàm, có địa vị mà mất hết lương tri vì danh lợi.

Nhân phẩm của họ thua xa một kỹ nữ như em.

Họ mới chính là kẻ làm đi, bán tiết tháo, thanh danh, lương tâm cho bất cứ ai bỏ tiền mua.

Em nghe anh nói chỉ hiểu đại khái. Em nói: em làm kỹ nữ nhưng mơ ước được sống bình thường như mọi phụ nữ. Tức là được có chồng.

Người ta nói: làm đi thập phương cũng giữ lại một phương lấy chồng. Em sẽ dấu kín chồng em chuyện em làm kỹ nữ.

Em là một con đi có lương tâm nghề nghiệp, nên đã giao toàn vẹn thân xác em cho quý khách.

Em chỉ xin được giữ lại cho người em yêu, người chồng, trong ước vọng, một phần rất nhỏ thể xác của em. Từ nhỏ đến nay chưa ai được hưởng.

Đó là đôi môi em. Tiết Trinh của phận người có tên là kỹ nữ.

Hôm nay, trăng sáng quá. Em là ma nữ không dám nán lâu trên dương gian.

Hẹn kỳ sau em sẽ kể tiếp phần kết câu chuyện của em.

3.

Em sinh ra trong thời loạn. Ba nước Thục, Tào, Ngô tranh nhau làm trùm thế giới.

Ba đế quốc này lúc bắt tay hữu nghị, lúc lén lặt kéo dùm chân đá giò lái. Chúng dụ khị các nước chư hầu đánh nhau để bán vũ khí, chiếm lĩnh đặc lợi kinh tế.

Nam Châu là nước nhỏ, luôn luôn bị ba ông lớn uy hiếp, lừa dối trắng trợn. Chúng bắt nước em phải cống nạp đặc sản, nhân tài, mỹ nữ và cả đất đai.

Dân gian có câu: “đừng tin lời con đĩ nói...” là oan uổng cho chúng em. Phải sửa lại: đừng tin láng giềng nói.

Tào Đê phỉnh gạt nước em bằng chiêu trò mười sáu chữ vàng, bốn làm tốt.

Làm tốt láng giềng, làm tốt bạn bè...

Tào Quý Phi triển khai bốn làm tốt ở Nam Châu bằng các “Trường dạy nghề cho kỹ nữ” miễn phí.

Ở đây các em chân dài, rượu ôm, trà ôm... được dạy thêu, may, nấu ăn không thu tiền; để có nghề nghiệp kiếm sống không làm kỹ nữ nữa.

Ba năm làm kỹ nữ, có ít vốn. Em hạ quyết tâm bỏ cái nghề bị thiên hạ ném đá này.

Em phải có chồng. Em phải có nghề để cùng chồng nuôi con cái.

Em đã xin được giấy “Học viên trường dạy nghề cho kỹ nữ”.

Cầm tờ giấy trong tay mà em mừng run. Em sẽ trở thành người như mọi người. Phê thiết. Mà hiện giờ

chưa có quân tử nào thật lòng yêu em, muốn cưới em làm vợ.

Đôi môi em vẫn còn trinh, chưa hiến dâng cho ai .

Hôm ấy là ngày 17 tháng 2 năm 279 . Em nhớ rất rõ, vì là ngày khai giảng của trường em sắp được học.

Em cầm tờ giấy nhập học đứng trước cổng Trường Dạy Nghề Cho Kỹ Nữ.

Lòng em nao nao. Rồi em sẽ có nghề kiếm tiền lương thiện. Sẽ có chồng, có con. Sẽ đời đời.

Em chợt nghe có tiếng nổ râm rân ở khu chợ, ở bệnh viện, rồi ở trường học...

Pháo đốt mừng khai giảng khoá học sao? Mừng cho đời em sao?

Những tiếng nổ kinh thiên, động địa. Hoả pháo, thạch pháo, thần công phủ xuống chợ, xuống chùa, xuống bá tánh...

Tào Đê bội ước đem quân tấn công rồi. Đế quốc đã ra uy, dần mất tiểu quốc.

Cửa Trường Dạy Nghề Kỹ Nữ mở toang hoác. Từ chùa lớn, nhà hàng, khách sạn...do người Tào đã mua, đã xây dựng, quân Tào ản trong đó tủa ra. Nhiều lắm, nhiều như ruồi bay ra từ đít trâu.

Chúng chém giết dân lành không nương tay. Chúng tàn phá chùa chiền, nhà trẻ, lăng miếu, bệnh viện.

Em chạy, em chạy... trong kinh hoàng.

Trong cơn hỗn loạn, em thấy các chú lính cơ, lính vệ đang điềm tĩnh trấn an, hướng dẫn em và bá tánh vào chỗ trú ẩn an toàn.

Không lâu sau đó, các anh nghĩa quân, tự vệ, cự binh đã dàn lại trận địa, chiến đấu với quân xâm lược.

Mèn ơi, mấy anh khách quen của em, những lãng tử ăn chơi, hôm nay trở thành những chiến sĩ gan dạ.

Anh nông dân đang cầm đòn gánh phang như búa bổ vào một thằng giặc Tào.

Chàng thương nhân mùa gươm chém gục vài tên địch.

Ông ký giả người xứ Kỳ Hoa, gốc Lúa dùng võ MMA đánh ngã quân thù.

Lão nghệ sĩ tóc bạc, có lẽ là cự binh của cuộc chiến trước, bất chấp nguy hiểm, ngạo nghễ trước quân thù cầm loa hô khẩu lệnh: hoảng sợ là chết hèn. Bà con hãy liều mình đánh đuổi quân xâm lược. Giết! Giết Giết!

Em hăng máu tức, không chạy nữa. Em nhặt một con dao bữa củi. Một tay em cầm dao. Tay kia em vẫn còn giữ mảnh giấy gọi nhập học. Em xông về phía quân địch.

Máu kẻ thù đã chảy, mà máu em cũng đã rơi.

Một quả hoả pháo trúng vào người em. Em nghe tiếng nổ đình tai, bể óc.

Thân thể em tan ra từng mảnh.

Tay em lia khỏi thân vẫn còn cầm chặt giấy gọi nhập học.

Và, môi trinh của em vẫn còn tươi nguyên đến tận ngày nay.

Để kể lại câu chuyện này.

SIÊU NHÂN

(Có lão khách giang hồ ghé quán, trong thời gian mới có dịch Covid, kể câu chuyện này. Tôi xin viết lại).

Bà Tám Hít bán hột vịt lộn bị dính Covid. Con Tú Do lây cho bà. Nó làm nghề hớt tóc nam có mát-xa. Ai lây cho nó, nó không biết.

Xóm Bà Sáu Ráng bị phong tỏa, cách ly đã 10 ngày. Nghe nói sẽ tiếp tục phong tỏa thêm 20 ngày nữa vì có thêm mấy người dương tính. Ông Tánh mà dương tính mới kỳ lạ vì ông tu tại gia, suốt ngày ở một mình trong khu nhà rộng, không ra ngoài, không tiếp xúc với ai.

Hôm nay nhóm từ thiện của cô Loan đến tặng quà cứu trợ cho bà con trong xóm.

Đám con nít bu theo cô Loan được cô cho sữa hộp uống liền. Cô Loan mếu đám trẻ vì quá bốn mươi mà chưa có chồng. Bò của cô qua Mỹ đã 20 mươi năm chưa bảo lãnh cô qua. Nghe nói có vợ bên đó rồi.

Thôi, tạm gác lại chuyện của con Tú Do, ông Tánh tu, cô Loan ế, bà Sáu Ráng, bà Tám Hít hột lộn...

Mấy chuyện này cũng thú vị, nhưng để nghe chuyện chính.

Đến xế chiều cô Loan đã phát quà đến cuối xóm. Cô hỏi bọn trẻ con: còn nhà nào nữa không?

Mấy đũa trẻ nhao nhao nói: còn, còn nhà thằng Siêu Nhân. Nhà nó ở thầu động cát, cạnh mấy cái mả.

Có đũa nói: cô khỏi phát sữa vì Siêu Nhân không uống sữa, không ăn mì tôm, chỉ uống xăng, ăn đĩnh, thở ra lửa.

Đũa khác nói thêm: Siêu Nhân nhảy Hít Hóp cực kỳ hay. Nó ở với bà nội nó cô Loan à!

Cô Loan tò mò, phải gặp Siêu Nhân.

Nhà Siêu Nhân là một túp lều, mái tôn, vách làm bằng nhiều thứ ván cũ, thùng cạt-tông, vỏ chai nhựa... Nhà nằm giữa hai cái mả, bên cạnh hồ sen lớn.

Cô Loan gọi lớn: Ai là bà Tôn nữ Hoạ My và cháu Trịnh Thành Công ra lãnh quà cứu trợ.

Có đũa nhỏ nó: cô Loan gọi sai rồi, không có ai tên Tôn nữ Quạ Mi, Trịnh Thành Công. Cô gọi bà Năm Què bán vé số và Siêu Nhân.

Bà Tôn Nữ Hoạ My quấn một miếng thuốc rê to cỡ ngón tay cái. Châm lửa, rít một hơi dài, ém khói, rít thêm hơi nữa rồi từ từ nhả khói ra.

Khói thuốc ảo huyền trên khuôn mặt mà bắt hạnh của cõi đời không phá hết nổi nhan sắc thời con gái.

Bà nói như người miền Nam chỉ còn chút âm Huế: phải chi phát cho tui xì rụ để hay kí thuốc Cẩm Lệ thì ngon lành.

Thằng Siêu Nhân nói: nội, nội uống sữa đi, hút thuốc quài tối ho đó nội.

Bà nội nó nói với Cô Loan: Tôn Nữ Hoạ My đâu còn nữa cô ơi. Bà Năm Diệu bán vé số cũng xì cà que luôn. Hê hê! Giờ chỉ còn bà Năm Què ... hê hê!

Cô Loan hỏi: còn ba, má của Siêu Nhân đâu?

Bà Năm Què nói: Trịnh Thành Tài, là thằng chồng tui, biến mất xác, có bằng Tử Sĩ. Để lại Trịnh Thành Danh, là thằng con, cũng biến mà còn xác, đáng lẽ được bằng Liệt Sĩ. Giờ chỉ còn Trịnh Thành Công biến thành Siêu Nhân công nội kiếm tiền mua rụ đế.

Cô Loan hiểu lơ mơ, hỏi: má của cháu Công đâu?

Bà Hoạ My nói: biến, biến luôn, lấy chồng Đại Hàn. Hê hê! Người khoẻ mạnh, trai tài gái sắc biến mất, đi mất. Còn lại...còn lại một bà già què và một thằng nhỏ trên cũi như gian ô nhiễm ký sinh trùng.

Bà tiếp tục cảm nghĩ lung tung: thằng ác, nó ác, dễ xử; thằng ác mà giả như nghĩa mới mệt đó. Ủ mà! buồn nhứt là người hiền lại hoá ác để kiếm lợi danh.

Bà lại rít thuốc, nhả khói phì phèo rồi ngâm nga:

“Siêu Nhân công nội chạy ra,
đụng phải anh hùng công mẹ chạy dô.

Siêu Nhân công nội chạy dô,
đụng phải gian hùng công nội chạy ra“

Hê hê! Tui nói éo sai phải không cô Loan? đi đâu cũng thấy anh hùng hay là gian hùng. Người bình thường biến mất ráo trời. Hê hê!

Cô Loan cảm nhận thần trí bà này coi bộ không ổn, chắc có nhiều trắc ẩn. Cô nói: dì à! Sao cháu Công lại có tên là Siêu Nhân. Mà bà và cháu có ai giúp đỡ để sống không?

Bà Hoạ My lại bập một hơi thuốc rồi nói: ai giúp đỡ hả cô! Thiệt tình bà con dòng họ tui có nhiều người giàu lắm. Con vua cháu chúa mà cô. Nhưng con Tôn Nữ Quạ Mi này éo cần. Cho tui tiền mà khi dễ tui là

không được à ghen. Ờ ờ! Có “thằng“ Phường cho tui mỗi tháng vài trăm ngàn, mua gạo, mắm. Nhưng làm sổ hộ nghèo thì không được vì tui có dâu lấy chồng Đại Hàn.

Cô Loan nó: Vậy tiền đâu hai bà cháu sống cho đủ?

Bà Hoạ My chỉ thằng Siêu Nhân: nó kiếm ra tiền mà!

Cô Loan ngạc nhiên, thằng nhỏ chắc cỡ 13 tuổi mà làm gì kiếm được nhiều tiền.

Bà Hoạ My giải thích: nó làm siêu nhân kiếm được bộn tiền. Nhưng mà hơn năm nay con dĩ chó Cô Vít tung quanh khắp cõi nhơn gian, làm ăn éo được.

Bà rít mấy hơi thuốc, tiếp tục nói lan man: nước đục cò mới béo, chả mất đi đâu, triệu người nghèo đi thì thêm giàu cho ít người khác. Ông bà xưa nói đâu trúng đó.

Cô Loan hỏi: làm siêu nhân là làm gì vậy bà?

Thằng Siêu Nhân nói: dạ dạ! Ba con giỏi lắm. Ông biết hát xiệc. Phun lửa, nuốt dao lam, đâm kiếm xuyên qua cổ họng. Ông chết rồi, để lại thùng đồ nghề. Ông đi bộ đội, đi gỡ bom mìn. Ông lấy thân che bom nổ cứu sống được mấy đứa học trò.

Nó xúc động rồi kể tiếp: Ông chết, bà nội đi bán vé số nuôi con được thời gian, xui xẻo bị thằng giang hồ tung xe gãy mẹ cặp chân.

Nó ngưng lại, muốn khóc, rồi tiếp tục kể: con lấy thùng đồ nghề xiệc, mày mò luyện theo cách ba làm, con mua bộ đồ Siêu Nhân mặc vào cho bắt mắt.

Con đến các quán ăn biểu diễn được bộn tiền cô ơi!

Cô Loan ôm thằng nhỏ, khuôn mặt nó lấm tẩm những đốm da phỏng lửa mà đẹp như thiên thần.

Cô muốn chảy nước mắt.

Bà Hoạ My cảm xúc hỏi: chắc con cô lớn hơn nó?

Cô Loan buồn buồn nói: dạ, con chưa có chồng.

Bà Hoạ My cười ròn rảng: có chồng sướng lắm mà sao cô không chịu lấy chồng?

Cô Loan thẹn thùng lặng yên. Cô nhớ đến thằng bò 20 năm trước với lời hẹn ước mông lung. Cô nhớ đến cái chòi vịt, nơi thằng bò đã kéo quần cô xuống... cô thầm nghĩ phải chi mình không chống cự thì đã có đứa con để hủ hỉ lúc tuổi già.

Thằng Siêu Nhân cất nỗi nhớ của cô, nó hỏi: con mặc đồ Siêu Nhân, có tên là Siêu Nhân mà Siêu Nhân là gì hở cô?

Cô Loan ngẫm nghĩ giây lát rồi nói:

Siêu Nhân là người làm được những việc vượt xa khả năng của con người bình thường.

Bằng tuổi con, có những đứa trẻ ăn cơm má còn phải dứt, đi học ba phải chở. Con đúng là Siêu Nhân vì con cõng bà, biết làm việc lương thiện để nuôi bà.

Thằng Siêu Nhân cười, nụ cười hiếm hoi. Nó chọt nói- như vừa phát hiện ra điều hay: cô Loan cũng là Siêu Nhân nữa.

Cô Loan ngạc nhiên nói: vì sao?

Thằng Siêu Nhân nói: vì cô có lòng thương người ...

Bà Hoạ My cười ha hả chen vào: cô đúng là Siêu Nhân, cô hơn người thường vì sống một mình 20 năm chờ thằng bò. He he! Giỏi thiệt! Ngứa ngứa lắm

mà chịu đợc. Đúng là Siêu Nhân. Đàn bà hiểm ai chung tình như cô, chồng xiu xiu đã muốn tìm trai...

Cô Loan bắt giác cười ha ha!

Thằng Siêu Nhân cũng cười ha ha!

Bà Hoạ My vừa ho sụ sụ vừa cười ha ha ha!

Cô Loan chợt nghĩ ra, nói : Bà, bà Năm Què cũng là Siêu Nhân. Vì bà ở vậy nuôi con rồi nuôi cháu .

Bà Hoạ Mi nghe, cười ha ha ! Bà nói: khi còn trẻ, có lúc tau cũng chịu hết nổi. He he số trời mà! Ha ha ha!

Hai người đàn bà không chồng của hai thế hệ và một thằng nhỏ không mẹ không cha- thế hệ thứ ba; ba Siêu Nhân bắt đắ dĩ, cười ha ha sáng khoái trong buổi chiều tàn của khu nghĩa địa.

Cười chảy nước mắt, quên đi số phận nghiệt ngã. Quên tuốt luốt con Cô Vít đang hàm hè tiêu diệt cõi con người.

Ha ha ha! Ha ha ha!

BAY TRÊN BỐN MƯƠI LĂM NGỌN GIÓ BẮC

1-

Gió. Cát. Giữa năm, ngọn gió nam hanh rang cháy cồn cát. Cát theo gió bám vào mồ hôi trên mặt người. Con dông lớn theo gió. Giọt nước mắt cá cơm thơm hương nắng.

Gió. Cát. Cuối năm, ngọn gió bắc rú âm thanh ma mị lạnh thấu xương. Cát len sâu vào giọt nước mắt cần khô. Bông lan, bông mai trên núi Chúa ngậm cát, uống gió chớm nụ.

2-

Tôi theo má tôi băng qua cồn cát. Tôi cảm như đã từng cảm nín. Má tôi nhìn tôi nói bằng mắt. Gió bắc rít vang từng hồi.

Tôi qua sông. Xuống nhà thương đẽ. Con đò ngang băng qua mùa lũ cuông nộ.

Người đưa đò không nói gì. Ông lặng thinh chống sào vào ánh trăng. Con đò nhỏ chìm trong sóng nước. Cơ man là sao vàng, là hoa trăng bay toả trong sóng đêm.

Tôi và con tôi-trong bụng-ngửa mặt nhìn trời cao. Một mẫu trăng tháng mười một màu đỏ quạch soi đường cho thẳng Cầm-con tôi-vào đời.

Ngon gió bắc thứ mười chín. Tôi làm mẹ, thành đàn bà.

3-

Thằng Cầm chạy bên bờ cát sông. Con điều trắng bay cao trong đêm trăng. Bay chao đảo mà lý lợm trên ngọn gió bắc thứ hai mươi sáu.

Con điều là tôi? Chùm tóc khô bù rối phát phơ bay. Không có dây điều thằng Cầm giữ, tôi sẽ bay tự do. Cao hơn, xa hơn rồi rơi vào khoảng rộng.

Gió gọi tôi qua âm thanh của lá: Ái Điều... Ái Điều... tiếng vang vọng biển âm ...ai điều... ai điều... rơi rụng trong trời đêm nghe như a ... dieu... adieu...

Vĩnh biệt. Tôi cười khô khốc. Gió cát như nói với tôi cái tên đã hàm chứa định mệnh?

Từ ngày sanh thằng Cầm, tôi quên tôi. Tôi đã biến đi trên hành lang của nước. Tôi không còn sống. Tôi đã chết.

Thằng Cầm là kiếp sau của tôi. Nó mang mã di truyền của tôi. Tôi là bóng quế mơ hồ như có, như không trong cõi đời này để phù trợ cho nó thôi mà.

Tôi vui lòng tan biến. Vui theo sự trưởng thành của thằng Cầm. Đời riêng, có gì để nuôi tiếc.

Adieu Ái Điều. Tôi ớn thế giới này quá rồi.

4-

Ngọn gió bắc thứ ba mươi ba. Thăng Cầm mười bốn tuổi.

Tôi thắp một cây nhang lên bàn thờ, phật nó quỳ cho đến khi nhang tàn. Nó đã quăng một đứa hơn nó hai lớp xuống sông. Lý do, bị gọi là thằng con hoang.

Thằng Cầm làm lý, không biện minh. Nó chờ cây nhang cháy hết rồi xuống bếp cầm một con dao. Chạy khỏi nhà.

Tôi hoảng hồn chạy theo. Nó chạy. Mất hút trên cồn cát.

Tôi cuống cuống ngã xuống cổng nhà.

Chập sau, nó trở về. Tay cầm một nhánh xương rồng. Nhánh xương rồng không xanh nhưng gai góc, cứng cáp.

Thằng Cầm đỡ tôi lên, nói: dạ, con xin lỗi má. Rồi nó đào đất trồng nhánh xương rồng xuống một góc sân.

Cầm nói tiếp: dạ, cây xương rồng không cần người trồng phải ở lại để chứng kiến nó trở bông. Chỉ cần cát, nắng và gió.

5-

Ngọn gió bắc thứ ba mươi tám.

Lần đầu tiên-kể từ khi làm mẹ- không có thằng Cầm bên tôi khi gió bắc quay về.

Nó ở Sài Gòn từ đầu niên học. Không bao giờ điện thoại cho tôi, chỉ nhắn tin. Nó giải thích: con thích xử dụng tin nhắn hơn gọi thoại. Con tôn

trọng thời gian của má. Có khi má mắc làm hoặc cần khoảng lặng để nghĩ ngợi. Con nhắn tin, thuận tiện má trả lời.

Nó giống tôi điếm này.

Thằng Cầm viết: dạ, những ngày quanh cái Tết, lưu dân về quê, Sài Gòn thiếu người làm mướn. Con được nghỉ học, ở lại có rất nhiều việc làm thêm.

Tôi viết: không cần phải vậy. Má đủ sức cho con mà.

Nó viết: dạ, tiền chỉ là một phần. Điều con thích là được sống như một người lao động. Con được đi sâu vào những nơi mà một sinh viên như con không thể đến như khách sạn, nhà hàng, quán bar... Dạ, con còn được lăn lóc ở các chợ đầu mối, chợ cóc...

Tôi viết: con có thấy mình thiếu điều gì không?

Nó đáp: dạ, con thấy mình đây. Đây sự tự do. Và con hiểu, tự do là thứ không thể van xin, vay mượn. Mình phải tự tìm. Tìm trong sự thật.

Tôi quên ngọn gió bắc lạnh thấu xương. Tôi thấy âm áp. Tôi tin thằng Cầm sẽ nên người.

Có thể đời người cũng cần thành đạt vật chất, danh vị. Nhưng cần nhất là đứng thẳng, bước tới một mình- mà không thấy cô đơn.

6-

Ngọn gió bắc thứ bốn mươi ba mang thằng Cầm về với dòng sông, với cồn cát.

Theo nó là một con nhỏ dễ thương. Nó giới thiệu ngắn gọn: dạ, cháu của má đó. Em ấy theo gia đình định cư ở Mỹ hơn sáu năm rồi. Hai đứa con quen nhau từ thời trung học.

Con nhỏ sẽ bảo lãnh cho thằng Cầm sang Mỹ sống.

Thật lòng, tôi không lo lắng, không buồn cũng không vui. Từ ngày nó vào đại học tôi vẫn sống đơn độc mà.

Tôi tôn trọng sự lựa chọn của nó. Tôn trọng tự do của một con người.

Tôi nhìn thằng Cầm. Con tôi. Đứng đó, như một dấu phẩy tự tin tiếp tục một truyện dài lẽ ra đã chấm hết từ lâu.

Chiều cuối năm trong căn nhà cũ. Hai bóng người, một già một trẻ, lặng yên không tiếp tục nói; nhưng được nối với nhau bằng sợi dây vô hình của tình mẫu tử và nhưng hiểu biết không cần ký tự.

Tôi cảm nhận con tôi giống như cây xương rồng nó đã trồng ở góc sân. Cây vươn cao trong gió tìm mặt trời. Nó gai góc lớn lên bằng sự quang hợp tự thân, không cần người chăm sóc.

7-

Bây giờ, trên ngọn gió bắc thứ bốn mươi lăm. Tôi ngồi bên thềm nhà. Nhìn bóng mình. Ngồi thật lâu, quên cả thờ, quên cả mình đang tồn tại.

Chập sau, tòi vào nhà, thắp cây nhang, đốt ngọn lửa nhỏ trên bàn thờ.

Một luồng gió cát thổi bùng đóm sáng.

Những người khuất mặt là những hạt bụi lưu thân trong gian nhà từ đường này.

Tôi, cũng vậy thôi.

Thằng Cầm-con tòi – gió bắc đã mang đi đến vùng đất khác. Hạt phù sa đã ra thế giới mênh mông.

Nó có về lại không? còn bao lâu nữa nó thật sự trở về?

GA XÉP

(Truyện Kịch)

-Thời Gian: đêm khuya. Đồng hồ nhà ga kim phút dừng ở số 12. Không có kim giờ.

-Nhân Vật:

Người già: tóc bạc, cỡ trên 70 tuổi. Mặc bộ đồ cũ nhưng sạch sẽ.

Người trung niên: da trắng. Áo xanh da trời, đeo kính trắng.

Cô gái trẻ: trang điểm diêm dúa. Y phục màu trắng, hở hang, lộ cả ngực, chân.

Nhân vật phụ: các bóng ma. Vừa là diễn viên, vừa là khán giả. Cử động như múa hình thể. Chập chờn, mờ ảo.

-Bối Cảnh

Sân ga xép hoang tàn. Cận cảnh là đường ray cũ kỹ, rỉ sét. Bức tường loang lổ. Trên tường là những tờ khẩu hiệu rách, không đủ câu, sót lại vài chữ lớn Tiến Lên..., Hoan hô...

Màn chậm chạp kéo lên.

Cảnh 1

Một buổi chiều cuối năm. Nắng vàng vọt, chiếu xiên trên sân ga. Có tiếng gió rú từng cơn. Xa xăm có tiếng trống ngũ liên.

*Người già:

(Ngồi trên đất, tựa lưng vào tường, tay chậm chạp vuốt phẳng một cuốn sổ màu đỏ. Mắt nhìn vô định.)

-Này bạn trẻ, chiều tàn, năm tận, đời người cũng sắp hết, sao vẫn còn lẩn quẩn ở cái ga xép này.

*Người trung niên:

(Ngồi trên một cái ghế gỗ cũ, cúi đầu nhìn xuống khe nứt dưới chân.)

-Dạ, bác nghĩ là nhà ga còn hoạt động sao? Con có cảm giác nhà ga này là thứ đồ mã. Những khẩu hiệu rách kia là bùa chú. Tất cả cũng cần thiết tạo nên, để có niềm tin. Nhưng, sau nghi lễ, cần hoá táng đi.

*Người già:

(Mắt không nhìn vào người trung niên, vẫn nhìn vào khoảng không gian rỗng. Nói thầm như độc thoại.)

-Những người còn trẻ chắc không biết thời đó những người dân áo rách đã thấm ướt mồ hôi cho từng viên gạch xây cái ga này. Rồi cũng chính họ, các bạn bè của tôi, đã đổ máu xương để bảo vệ từng mét đường ray.

*Các Bóng ma:

(Hiện rõ dần là những bóng đen, cử động chập chờn như múa.)

-Chúng tôi đã từng thực sự tin đường ray này sẽ đưa con tàu đến vùng đất hứa.

*Người già. Người trung niên. Các bóng ma:

(Tất cả đều há miệng thật to muốn cùng nhau nói lớn điều gì đó.

Nhưng tất cả đều đột ngột dừng lại. Như bị bóp cổ bởi những bàn tay vô hình

Im lặng tuyệt đối một lúc lâu. Có tiếng gió rít lớn và tiếng trống rền rạc âm vang,

Trên sân khấu, tất cả nhân dạng, người và bóng ma đều biến mất, chỉ còn nhiều cái miệng há rất to mà không nói.)

Cảnh 2

Ánh sáng chuyển sang màu tím. Văng vẳng có tiếng guitar rền rạc.

*Cô gái:

(Cô gái mặc váy trắng. Gió thổi mạnh làm hờ hang màu trắng của da thịt. Cô đứng tựa cây cột đèn trong sân ga. Mắt nhìn xa xăm. Giọng cô gái lạnh lẽo.)

- Có nên tiếp tục nhai lại quá khứ hay nguyên rủa hiện tại hoặc bắt cái bóng của tương lai không? Tôi, tôi không còn muốn nghe những câu thuyết lý. Tôi chỉ ước chiều nay có tiền trả nợ mượn nhà, sáng mai có tiền gọi về cho ba tôi trị bệnh.

(Cô gái chỉ tay về phía xa, nơi đường chân trời. Ở đó có những cung điện chói chang ánh sáng.)

-Thiên đường đã có thật, mà ở kia kia. Chúng ta không vào đó được đâu. À quên, tôi có vào đó một lần. Nằm ngửa, trần tròng một giờ ở nơi ấy.

*Người già:

(Cúi đầu nghe cô gái nói. Yên lặng giây lát. Nhìn mông lung. Giọng nói khàn đục.)

-Tôi cảm nhận được hơi ấm của nước. Gần đến giờ rồi. Đoàn tàu sắp đến để chở những người còn sót lại của chiến tranh. Hoà bình lâu rồi mà.

*Cô gái:

(Cười khẩy, không ngẩng đầu.)

-Từ lúc cháu chưa biết tô son đã nghe bác nói câu này. Tàu nào? Tàu chở hình nhân giấy à? Cái ga xép này đã bị xoá sổ trên hành trình chạy tàu từ lâu rồi.

*Anh trung niên:

(Ngừng viết. Thở dài. Chỉnh lại cặp kính trắng.)

-Cô không hiểu được đâu. Với bác ấy, chuyến tàu không chỉ là phương tiện. Đó là một chứng từ. Chứng từ xác nhận những năm tháng tuổi trẻ của bác ấy không bị lãng phí.

*Cô gái:

(Đi về phía anh trung niên. Giọng có vẻ sốt sắng.)

-Còn anh? Lại ca ngợi vẻ đẹp của sự kiên nhẫn? Hay viết về sự đổi mới của ga xép? Nó đang biến dần thành cái nghĩa trang. Nơi mà những gã bụng phệ chỉ đến để thấp nhang vào các ngày lễ lớn.

*Anh trung niên.

(Cúi đầu. Giọng cay đắng.)

-Tôi viết về bác già, cô, những hồn ma vương vất ở ga xép này. Và cả cho tôi nữa.

Tôi viết bằng mực, nhưng giấy thì thấm đầy nước mắt của sự bất lực.

Cảnh 3

Tiếng gió hú từng cơn, mơ hồ có tiếng còi tàu. Âm nhạc dòn dập, chỏi tai, xung đột.

*Ông già:

(Run run chỉnh lại cổ áo. Mắt rực sáng.)

-Lắng nghe đi các bạn trẻ. Có tiếng còi kia mà. Tàu sắp đến rồi đó. Tôi đã nghe tiếng còi tàu này từ thuở thanh niên. Đến muộn, nhưng rồi nó cũng đến thôi.

*Cô gái:

(Nói to như gào thét.)

Bác vẫn lẫn lộn giữa cơn mơ và sự thật. Con cũng thích giấc mộng thời trẻ của bác.

Cô gái dịu dàng lại, như nói với chính mình:

-Lúc còn nhỏ con mơ có hoàng tử yêu con. Má ơi! Hoàng tử bây giờ là các gã khách truy lạc. Ha ha ha! Bác cũng như con thôi.

Bác nhìn anh gì kia. Nhìn gã trí thức này đi.

Hắn biết sự thật nhưng hắn không dám nói. Hắn chỉ viết một nửa sự thật. Còn lại, hắn dối trá, phù phiếm để kiếm cái danh hảo huyền.

*Anh trung niên:

(Đột ngột đứng dậy, ném xấp giấy xuống đất.)

-Đúng! Tôi hèn! Tôi biết họ đã vay ngoại bang đường ray khác, con tàu khác, cho nhóm người bọn họ. Bỏ lại chúng ta, những người dân khốn khổ ở lại nơi đây.

Cái ga xép này chỉ là cái mục cóc trên khuôn mặt phần son mà người ta muốn cắt ném đi.

*Ông già:

(Tiến lại gần, túm lấy cổ áo anh trung niên. Nói giận dữ.)

-Anh nói bậy. Là kẻ có học, anh phải ghi nhớ: lời của đảng tiên tri luôn luôn đúng. Luôn luôn có trọng lượng còn hơn sức nặng của núi đá.

*Anh trung niên:

(Giọng chùng xuống. Xót xa.)

-Bác ơi! Người ta đã bán cả dãy núi hùng vĩ có khắc sâu lời thề non nước. Bán, để xây biệt phủ, lâu đài. Bán, để mua đất ở xứ khác sau khi phá nát cái ga xép này.

Anh trung niên nói lớn, khẳng định:

Không có đoàn tàu nào chở chúng ta, những người cùng khổ đến vùng đất hứa đâu.

Cảnh 4

Một luồng ánh sáng lạnh lẽo chiếu vào trung tâm.

Tiếng kèn saxophone bi tráng.

Ba nhân vật tách rời ra. Mỗi người theo đuổi một hướng nhìn.

Các bóng ma thoát ẩn, thoát hiện, chậm chạp nhảy múa làm nền.

*Cô gái:

(Nhìn xuống sân khấu. Nói như thủ thỉ tâm sự.)

-Ngày mai, tôi sẽ rời ga xép. Tôi sẽ đi bộ dọc đường ray này. Chết dọc đường vẫn hơn là chết ở nơi chờ một chuyến tàu ma.

(Cô quay lưng, bước vào bóng tối.)

*Anh trung niên:

(Nhìn đồng giấy bản thảo bị gió thổi bay tan tác. Nói với khán giả.)

-Ai đúng, ai sai, ai chịu trách nhiệm trước lịch sử, trước đất nước. Những điều này khó phân định.

Nhưng, chắc chắn dân nghèo là người thua cuộc, người phải gánh nợ cho mọi sự sai lầm của đám tham quan.

Tôi không đi đâu hết. Tôi sẽ ở lại cái ga xép này để làm người chứng cho sự lãng quên.

(Anh chậm rãi nhặt từng tờ bản thảo. Xé vụn, rồi tung lên cao. Những mảnh giấy như đàn bướm trắng bay lượn trên bầu trời đen.)

*Các bóng ma:

(Hiện rõ, lớn gấp ba người thật. Đồng thanh nói trong âm vang của gió.)

-Chúng tôi lưu lạc khắp nơi, lưu lạc ngay chính trên quê hương mình.

Chúng tôi sẽ ản nấu ở nơi nào khi loài người bỏ đi hoặc bán tháo cái ga xép này?

Một luồng gió xoáy mạnh cuốn các bóng ma mong manh tan biến.

*Ông già:

(Quy sụp xuống cạnh đường ray, tay chạm vào thanh sắt lạnh lùng.)

-Tôi vẫn đợi. Nếu khi tôi chết mà tàu vẫn không đến, tôi sẽ hoá thân thành một thanh ray mới. Để ít ra, tôi vẫn thuộc về con đường.

*Anh trung niên:

(Ra giữa sân khấu. Có vẻ mạnh mẽ hơn. Đồng dục nói.)

-Con tàu không quan trọng. Có thể là một con tàu khác. Chính những thanh ray sẽ dẫn dắt con tàu. Phải có đường ray khác.

Ánh đèn mờ dần cho đến khi chỉ còn bốn đốm sáng hắt hiu là đôi mắt của hai người.

Tiếng gió rít lên từng hồi như tiếng kèn tiễn biệt.

Nhỏ dần cho đến khi sân khấu chìm trong bóng tối.

Màn hạ xuống từ từ trong tiếng hát đồng dao thoảng nghe lúc có, lúc không: kìa con bướm vàng...cánh mang dấu đạn... bay trong vườn địa đàng...

PHỤ LỤC

Trần Doãn Nho: Vài cảm nghĩ về truyện ngắn của một cây bút mới: Ái Điều

Một bạn văn của tôi, anh Nguyễn Lê Uyên, gửi cho tôi một số truyện ngắn của một cây bút mới, tên tuổi còn xa lạ với văn đàn, cả trong lẫn ngoài nước: Ái Điều. Truyện, hầu hết, đều từ ngắn đến rất ngắn. Dài nhất đếm được 2500 chữ và ngắn nhất chỉ có 174 chữ; số còn lại thì khoảng 1500 chữ, 1200, 1150, 880...rồi thì là 239, 226 chữ. Có thể tạm xếp chúng vào loại “truyện rất ngắn” (very short story) hay “truyện chớp” (flash fiction).

Truyện Ái Điều, được biết, xuất hiện đều đều trên Facebook (FB), một trong những trang mạng xã hội phổ biến nhất hiện nay. FB – cõi ảo – không chỉ là nơi người ta dùng để phản ánh các hiện thực xã hội, mà lắm khi, nó còn hiện-thực-hóa chính nó. Người ta đọc, nghe, nhìn, tham gia, tương tác với nhau một cách trực tiếp, sống động. Rốt cuộc, ảo mà thực, thực trong ảo. Chẳng thế mà, công bố sáng tác (hay sáng tác ngay) trên FB dần dà trở thành nét đặc trưng thời kỹ thuật số, tạo thành một loại văn chương mới, “văn chương FB”, như một nhà nghiên cứu văn học có lần đã mệnh danh. Vô hình trung, FB trở thành một tạp chí tự tạo, nơi chủ tài khoản cũng là chủ biên kiêm chủ bút đồng thời là cộng tác viên. Độc giả – đối tượng của sáng tác – luôn luôn có sẵn, đa dạng và...vô tận. Tải lên là có ngay độc

giả, có ngay phản hồi, khác hẳn với cái vắng lặng buồn tẻ của các tạp chí văn chương chuyên nghiệp. Chẳng lạ gì, nhiều tác giả, kể cả những cây bút thành danh, đã sử dụng FB như một diễn đàn văn chương, liên tục công bố những sáng tác ngắn, gọn, tức thời của mình. Thơ, văn đã rồi; mà còn cả nhận định hay phê bình văn học. Tôi không dùng FB, chỉ thỉnh thoảng ghé vào xem ké FB của người trong nhà, do đó, không có kinh nghiệm gì về sinh hoạt này. Tương lai của hình thức sáng tác này sẽ đẩy văn chương về đâu, chưa biết, nhưng nó đã hiện hữu, càng ngày càng hấp dẫn, thu hút đông đảo người đọc và người gõ.

Trở lại với Ái Điều.

Trước hết, một trong những đặc điểm của văn Ái Điều nằm ở ngôn ngữ và cung cách diễn tả: gọn gàng, dễ hiểu, cụ thể. Nhiều chỗ, truyện chẳng khác gì những ghi chép sống. Có sao nói vậy, không thêm mắm dặm muối, không bóng bẩy, màu mè, không ẩn dụ. Lại không ứng dụng (và lạm dụng) một vài thủ pháp viết lách thời thượng để “chứng tỏ” mình, như dòng ý thức, phân mảnh, phi tuyến tính, vân vân. Cũng không phân tích tâm lý dài dòng, hay triết lý làm dáng. Sự kiện, khung cảnh và đối thoại chiếm lĩnh phần lớn không gian truyện.

Đọc thử vài trích đoạn trong “Sấm Ký”, một trong những truyện có cấu trúc khá lạ.

Mô tả cuộc hẹn hò giữa một ông cao niên và một đứa con gái trẻ, Ái Điều viết:

“Con Liễu đem ly lip-tông cho ông Chiến. Ông lén khèo nhẹ vào tay nó, nói: cung lấy cho hộp khăn giấy.

Con Liễu nói: dạ. Mà trong đầu nó nghĩ: rồi, có chuyện rồi.

Đúng như nó đoán. Khi về đến chỗ pha chế, nó nhận tin nhắn của ông Chiến: bốn giờ chiều nay đến Hoa Lan nghen cung.

Nó trả lời: ba giờ ba mươi nghen. E mắc đi làm. A đến đó rồi nhắn cho e số phòng. E đến liền.

Ông Chiến bấm nhanh: ok.” (Sám Ký)

Một kiểu hẹn hò vô cùng “thời đại”: nhanh, gọn, khỏe và...vấn minh.

Rồi sao nữa?

“Cũng nhanh thôi, hơn ba mươi phút thì xong việc. Ông Chiến vội vã mặc đồ, nói: anh đi trước, cung chờ anh đi khỏi rồi mới đi nghen.

Con Liễu nói: dạ.

Ông khách nào cũng như nhau, hết con ham thích đều muốn đi nhanh để khỏi bị thấy mình ăn chơi” (Sám Ký).

Rồi sao nữa?

“Con Liễu còn trần truồng thì có tiếng báo tin nhắn. Tin nhắn của anh Chinh, con ông

Chiến (...) Con Liễu vào phòng tắm xả nước cho trôi hết mùi người như nhóp cơ thể (...) Tắm xong, con Liễu không mặc áo quần. Như vậy cho đỡ mất thời gian, vì nó còn suất làm chiều ở quán nhậu” (Sấm Ký).

Cha hẹn gái xong đến con hẹn gái; gái ngủ với cha xong rồi ngủ với con. Chữ nghĩa tình queo, nhân vật tình queo. Tính cách này, tự nó, là ý nghĩa. Ý nghĩa tiềm ẩn trong sự kiện.

Mô tả tính cách của một nhân vật cũng thế, Ái Điền phác thảo một số nét tiêu biểu:

“Thường lệ, từ ngày về hưu, cứ đúng năm giờ ba mươi phút sáng ông Dur đạp xe đến quán cà phê con Ba Bốc. Ly cà phê đen mười hai ngàn. Rẻ, đương nhiên là không ngon. Nhưng ông Dur tìm thấy cảm giác của thời trai trẻ. Một mình giữa nhiều người, độc lập nhưng không lẻ loi. Kiểu lãng tử ông thích mà không được sống. Thỉnh thoảng ông có nhìn trộm khe ngực của con Ba Bốc, khi nó vô tình để hở lúc cúi xuống. Chỉ vậy thôi, ông không có cử chỉ hay lời lẽ nào thiếu đứng đắn.” (Nơi Đất Lành Chim Đậu)

Thỉnh thoảng, cô đẩy hiện thực lên một tầng mới, mờ mờ ảo ảo, nhuốm đôi chút không khí “hiện thực hoang đường” (magical realism) trong văn chương Tây Ban Nha:

“Người xà ích đội cái mũ bèo nhèo che kín mặt. Xe chở một bà cụ đỡ đở. Bà giống y như cụ phù thủy trong truyện cổ tích. Bà nhai trà. Nước trà chảy leo ra khoé miệng. Bà đưa hai ngón tay quạt. Tay và môi bà dính màu đỏ máu bầm. Chiếc xe ngựa bánh gỗ cũ mệt mỏi, chậm chạp lăn vô tận trong cõi vô minh. Qua những đoạn đường đá núi, những cơn cát gió bay, những vũng sinh lây trơn trượt, những vực thẳm nằm giữa trời và biển (...) Chiếc xe ngựa cũ kỹ ngày nào lướt trong mây trắng bông bồng, dừng ở cửa sổ tầng chín. Bánh xe gỗ chậm rãi quay đều” (Bốn Đoạn Ngắn Về Một Người Đàn Bà).

Giữa những mô tả trông rất bình thường, đôi khi, ta bắt gặp một nhận xét bất ngờ, như một tia chớp xẹt ngang giữa bầu trời yên tĩnh, khiến ta giật mình, ngừng đọc và suy gẫm:

“Làng đã có nhiều đàn ông. Họ về từ chiến tranh, từ cõi chết. Người làng không phân biệt chiến tuyến. Tất cả đều là con của làng. Có người mất tay, chân. Có người câm, điếc. Có người mất trí. Có người u uất, lạc lõng trong bình yên. Những người lính thực thụ không muốn kể lại những chiến công. Chỉ có người không còn lương tri mới hân hoan thành tích sát nhân của mình” (Bốn Đoạn Ngắn Về Một Người Đàn Bà).

Vâng! “Chỉ có người không còn lương tri mới hân hoan thành tích sát nhân của mình.” Một nhận định, mà cũng là một lời kết án. Nhất là đối với bộ máy tuyên truyền, ngày đêm ra rả kể chuyện chiến công,

anh hùng, chẳng để làm gì, ngoài mục đích đánh bóng cho kẻ cầm quyền.

Cũng có khi, giọng văn nghe rất chân tình, nhưng ẩn giấu nét trào lộng:

“Thầy [Thầy] cuốn tôi dăng cao theo tâm trạng của Katia, Dasa, Rotsin...trên Con Đường Đau Khổ. Thần tượng Paven Coocsaghin qua Thép Đã Tôi Thế Đấy rực sáng ngọn lửa soi đường cho tôi. Ăn cơm độn, mặc áo vá là chuyện tầm thường; chúng tôi không nghĩ đến. Chúng tôi vui sống trong hào quang của lý tưởng cao cả. Mọi người bình đẳng, giống nhau trong sự thiếu thốn vật chất. Nhiều đứa bạn còn tự hào về cái nghèo của gia đình mình. Con người có hạnh phúc bằng ảo tưởng. Sau này, khi sống gần với những người nghiện tôi thấy họ sảng khoái khi có ảo giác nhờ chất kích thích. Tuổi trẻ chúng tôi cũng có niềm vui sống qua ảo ảnh của một thế giới bình đẳng, hạnh phúc trong tương lai. Tôi như ngọn cỏ khô, cháy lên những ngọn lửa ước mơ. Như đoá hoa hoang dã hé nụ đợi chờ. Đến bây giờ, tôi vẫn thấy đó là những ngày tháng êm đẹp nhất đời mình” (Mộ Phần Của Những Ngọn Lửa Nhỏ).

Ai đã từng sống qua thời “ăn cơm độn, mặc áo vá”, nhưng lại “vui sống trong hào quang của lý tưởng cao cả” nhờ những tác phẩm “Con Đường Đau Khổ” và “Thép Đã Tôi Thế ấy” đầy mùi vị Nga Xô-Viết ngày nào, nhất định không thể không chia sẻ

cảm giác “*những ngày tháng êm đẹp nhất đời mình*”, nghe rất trái khoáy, này của Ái Điều.

Mặt khác, tuy không nằm trong ngôn ngữ, nhưng ẩn dụ lại thấp thoáng xuất hiện trong câu chuyện, trong sự kiện, và trong cách kể chuyện, khiến văn chương Ái Điều có lúc mang tính chất ngụ ngôn. Văn, ở đây, pha trộn giữa thực và ảo. “Người Không Có Dấu Chân” chẳng hạn. Truyện mở đầu như sau:

“Sanh ra, ông Dur đã mang một điều rất lạ là khi đi, chạy, đứng – bằng đôi chân trần – ông đều không để lại dấu chân. Không ai chú ý, biết sự dị thường này; kể cả ông. Vì con người thời nay mang giày, dép. Dụng ý ban đầu giày dép là để bảo vệ chân, sau đó vì nghi thức và làm dáng. Đôi khi có đi chân trần nhưng người ta không bao giờ nhìn xuống hoặc quay đầu nhìn lại coi mình có để lại dấu chân không? Mà dấu chân khô khan, chai sần chỉ cần một cơn gió đã thổi bay. Dấu chân dẫm ướt mồ hôi, máu bom đạn, cát bụi phong trần cũng lau khô mất dấu tích thôi mà.”

Ngoài đặc điểm “không có dấu chân”, ông Dur là người bình thường.

Về hưu với chức phó phòng cấp huyện, ông làm một chuyến thăm quê. Một hôm, trên đường trở về từ nghĩa trang, thấy thằng bé dẫn đường – mà ông tưởng là một đứa cháu trong họ – để lại “*những dấu chân trần nhỏ nhắn in trên con đường phù sa ẩm nước,*” ông Dur mới khám phá ra là, ông chẳng hề để

lại dấu chân như nó; không những thế, sau đó, ông cũng mới hay rằng, thằng bé chỉ là bóng ma. Ấy thế mà, trong tang lễ của ông diễn ra ba tháng sau, một đại diện trong hội người cao tuổi, khi đọc diếu văn, có đoạn ca ngợi ông Dư có nhiều công lao to lớn khi còn công tác, và nhắc nhở, “*Thế hệ sau nên theo dấu chân ông mà đi.*”

Một kẻ không có dấu chân, thì lấy gì để người sau (noi) “theo dấu chân”?

Trong truyện, Ái Điều không tự hỏi như thế, nhưng lại kết luận bằng một “Lời ngoài truyện”: “*Các bạn đọc quý mến của tôi có khi nào xem thử mình có dấu chân hay không?*”

Đề tài lạ. Câu chuyện lạ. Kết thúc cũng lạ. Cái tưởng ảo thì là thực; ngược lại, cái tưởng thực thì hóa ra ảo. Nghịch lý này không khó tìm thấy trong cuộc sống nháo nhào hiện nay ở Việt Nam. “Người Không Có Dấu Chân” ngắn, gọn, đơn giản, nghe có phần hoang đường, nhưng lại vô cùng thời sự!

Ngoài một số bài thơ xuất hiện trên trang Văn Việt, hầu hết các sáng tác đều được đăng tải trên Facebook của mình. Chưa có tác phẩm xuất bản.

Trần Doãn Nho

(11/2025)

Nguyễn Lệ Uyên: ÁI ĐIỀU, CÔI LẠ VẪN CHƯƠNG

Thỉnh thoảng vào Fb của bạn bè, ít khi chú ý đến các trang chưa tương tác, chỉ lướt nhanh qua vài Avatar với nhiều khuôn mặt khác nhau, không lưu vào bộ nhớ. Cho đến một hôm, nửa khuya mở youtube bấm đại một bản nhạc dễ giấc ngủ, bỗng văng vẳng giọng ca Chế Linh thể thiết, nức nở chập chờn giai điệu ưu uất: Hận Đồ Bàn của nhạc sĩ Xuân Tiên. Trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, âm thanh nào nuốt kia lóe sáng góc nhỏ xíu trong đầu, như báo hiệu có một mối liên quan với hình ảnh một Avatar của ai đó tôi đã từng lướt qua với đôi mắt buồn thăm thẳm, với nụ cười thôn thức quặn thắt, với khuôn mặt tươi rói nổi niềm trong tầng khuất khổ đau, hiện hữu lên bóng dáng những người phụ nữ Chăm bước chậm trên nền cát nóng, đầu đội những tamia dwa buk: kiên nhẫn, chịu đựng pha trộn niềm vui và nỗi buồn, cuộn theo nhiều thế kỷ trong lòng nhang khói.

Tôi bật dậy, mở máy đọc và đọc; đọc một loạt các bài thơ, truyện ngắn trên Fb cá nhân mang tên Ái Điều, một cái tên hoàn toàn xa lạ trong cõi văn chương. Xa lạ, bởi cô chưa từng xuất hiện trên các trang mạng văn học lẫn báo giấy! Cô chỉ treo thơ, truyện trên Fb của mình như để giải bày những cảm xúc riêng tư, những nỗi niềm chôn kín

; nhưng lượng người đọc, tương tác không hề nhỏ: Ít thì 50, 70 comments; nhiều có trên vài ba trăm. Một lượng độc giả nhiều như vậy ắt phải có điều gì đó hấp dẫn, lôi cuốn người đọc trong thời buổi văn chương bị đẩy xuống hàng thấp nhất, như một loại giải trí lỗi thời!

Mới chạm sơ sịa vào thế giới chữ nghĩa của Ái Điều là bắt đầu chạm vào những điều bất ngờ đến lạ lùng mà xưa nay, các nhà văn thành danh không hề sử dụng để xây dựng tác phẩm văn học, mặc dù nó không mới.

Sự lạ trong các truyện của Ái Điều, trước hết cách sử dụng câu chữ rất tự do, không trau chuốt như những con thú hoang trong rừng sâu, những cánh chim lao vút lên tầng không, vô định; thứ đến là cách cô xây dựng các nhân vật bị xã hội xô đẩy ra ngoài lề, không phải là những con người tử tế theo cách nhìn đạo đức. Cô soi rọi bản thân và hành vi của họ bằng giọng văn lạnh lùng, khô khốc; không hề kèm theo các mỹ từ, không hề dùng ngôn ngữ miệt thị, lên án; không đòi hỏi trả lại sự công bằng, bất công hay van vỉ; do vậy một số truyện đôi khi trở nên tàn nhẫn, cay đắng!

Ta hãy thử đọc vài đoạn ngắn để coi xem loại ngôn ngữ, không phải là ngôn ngữ văn chương với những tính từ đi kèm theo con người, sự vật, hình ảnh... mà là loại ngôn ngữ chúng ta thường

nghe người dân quê kể chuyện với nhau lúc nhàn rỗi, loại ngôn ngữ bình dân, trơ trụi, cảm xúc thường bị đè lại phía sau “*Xe chở một bà cụ đỡ đẽ. Bà giống y như cụ phù thủy trong truyện cổ tích. Bà nhai trầu. Nước trầu chảy leo ra khoe miệng. Bà đưa hai ngón tay quét. Tay và môi bà dính màu đỏ máu bầm ... Người chồng, cụt một chân, leo lên mái nhà rút tranh ném vung lên trời. Ông chấp tay ngược mặt khấn cầu*” (Bốn đoạn ngắn về một người đàn bà).

Đó là cuộc đời người phụ nữ bắt đầu xuất hiện trên cõi đời này, từ cái sự người đàn ông cụt chân trèo lên mái nhà rút tranh ném lên trời (một phong tục mang tính tín ngưỡng, trừ tà, báo sinh ở miền quê nam Trung bộ), để sau đó là sự xuất hiện của “*Đưa con gái sơ sinh bú sữa mẹ không đủ. Nó uống nước gạo lúa mới pha muối. Rồi ăn củ khoai, con cá sông, con đông cát, rau tạp tàng*” cho tới lúc làm mẹ, để ném trải nhiều cay đắng cuộc đời! Qua mỗi lời kể ngắn gọn là một lát dao xoáy vào da thịt khiến người đọc hoảng hốt, y như rằng người đọc đang chứng kiến cảnh có thật trước mắt.

Càng rõ ràng và thật hơn nữa khi Ái Điều vẽ lại cách nói chuyện của các cô gái bán dâm, trong một quán cà phê mà chị em thường tụ tập đón khách. “*Con Yến -18 tuổi, nhỏ nhất hội, quỳ cũng nhất -giật lấy điện thoại của tôi la to: “Ế!*

Tụi mày coi chị Diệu có cái hình dị hợm nè!” Con Liên nhìn rồi trề môi: “Vẽ hồng giống người mà bà Diệu thích là sao?” Bà Bé Tư- cỡ 45 tuổi, già nhất – xem, nói: “Ăn thua là hình có ý nghĩa ...” Con Liễu đáp lời: “ Ý gì, má nói. Đám này ngu không hiểu?” Bà Bé Tư trầm ngâm: “tao nghĩ là thằng vẽ tranh muốn nói mấy con đĩ như tụi mình bán cái... (tục) mà vẫn mắc cỡ, che mặt. Con Diệu, mày có chữ nghĩa giăng đi! Tôi nói: “Chị hiểu rồi đó, là bán nhục thể mà vẫn giữ nhân cách...” Con bé Diệu nheo mắt: “Xì! Cho em xin, đĩ mà nhân cách cái con mẹ gì. Đặt chuyện xà lơ, ổng ghi cái nhan đề là “Cởi Ra Cho Mát”, hồng thấy sao?” Có tiếng chuông điện thoại. Con Trang buồn buồn: “Chị cất giùm ly cà phê em uống nửa chừng. Mẹ, hứng gì mà hứng sớm!” Tôi cẩn thận để ly cà phê của nó vào tủ lạnh. Hy vọng, đây là chuyến đi khách cuối cùng của đời nó. Mai, nó về quê, xa lắm, tận xẻo Đức, để cưới chồng. Tôi nhìn theo bé Trang chạy xe băng qua con lộ. Nó đi chiếc xe trắng, mặc bộ đồ trắng chạy chậm chậm trong ánh nắng rực lửa của trưa hè... như một thiên sứ...”. (17 đoạn khúc của quán cà phê đen).

Ở một xóm xinh nào đó trên xứ sở đang quặt quẹo, mất hết sinh khí này, xuất hiện không ít những con bé Mười Hai bán trinh lấy 5 triệu đồng, bé Diệu phải đi làm đĩ để có tiền nuôi em vừa đậu vào trường Yhay như con Linh được thằng cò đĩ

gọi tới khách sạn đi khách du lịch, mà trên lưng khách có xăm mấy chữ BẦY LÓC, ANH YÊU EM chính là cha đẻ ra Linh, như một trớ trêu của định mệnh oan trái: “Ông khách- ba tui- đã ngồi đây. Tui mắt hôn vĩa, quỳ xuống đất lạy như tế sao: ba tha tội cho con ... tha tội cho con, đừng méc với má. Tui nhắm mắt lạy như cái máy, lạy lạy ... lạy ba tui hay là lạy ông trời, lạy cuộc đời này? Rồi tui tông cửa chạy ra khỏi phòng. Trần truồng mà chạy, chạy không hôn, cứ chạy vào bóng tối, y như muốn tan biến trong màu đen của đêm” (17 đoạn ngắn trong quán cà phê đen).

Ái Điều cứ nhân nha phơi bày những cảnh đời tăm tối của các cô gái bán dâm một cách thân nhiên, trần trụi, trơ khấc in hệt những lát dao cắt vào tim!

Nhưng cũng có lúc cô thông thả dẫn dắt người đọc, cùng bước vào thế giới mờ lung siêu thực, một nửa là đời sống có thật và nửa kia nhuộm màu huyền bí. Đó là dấu chân của ông Dư nào đó: “Đôi khi có đi chân trần nhưng người ta không bao giờ nhìn xuống hoặc quay đầu nhìn lại coi mình có để lại dấu chân không? Mà dấu chân khô khan, chai sần chỉ cần một cơn gió đã thổi bay. Dấu chân dẫm ướt mồ hôi, máu bom đạn, cát bụi phong trần cũng lau khô mất dấu tích thôi mà”. Cô mô tả nhân vật Dư là một con người bình thường như hàng trăm ngàn người bình thường

khác đang sống đang lao động, cần mẫn, chăm chỉ từ việc ăn ngủ tiếp xúc, yêu đương đến công việc ở sở làm cho đến khi nghỉ hưu rồi nhắm mắt xuôi tay. Ông không cao không thấp, không đẹp không xấu, không sung sướng mà cũng chẳng đau khổ trong cuộc sống. Nhưng cái sự không bình thường là một hôm “*Ông Dư nhìn xuống chân mình. Ông giật mình rồi quay lại, nhìn đoạn đường mình đã đi qua. Lại thật, không có dấu chân ông trên cát... Ông bước thêm vài bước nữa. Quan sát kỹ, vẫn không có dấu chân ông*”.

Câu văn, cách mô tả nhân vật Dư tưởng chừng như không có gì đáng lưu tâm, theo lời kê; nhưng đằng sau nó lại không bình thường chút nào! Cô trộn lẫn giữa thực và hư (qua hình ảnh cánh điều của đứa bé), giữa linh hồn và ký ức về tuổi thơ; cánh điều như đường dẫn về thế giới khác. Rõ ràng người chết làm sao để lại dấu chân, nhưng với người đang sống, người ta tìm cách ca ngợi hay xĩa xối dấu chân người là hình ảnh ẩn dụ cuộc đời riêng tư, không thiếu trong đời sống xã hội từ xưa đến nay... Và, cuối truyện cô hạ một câu lạnh tận xương tủy: “*Các bạn đọc quý mến của tôi có khi nào xem thử mình có dấu chân hay không?*” (Người không có dấu chân).

Một truyện khác Người và người và những người, dường như Ái Diệu viết để mở rộng hơn phạm người như ông Dư trong xã hội hiện tại với giọng

điều mĩa mai châm biếm khi mở đầu tên tiệm hót tóc của Bé Hai từ Hair cut biến thành Hai-rờ-cu-tê theo cách đọc của người lao động trong xóm. Chuyện nam mở tiệm cắt tóc nữ và ngược lại là điều không hiếm trong các dịch vụ “làm đẹp” hiện tại, nhưng nó trở nên khác lạ hơn, khi có một nhân vật thứ ba, thứ tư chen vào thổi bùng sự nghi ngờ, xác quyết, rằng ông Năm Sanh tư tình với con Bé Hai-rờ-cu-tê “dụ dỗ đám già dê”, tạo thành làn sóng phẫn nộ, nhân danh đạo đức, đây ông đến chỗ tự tìm lấy cái chết sau những ám ảnh kinh hoàng vấy bừa Năm Sanh: *“Là cặp môi xăm đỏ chót, nhóp nhép nói không ngừng dưới đôi mắt như mụ phù thủy của vợ ông. Là cái miệng cười xạo xạo, đôi mắt lăm la lăm lét của thằng con trai ông. Là cặp mắt dâm dê, cái miệng cười tạo dáng cố tình khoe hàm răng giả bọc sứ của tay chánh văn phòng... Nhiều, nhiều quá những con mắt, những cái miệng quay cuồng dòm ngó, hét to vào tai ông, vào đời ông. Ông xây xẩm, chóng mặt. Ông bịt tai, nhắm mắt”* (Người và người và những người).

Hàm trú ẩn cho người và chữ, Ái Điều đã khơi gợi lại nỗi kinh hoàng trong lòng người đọc, khi nhớ lại giai đoạn bi thương của những cuốn sách (miền Nam) bị thiêu sống, chết tức tưởi bằng nhiều cách khác nhau: hỏa thiêu, thủy táng (ném xuống ao tù), lãng trì (ném tung ra đường, cho xe lu cán qua, nghiền lại)..., bởi chúng gánh nhiều

tội lỗi với dân tộc, là “nọc độc, đòi truy, phản động”. Trước cơn điên cuồng của những kẻ nhân danh chiến thắng, bảo vệ văn hóa... chủ nhân những “tên tội phạm” đã tìm cách chết cho sách một cách hiên ngang, thanh sạch: “*Ông nội nghẹn ngào: sách, chữ nghĩa là điều linh thiêng mà thần linh, thánh hiền đã ban cho con người để khỏi u mê, có đạo đức. Cha con mình không bảo trọng được sách, được chữ nghĩa, mình phải tạ lỗi với tổ tiên. Những cuốn sách này là lời của tiên nhân dưỡng dục nhân cách. Không thể giấu sách xuống hầm là nơi không tôn nghiêm. Không thể giao sách để người ta huỷ hoại, chà đạp. Nhà mình phải hoá táng sách để hồn của chữ tồn tại vĩnh hằng*” (Hầm trú ẩn cho người và chữ). Chỉ với những dòng ngắn ngủi này, đủ để nước mắt tôi chảy dài với mấy ngàn quyển sách, tạp chí trong nhà, thời kỳ đó; rồi nhớ lan man qua tản văn Đề tang cho sách của Khuất Đầu (nhà văn gốc Bình Định, hiện sinh sống tại Ninh Hòa): “*Cuối cùng ông đã chọn cho mấy trăm cuốn sách một cái chết dũng cảm. Đó là chính ông tự mình đốt sách*”. Có ai đủ tinh táo để nhìn những cuốn sách quý của mình bị bọn “tiểu quý” vừa hát tung ra đường, vừa châm lửa đốt, vừa nhe răng nhảy múa reo cười, như anh Nhật Tiến đã ngã quỵ trước cửa nhà khi nhìn ngọn lửa bùng cao, thiêu rụi hàng ngàn quyển sách của mình! Và thật mỉa mai, như những dòng cuối cùng trong truyện này, Ái Điều nhắc lại: “*Nhiều năm sau, sách bị tịch thu, đốt*

được ấn hành lại. Chữ nghĩa được tái sinh từ bụi tro tàn”!

*

Hầu hết các truyện cô treo trên Fb, không tìm thấy những đoạn, những câu triết lý; nhưng đến khi kết thúc, cô thường để lại những dấu hỏi to tướng để độc giả tìm cách tự xói tung những câu trả lời như đi bới tìm những những vật thể lạ vùi trong lớp cát sâu!

Trong những thập niên 60, 70 của thế kỷ trước, triết học hiện sinh du nhập vào miền Nam theo ngã văn chương với nhiều nhà văn, nhà thơ đưa tác phẩm của họ theo chiều hướng đó; giai đoạn gầy gáp tiếp theo là sự biến mất, thay thế bằng sự lừng lững hiện thực xã hội một chiều một cách xộc xệch, so le để rồi sau đó nhường bước cho dòng văn học hậu hiện đại, cách tân, phi thơ... làm thay da đổi thịt cho dòng văn chương hiện đại. Ái Điều không bị “cuốn theo chiều gió”, vẫn giữ riêng cho mình một hướng đi độc lập, một cách viết, từ nội dung đến hình thức không giống bất cứ một khuynh hướng hay kiểu mẫu nào. Cô nghĩ sao viết vậy, thấy gì viết nấy, thấu cảm với đời sống, xã hội vây quanh mình.

Loại truyện cô viết về đề tài này, không cao xa, sang trọng; chẳng có vũ trường, phòng lạnh, chân

dài chân ngắn hay những mối tình đậm dấu phim ảnh giải trí. Trái lại, đó là những con người có thật, khung cảnh có thật quanh cô; mà thường là những cảnh đời, con người sống tận cùng đáy xã hội hôm nay.

Giữa một quán cà phê đầu đó ở miền biên viễn Tây-Nam, có thể là Tịnh Biên, Tri Tôn hay An Phú nào đó, các cô gái bán thân tụ tập nhau, khéo chuyện với nhau sau khi “hoàn tất các phi vụ”. Họ vô tư kể lại, không hề lưu dấu cảm xúc, chẳng hề thấy, nghe những oán than, cứ đều đều lướt qua như các nhân vật trong chiếc lồng đèn kéo quân, nhưng có sức mạnh như một quả bom làm tan nát lương tri con người còn giữ chút phẩm hạnh, trong thời buổi mà đạo đức suy đồi, tha hóa, tệ nạn xã hội ngày mỗi tăng cao trước sự bất lực của bậc cha mẹ. Cuối cùng cũng đành buông xuôi, tin vào mộng mị mê tín, rủi may!

Sự thê lương ấy hiện rất rõ trong truyện Sấm Ký, nơi người ta giải bày nỗi lòng, chỗ vung vãi nhục cảm và đón nhận cái xấu xa như nhóp như cừ cánh của cuộc sống không lối thoát. Đó là trường hợp của Liễu, chồng đi nghề rập ghe trên biển, đã 2 năm không trở về, một thân một mình nuôi con nhỏ và cha mẹ chồng già bệnh hoạn. Số phận nghiệt ngã ấy đẩy cô vào cuộc mưu sinh sát rìa sự sa đọa đích thực và bên cạnh những lời truyền tụng vô căn cứ trong mấy câu sấm ký chuyền tay

nhau như một chiếc phao cứu mệnh. Mọi người đặt niềm tin vào đó, đặt tất hy vọng vào đó như sẽ có một sự đổi đời nếu như đem hết lòng thành, cố gắng làm đúng những chỉ dẫn, vì chung quanh là *“Lũ nạ quý, đám cô hồn ngự trị khắp dương gian, hãm hại người lương thiện... Kẻ ác nham, người hiền hậu tựa vàng thau lẫn lộn khó phân biệt được. Người đức hạnh biến đổi thành kẻ sa đoạ như bị ma da bắt”*. Liễu, nhân vật trong Sám ký bị xã hội trói chặt, trong cảnh không phải người đức hạnh mà cũng không là kẻ ác nham! Cô vừa chép sám ký cầu may với cả lòng thành, vừa lên giường với ông Chiến xong, lại có điện thoại của Chinh, con ông Chiến: *“Con Liễu còn trần truồng thì có tiếng báo tin nhắn. Tin nhắn của anh Chinh, con ông Chiến: a nhớ e quá, năm giờ mình gặp nhau nghen e...con Liễu không mặc áo quần. Như vậy cho đỡ mất thời gian, vì nó còn suất làm chiều ở quán nhậu. Anh Chinh chưa đến. Trong khi chờ đợi, con Liễu lấy sám ký ra viết tiếp”*. Những cảnh đời cay đắng này không phải cô bịa và hư cấu thành truyện mà đó là hình mẫu đầy đầy ngoài xã hội hiện tại, Cô chỉ có nhiệm vụ kể lại!

Có điều may, là Ái Điểu không khai thác đề tài một chiều, rập khuôn. Cô biết cách lái sự khôn cùng tan nát trong đời sống tham thú thường ngày sang một hướng rất nhân bản. Một số truyện của

cô được xây dựng như thể một tuyên ngôn nhân sinh.

Nhân vật “Tôi” kể lại cuộc trốn chạy, được cứu sống... và 23 năm sau quay trở về tìm ân nhân thì lại rơi vào đúng bi kịch kiếp người rách nát! Để được sống và trốn chạy, “Tôi” đã được tiếp sức bằng những giọt sữa của người đàn bà và mấy củ khoai lang. “Tôi” trốn chạy mang theo nhiều mùi bám trên thân thể người đàn bà: mùi sữa, mùi đàn bà, mùi mồ hôi, mùi nước tiểu, mùi khói thuốc trộn với mùi ẩm mốc. Tất cả các mùi đó là mùi trần gian, nơi “Tôi” đang sống, đã đào thoát và vừa trở về. Nói khác: tất cả những mùi “nhân gian” này đã cứu tôi vượt thoát khỏi ngục tù trong một xã hội cơ man những dối trá, ác độc để tìm đến nơi chốn bình yên! *“Tôi run run cầm tay nàng. Bất giác tôi gục đầu vào bầu vú của nàng. Mùi sữa người, mùi mồ hôi, mùi đàn bà, mùi ẩm mốc, mùi thuốc rê, có cả mùi nước tiểu trẻ em... Tôi hít thật sâu và muốn chảy nước mắt. Tôi đang được tiếp tục sống. Có tiếng trẻ con khóc. Nàng siết chặt đầu tôi vào vú nàng trong giây lát, rồi lại đẩy ra. Nàng nói: Em phải vào ổ cho con nín, nó khóc dễ gây sự chú ý. Ông đi cho kịp lúc. Tôi bước vào bóng đêm, lún sâu vào cát lầy. Gió sông thổi xoá nhanh dấu chân”* (Mùi của miền Nhân Gian).

Ái Điều chưa dừng lại, cô đẩy “miền nhân gian” kia vào một bi kịch téo ngoe, nghệt buốt khi, sau 23 năm, “Tôi” quay về và tìm ra chốn cũ đã biến thành loại “mùi khác” nơi chốn sa đọa (để tiếp tục sống nốt một kiếp đọa đày): *“Nó dẫn tôi qua một cái cổng, qua một khoảng sân rộng, nói: Nhà ông nội em. Xưa, giàu nhất làng. Ông vào cái phòng thứ hai, chờ em tắm rửa cho thơm”*. Nhưng đỉnh điểm của bi kịch lại nằm ngay ở đoạn cuối: cuộc gặp bất ngờ giữa “Tôi” và người đàn bà năm xưa với *“bầu vú tròn căng đang nhỏ sữa vào miệng tôi”* và con nhỏ hỏi nước đôi *“uống cà phê hay đi vui về”*. Màn kịch hạ xuống và trái tim người đọc dường như cũng bị bóp nát đến thoi thóp *“Con nhỏ tắm xong, bước ra. Nó kêu lớn: Má kỳ quá! Khách của con mà. Nàng ngưng hun, nói: Khách của tao, mày biết mẹ gì! Lúc mày còn bú tao đã quen ông này. Nàng nói với tôi: Ông đã uống ké phần sữa của con bé... Tôi khụy xuống. Vui mặt vào bầu vú của nàng. Vui tôi, chôn sâu vào miền nhân gian cát lầy miên viễn”*.

Giọng điệu “xia xói, gai góc” vốn là đặc trưng trong văn chương Ái Điều. Khi bóng gió, lúc thẳng thừng, không né tránh và, đôi khi có phần “giật gân”? Đó là truyện Môi trinh kỹ nữ. Ngay nhan đề truyện đã là nghịch lý: Xét về mặt sinh học, đã là kỹ nữ thì làm gì còn trinh tiết? Vậy mà Ái Điều nằng nặc xác quyết rằng có một cách kiên định, y như các mẹ các chị ở Pháp, Anh khởi

xương đòi quyền bình đẳng giới từ cuối thế kỷ XVIII cho đến tận đầu thế kỷ XX, lan rạtoanf thế giới và thành công!

Đề khăng định kỹ nữ vẫn còn trinh tiết, cô thừa nhận kỹ nữ chính là đi. Nhưng đi có ích cho xã hội, vẫn sạch sẽ thơm tho, chứ không như “*Hiếm mẹ gì tiến sĩ, tướng quân, văn hào, thi bá, khanh hầu... mà ác nhân, giả nghĩa ức hiếp lương dân, bóc lột bá tánh. Em là kỹ nữ. Cái nghề xấu nhưng mà em tốt. Em không bóc lột ai, chỉ có khách hàng bóc lột em. Họ bóc lột em khiếp lăm, không còn mảnh vải che thân... Em làm kỹ nữ. Nghề dơ dáy? Không! Em cho là nghề tui em sạch lăm. Sáng thức dậy đã tắm sạch sẽ xịt dầu thơm phức. Y phục thời trang, đẹp từ áo quần cho đến nội y. Cứ nói kỹ nữ là nghề dơ dáy. Bậy! Nói mà thiếu suy nghĩ. Máy chị nữ sinh trong trắng, được anh nhor tình đem ra chòi vệt, đè xuống. Toàn mùi lông vệt. Đâu có sạch như giường nệm nhà trọ. Máy chị bán cá vừa về nhà. Anh chồng thềm, lôi vào phòng, tanh thấy con đi mẹ. Tóm lại nghề em sạch. Quá sạch. Thơm tho từ da đến tóc. Sạch hơn máy ông, máy bà tiến sĩ, giáo sư, bác sĩ, tướng quân, chính khách bán lương tâm cho quỹ tham dực. Từ khi có xã hội loài người, biết bao nghề đã không còn. Như nghề cầm lọng che mát cho quan, nghề mãi võ, nghề ở vú cho con nít bú ... Chỉ có nghề làm đi là còn mãi mãi. Và, chắc như bấp, là còn đàn ông là còn con đi. Vì sao?*

còn đàn ông là còn con đĩ? Vì nghề làm đĩ cần thiết cho cuộc sống. Không có những nhà thơ, nhân loại cũng không quan tâm. Nhưng, không có đĩ thế giới sẽ náo loạn, bất bình an. Không có nàng Kiều (bà đĩ nổi tiếng nhất trong văn học) chắc không ai nhớ đến Tô Như, Từ Hải. Nhờ có tụi em hiếp dâm giảm đi nhiều”. Đây là kiểu lý luận bừa phứa, chầy cối của kẻ dưới cơ, ngã ngựa... nhưng xem ra cái lý sự cùn vừa cay độc ấy lại đúng muôn phần!

Xem nào: kỹ nữ là cách gọi tên cho văn vẻ thời xưa, chứ trần trụi là đĩ, người làm nghề bán dâm, mà nguyên nhân chính là nghèo đói, bé tắc trong cuộc sống. Họ bán hay trao đổi cái họ sở hữu một cách sòng phẳng, không ép buộc khách hàng (chỉ có chiều ngược lại ở khách làng chơi). Nhưng hình ảnh và nhân cách của cô gái làm đĩ của Ái Điều lại hoàn toàn khác. Cô ta bán tất cả những gì hiện hữu trên thân thể, khách tha hồ bóp nắn, dày vò ngoại trừ một nơi cô ta đặt sự thánh thiện trong suốt như khí trời buổi tinh mơ: đó là đôi môi, phần trinh tiết, thanh sạch nhất của mình, và nhất quyết không cho khách làng chơi đụng chạm vào ngôi đền thiêng này, là điểm tựa nhân phẩm cuối cùng cần giữ gìn. Cô gái từ chối cái giá cao gấp nhiều chục lần giá đi khách, và đôi khi bị hành hung chỉ vì ra sức giữ trọn ngôi đền thiêng trên đôi môi? Thân xác đưa ra bán buôn, nhưng tâm hồn vẫn giữ trong sạch. Bán **trinh** nhưng

không bán **tiết**. Đó là một thông điệp của những con người bị xã hội đặt tên là đĩ, còn lương tri, nhân phẩm.

Đáng chú ý, trong “thế giới đĩ” của Ái Điều cô chỉ xây dựng hiện tượng xã hội thu nhỏ u ám bằng những câu chuyện kể, bằng những giọng điệu cười cợt dập diu đầu đón về thân phận của họ một cách vô tư như chưa hề có mặt và tham dự vào cảnh đời khốn cùng, đen tối đó. Cô không khai thác họ qua ngã tình dục, không một đoạn, câu nào mô tả cảnh giường chiếu, làm tình có tính gợi dục; cũng chẳng đào sâu những ẩn ức dục tính qua thân xác, hay lôi ra những libido để tô vẽ cho cốt truyện. Tôi nghĩ, cô có đọc Freud, Heidegger, hiểu rất rõ các hiện tượng xuất hiện trong ý thức cá nhân nhưng không khai thác quá mức, biết cách dừng lại ở những điểm thắt nút quyết định, không đào sâu, khai thác một cách trần tráo, sòng sạo, hời hợt như một số nhà văn, sau khi được tiếp cận trào lưu triết học phương Tây, sau năm 75, chỉ để làm dáng!

Có thể nói, hầu hết các truyện Ái Điều khởi viết từ năm 2023 tới nay đều viết về thân phận u ám của con người ở dưới tầng đáy xã hội, một xã hội sau chiến tranh chưa thực sự được hàn gắn vết thương về thể xác lẫn tâm hồn, chưa có sự hòa hợp, đầy dẫy sự đổ kỵ phân cách, cùng nỗi đau

của sự mất mát; một xã hội ngày càng lộ rõ sự mục rữa của đạo lý, nhân phẩm qua những chuyện kể về ma túy, cá độ, bán trinh, lừa lọc... Ái điều để cho các nhân vật tự nói, tự phơi bày cái nhóp nhép trong đời sống của họ một cách bình thản. Truyện cứ thế trôi đi mà cô không hề kể lể, can thiệp; cô đặt nhân vật ngang hàng với người tạo ra nó thật trơn tru, gọn gàng, không gượng ép, tí vết thông qua giọng văn sắc lạnh, tinh queo, đôi khi khá tàn nhẫn, giống như cách cô dùng câu văn thô ráp, không văn vẻ, trau chuốt, loại văn chương đứng ngoài văn chương, loại chữ nghĩa rất hoang dã, như thể đó là văn phong vốn có, không khác được. Cô *“viết để giữ lại tiếng nói cho những con người không ai muốn nhớ”*.

Đặc điểm khác trong truyện Ái Điều, là sau khi lon ton, cưỡi cọt, bông phèng cộng thêm vài câu nói tục (cốt cách ngôn ngữ nông dân Nam bộ), cô quay ngoắt đến 180 độ, để cho các nhân vật tự suy tưởng, triết lý như một nhà “hiền triết”. Truyện kịch Ga xếp thuộc loại hiếm hoi và nghiêm túc này. Có lẽ, đây là truyện đặc sắc nhất của cô trong loạt truyện khởi viết từ năm 2023 đến nay. Cái Ga xếp hoang tàn và đường ray cũ mục đó là hình ảnh ẩn dụ cho xứ sở của ông già 70 tuổi, anh trung niên viết văn hay chép sử, cô gái trẻ và các bóng ma. Thời gian và

tuổi tác của các nhân vật trùng khớp với hơi thở trên các chặng đường xây dựng và vận hành của nhà ga này.

Ông già luôn xác quyết niềm tin tuyệt đối, rằng nhà ga và đường ray kia sẽ nối nhịp hồi sinh, sẽ đi về hướng tương lai tươi sáng, bởi “*thời đó những người dân áo rách đã thấm ướt mồ hôi cho từng viên gạch xây cái ga này. Rồi cũng chính họ, các bạn bè của tôi, đã đổ máu xương để bảo vệ từng mét đường ray*” thì không vì có gì mà lời tuột cả niềm tin xuống sông, xuống biển? Ông không chịu nhìn thấy hay từ chối nhìn thấy như người trung niên: “*bác nghĩ là nhà ga còn hoạt động sao? Con có cảm giác nhà ga này là thứ đồ mã. Những khẩu hiệu rách kia là bùa chú. Tất cả cũng cần thiết tạo nên, để có niềm tin. Nhưng, sau nghi lễ, cần hoá táng đi*”. Và cô gái thì mạnh mẽ hơn, thẳng thừng: “*Tàu nào? Tàu chở hình nhân giấy à? Cái ga xép này đã bị xoá sổ trên hành trình chạy tàu từ lâu rồi*”. Đây là mệnh đề cuối cùng để anh trung niên không còn tự huyễn hoặc chính mình, lừa dối chính mình như một sự phi báng, bèn xé nát bản thảo vát đi như một lời thú tội muộn màng: “*Người ta đã bán cả dãy núi hùng vĩ có khắc sâu lời thề non nước. Bán, để xây biệt phủ, lâu đài. Bán, để mua đất ở xứ khác sau khi phá nát cái ga xép này*”. Vâng, “*Con tàu không quan trọng. Có thể là một con tàu khác. Chính những thanh ray sẽ dẫn dắt con tàu. Phải có đường ray khác*”.

Ở truyện vừa dẫn trên kết hợp với các truyện khác, cô đã dẫn người đọc đi từ nỗi xót xa, tủi cực về thân phận những người phụ nữ (bán dâm), sự cô đơn đến tận cùng của con người lạc lõng trong một xã hội mang bộ mặt hào nhoáng, giả tạo chỉ đến sự khắc khoải của rất nhiều người đặt niềm tin vào một tương lai mơ hồ, không đúng chỗ. “*Có thể là con tàu khác... Phải có đường ray khác*” như một tiếng kêu tuyệt vọng, như con cuốc nấc lên tiếng kêu cuối cùng!

Bởi vậy, văn Ái Điều luôn vang vọng những Câu hỏi, như “*có khi nào xem thử mình có dấu chân hay không?*” ở dòng cuối cùng của truyện Người không có dấu chân là sợi chỉ xuyên suốt trong mười mấy truyện cô “trình làng” chùng như dành cho mọi người cùng nhau soi rọi lại bản thể mình và xã hội mình đang sống với.

Nguyễn Lệ Uyên

(Tuy Hòa, 27/1/2026 Nhuận sắc giữa tháng 2/2026 giữa tiết trời lạnh giá)



Ái Điều sinh năm 1980 tại Ninh Thuận
Quê nội Tuy Phước Bình Định
Quê mẹ An Giang
Hiện sinh sống tại Châu Đốc từ năm học lớp 8 tới nay
Từ nhỏ đã đam mê nghệ thuật: Thơ-văn-họa-tượng
Có thơ đăng báo từ năm học lớp 8.
Hết lớp 12, vì lý do cá nhân, bỏ học, bỏ cả đam mê thơ văn... tưởng chừng cánh cửa văn chương khép lại vĩnh viễn
Nhưng rồi... hơn 20 năm sau, trong sự tình cờ ngẫu nhiên, cô bắt đầu viết lại và thơ văn chỉ xuất hiện trên facebook cá nhân.
Cho tới một ngày...

MÙI CỦA MIỀN NHÂN GIAN- Tập truyện của
Ái Điều là tác phẩm thứ 98 trong Tủ Sách Điện Tử
T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành
miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn
học:

T.Vấn & Bạn Hữu
(T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về tác giả
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*



